**Câu 1**. Từ ngày 4 đến 11-2-1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Hội nghị Ianta (Liên Xô).

B. Hội nghị Pốtxđam (Đức).

C. Hội nghị Niu Oóc (Mĩ).

D. Hội nghị Xan Phranxixcô (Mĩ).

**Câu 2**. Dự Hội nghị Ianta (2-1945) có nguyên thủ của những quốc gia nào dưới đây?

A. Anh, Pháp, Mĩ.

B. Anh, Pháp, Đức.

C. Liên Xô, Mĩ, Anh.

D. Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc.

**Câu 3**. Hội nghị cấp cao của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh (2/1945), được tổ chức tại quốc gia nào dưới đây?

A. Oasinhtơn (Mĩ). B. Ianta (Liên Xô). C. Pốtxđam (Đức). D. Luân Đôn (Anh).

**Câu 4**. Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945), quân đội nước nào sẽ vào chiếm đóng Nhật Bản và Nam Triều Tiên?

A. Anh. B. Mĩ. C. Pháp. D. Liên Xô.

**Câu 5**. Ngày 24-10-1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Bản Hiến chương Liên hợp quốc chính thức có hiệu lực.

B. Mĩ và Liên Xô phê chuẩn bản Hiến chương Liên hợp quốc.

C. Hội nghị Xan Phranxixcô (Mĩ) thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.

D. Năm nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an thông qua bản Hiến chương.

**Câu 6**. Tháng 9-1977, Việt Nam đã chính thức tham gia vào tổ chức nào dưới đây?

A. Liên hợp quốc (UN).

B. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

C. Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

**Câu 7**. Từ ngày 25-4 đến ngày 26-6-1945, Đại biểu 50 nước họp hội nghị quốc tế ở Xan Phranxcô (Mĩ) nhằm

A. thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp phát xít.

B.phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.

C. thông qua hiến chương thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

D. Liên Xô sẽ tham chiến chống phát xít Nhật ở châu Á.

**Câu 8**. Cơ quan nào dưới đây của Liên hợp quốc có đầy đủ đại diện các nước thành viên, mỗi năm họp một lần?

A. Ban Thư kí. B. Đại hội đồng.

C. Hội đồng Bảo an. D. Hội đồng Quản thác.

**Câu 9.** Hiến chương Liên hợp quốc được chính thức thông qua tại hội nghị nào dưới đây?

A. Hội nghị Ianta (Liên Xô). B. Hội nghị Niu Oóc (Mĩ).

C. Hội nghị Pốtxđam (Đức). D. Hội nghị Xan Phranxixcô (Mĩ).

**Câu 10**. Tổ chức nào dưới đây là tiền thân của tổ chức Liên hợp quốc ngày nay?

A. Hội Quốc liên. B. Đệ tam quốc tế.

C. Liên minh tiến bộ quốc tế. D. Khối Đồng minh chống phát xít.

**Câu 11.** Từ khi ra đời đến năm 2006, tổ chức Liên hợp quốc có bao nhiêu nước thành viên?

A. 190. B. 191. C. 192. D. 193.

**Câu 12.** Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hiện nay có bao nhiêu nước thành viên?

A. 5. B. 7. C. 10. D. 15.

**Câu 13.** Hội đồng Bảo an có vai trò như thế nào trong tổ chức Liên hợp quốc?

A. Phải phục tùng Đại hội đồng.

B. Giữ vai trò trọng yếu.

C. Là quan sát viên.

D. Giữ vai trò cố vấn.

**Câu 14.** Theo quyết định của Hội nghị Ianta, nước nào sẽ chiếm đóng Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Mĩ. B. Anh. C. Liên Xô. D. Trung Quốc.

**Câu 15**. “Duy trì hòa bình và an ninh thế giới” là mục đích hoạt động của tổ chức nào dưới đây?

A. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

B. Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO).

C. Liên minh châu Âu (EU).

D. Liên hợp quốc (UN).

**Câu 16**. Cơ quan nào dưới đây **không** thuộc tổ chức Liên hợp quốc?

A. Ban Thư kí.

B. Đại hội đồng.

C. Hội đồng bộ trưởng.

D. Hồi đồng Kinh tế và Xã hội.

**Câu 17**. Hội nghị Ianta (2-1945) được triệu tập trong bối cảnh lịch sử nào dưới đây?

A. Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc.

B. Chiến tranh thế giới thứ hai mới bùng nổ.

C. Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra quyết liệt.

D. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

**Câu 18**. Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945), quân đội của những nước nào sẽ đóng quân ở Đức?

A. Anh, Pháp, Mĩ và Liên Xô.

B. Liên Xô, Mĩ, Canada và Pháp.

C. Anh, Liên Xô, Trung Quốc và Mĩ.

D. Anh, Pháp, Mĩ, Pháp, Anh và Canada.

**Câu 19**. Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

B. Chung sống hòa bình với sự nhất trí của năm cường quốc.

C. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dung vũ lực với nhau.

D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

**Câu 20**. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945)?

A. Các nước Đồng minh đàm phán, ký kết các hiệp ước với các nước bại trận.

B. Các nước phát xít Đức, Italia ký văn kiện đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.

C. Các nước Đồng minh thỏa thuận chia Đức thành hai nước Đông Đức và Tây Đức.

D. Các nước Đồng minh thỏa thuận khu vực đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng.

**Câu 21**. Nội dung nào dưới đây phản ánh quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945)?

A. Các nước Đồng minh đàm phán, ký kết các hiệp ước với các nước bại trận.

B. Các nước phát xít Đức, Italia ký văn kiện đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.

C. Các nước Đồng minh thỏa thuận chia Đức thành hai nước Đông Đức và Tây Đức.

D. Các nước Đồng minh phân chia phạm vi ảnh hưởng và khu vực chiếm đóng ở các nước phát xít bại trận.

**Câu 22**. Việc Liên Xô là Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có ý nghĩa như thế nào trong quan hệ quốc tế?

A. Thể hiện là tổ chức quốc tế có vai trò quan trọng duy trì hòa bình an ninh thế giới.

B. Góp phần hạn chế sự thao túng của chủ nghĩa tư bản ở tổ chức Liên hợp quốc.

C. Tổ chức quốc tế quan trọng nhất trong đời sống chính trị quốc tế sau năm 1945.

D. Khẳng định vai trò tối cao của 5 nước lớn trong tổ chức Liên hợp quốc.

**Câu 23**. Nước Cộng hòa Liên bang Đức được thành lập vào tháng 9-1949 vì lí do nào dưới đây?

A. Do cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của người Đức.

B. Do sự thỏa thuận của Anh, Mĩ, Liên Xô tại Hội nghị Ianta.

C. Do âm mưu của Anh, Pháp, Mĩ nhằm chia cắt lâu dài nước Đức.

D. Do chính sách phản động mà chủ nghĩa phát xít đã thi hành ở nước này.

**Câu 24**. Một trong những vấn đề cấp bách đòi hỏi các nước lớn phải giải quyết khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc là

A. thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

B. thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp phát xít.

C. phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.

D. Liên Xô sẽ tham chiến chống phát xít Nhật ở châu Á.

**Câu 26**. Nội dung nào dưới đây **không** phải là quyết định của Hội nghị Ianta (2 – 1945)?

A. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

B. Nhanh chóng khắc phục hậu quả của chiến tranh.

C. Thống nhất chung là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

D. Thỏa thuận việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp phát xít.

**Câu 27**. Sự kiện nào dưới đây góp phần hình thành khuôn khổ trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Hội nghị Ianta (2 – 1945).

B. Nhật Bản đầu hàng Đồng minh.

C. Tổ chức Liên hợp quốc được thành lập.

D. Tuyên bố của Tổng thống Mĩ Truman (3 – 1947).

**Câu 28**.Mục đích hoạt động chủ yếu của tổ chức Liên hợp quốc là

A. khắc phục hậu quả sau chiến tranh.

B. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

C. giúp đỡ các nước thành viên về kinh tế, văn hóa.

D. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

**Câu 29**.Nội dung nào sau đây là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

A. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

B. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau.

C. Hợp tác có hiệu quả trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục.

D. Thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế.

**Câu 30**.Cơ quan nào dưới đây giữ vai trò trọng yếu trong duy trì hòa bình và an ninh thế giới của tổ chức Liên hợp quốc?

A. Đại hội đồng. B. Toà án quốc tế. C. Hội đồng Bảo an. D. Hội đồng quản thác.

**Câu 31**. Hiến chương được xem là văn kiện quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc vì

A. đã được các nước thành viên phê chuẩn.

B. đã quy định bộ máy tổ chức của Liên hợp quốc.

C. đề ra nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.

D. đã nêu rõ mục đích hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.

**Câu 32**. Vấn đề nào dưới đây **không** phải là yêu cầu cấp bách đòi hỏi các nước lớn phải giải quyết khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc?

A. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

B. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

C. Giải quyết hậu quả của chiến tranh.

D. Phân chia thành quả chiến thắng.

**Câu 33**. Để nhanh chóng kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh đã thống nhất nội dung nào dưới đây?

A. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật.

B. Liên Xô sẽ vào giải giáp quân phiệt Nhật ở Bắc Triều Tiên.

C. Hồng quân Liên Xô sẽ tấn công vào sào huyệt Béc-lin của Đức.

D. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

**Câu 34**. Trật tự hai cực Ianta được hình thành trên cơ sở nào dưới đây?

A. Những quyết định của Hội nghị Ianta và thỏa thuận sau đó của ba cường quốc.

B. Những quyết định của các nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

C. Những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.

D. Những quyết định của Hội nghị Pốtxđam.

**Câu 35**. Quyết định nào dưới đây tại Hội nghị Ianta (2-1945) đã tạo điều kiện cho Pháp trở lại xâm lược Đông Dương?

A. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.

B. Quân Anh sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.

C. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

D. Đồng ý cho quân Trung Hoa Dân quốc và quân Anh vào Đông Dương.

**Câu 36**. Quyết định nào dưới đây của Hội nghị Pốtxđam (7– 1945) tạo ra những khó khăn mới cho cách mạng Đông Dương sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.

B. Quân Anh sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.

C. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

D. Đồng ý cho quân Trung Hoa Dân quốc và quân Anh vào Đông Dương.

**Câu 37**. Theo quyết định của Hội nghị Pốtxđam (Đức), lực lượng nào sẽ vào giải giáp phát xít Nhật ở Đông Dương?

A. Quân Anh và quân Pháp.

B. Quân Mĩ và quân Liên Xô.

C. Quân Anh và quân Trung Hoa Dân quốc.

D. Quân Mĩ và quân Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 38**.Từ năm 1945 đến nay, tổ chức nào đã trở thành diễn đàn quốc tế vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới?

A. Liên hợp quốc (UN).

B. Liên minh châu Âu (EU).

C. Diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM).

D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

**Câu 39**. Những quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945) đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Đánh dấu trật tự thế giới mới được hình thành.

B. Góp phần hình thành nên khuôn khổ của trật tự thế giới mới.

C. Giải quyết được mâu thuẫn của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ và Anh.

D. Tạo điều kiện để giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

**Câu 40**. Hội nghị Ianta (2-1945) diễn ra căng thẳng, quyết liệt chủ yếu là do

A. các nước có quan điểm khác nhau về việc nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

B. các nước muốn giành quyền lợi tương xứng với vai trò, địa vị của mình.

C. các nước muốn tạo ra tình trạng đối đầu Đông-Tây.

D. các nước muốn tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.

**Câu 41**. Nội dung gây nhiều tranh cãi nhất giữa ba cường quốc Liên xô, Mỹ, Anh tại Hội nghị Ianta (2/1945) là

A. phân chia khu vực chiếm đóng và phạm vi ảnh hưởng giữa các nước thắng trận.

B. quan điểm khác nhau về tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

C. thành lập Liên hợp quốc để duy trì hòa bình an ninh thế giới.

D. giải quyết hậu quả do Chiến tranh thế giới thứ hai để lại.

**Câu 42**. Nhận xét nào dưới đây là đúng về hạn chế trong các nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

A. Coi trọng việc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

B. Đề cao việc tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước.

C. Coi trọng việc không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào.

D. Đề cao sự nhất trí giữa năm nước lớn (Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc).

**Câu 43**. Nội dung nào dưới đây **không** là hệ quả của những quyết định quan trọng trong Hội nghị Ianta (2-1945)?

A. Dẫn đến sự hình thành trật tự thế giới “hai cực”.

B. Dẫn đến tình hình thế giới chia thành hai phe.

C. Dẫn đến hình thành trật tự thế giới “đa cực”.

D. Dẫn đến tình trạng đối đầu Đông-Tây.

**Câu 44**. Theo thỏa thuận của các nước (1945) về việc đóng quân nhằm giải giáp phát xít, Việt Nam vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của

A. Pháp.

B. Mĩ.

C. Liên Xô.

D. Anh.

**Câu 45**. Sự kiện nào dưới đây mở ra bước ngoạt mới cho chính sách “đa phương hóa”, “đa dạng hóa” quan hệ đối ngoại của Việt Nam?

A. Việt Nam tham gia tổ chức WTO (2007).

B. Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc (1977).

C. Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN (1995).

D. Việt Nam tham gia vào Hội đồng tương trợ kinh tế SEV (1978).

**Câu 46**. Đặc trưng lớn nhất của trật tự thế giới được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Thế giới bị chia thành hai cực, hai phe.

B. Hệ thống chủ nghĩa xã hội được hình thành.

C. Mĩ vươn lên trở thành siêu cường duy nhất.

D. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

**Câu 47**. Nhận xét nào dưới đây là đúng về việc thỏa thuận đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa ba cường quốc trong Hội nghị Ianta (2-1945)?

A. Thực chất là phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa Liên Xô và Anh.

B. Thực chất là phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa Mĩ và Liên Xô.

C. Thực chất là hình thành trật tự thế giới “đơn cực”.

D. Thực chất là hình thành trật tự thế giới “đa cực”.

**Câu 48**. Vai trò chủ yếu của Liên hợp quốc trong việc giải quyết những biến động của tình hình thế giới hiện nay là

A. diễn đàn vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

B. Liên hợp quốc góp phần ngăn chặn các đại dịch đe doạ sức khỏe loại người.

C. thúc đẩy mối quan hệ giao lưu, hợp tác giữa các nước thành viên trên các lĩnh vực.

D. bảo vệ các di sản trên thế giới, cứu trợ nhân đạo khi các thành viên gặp khó khăn.

**Câu 49**. Nguyên tắc hoạt động nào dưới đây của Liên hợp quốc được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng để giải quyết vấn đề Biển Đông hiện nay?

A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

B. Chung sống hòa bình và sự nhất trí của năm cường quốc.

C. Không đe dọa vũ lực hoặc sử dụng vũ lực với nhau.

D. Hợp tác có hiệu quả về kinh tế, văn hóa, giáo dục.

**Câu 50.** Năm 1961, Liên Xô đạt được thành tựu gì dưới đây trong lĩnh vực khoa học - kĩ thuật?

A. Phóng thành công tên lửa đạn đạo.

B. Chế tạo thành công bom nguyên tử.

C. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

D. Phóng tàu vũ trụ đưa I. Gagarin bay vòng quanh trái đất.

**Câu 51.** Chính sách đối ngoại của Liên Xô thực hiện từ 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX nhằm

A. bảo vệ hoà bình thế giới.

B. đối đầu với các nước Tây Âu.

C. muốn làm bạn với tất cả các nước.

D. quan hệ chặt chẽ với các nước XHCN.

**Câu 52.** Chính sách đối ngoại không được như mong muốn của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 là

A. ngã về phương Tây.

B. thực hiện chính sách hòa bình trung lập.

C. phát triển quan hệ với các nước châu Á, châu Phi.

D. khôi phục và phát triển mối quan hệ với các nước Tây Âu.

**Câu 53.** Kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế của Liên Xô đã hoàn thành trong thời gian

A. 5 năm. B. 4 năm 3 tháng. C. 4 năm 8 tháng. D. 4 năm 9 tháng.

**Câu 54.** Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã đi đầu trong lĩnh vực

A. công nghiệp nhẹ. B. công nghiệp nặng.

C. công nghiệp vũ trụ. D. sản xuất nông nghiệp.

**Câu 55.** Năm 1949, Liên Xô đạt thành tựu nổi bật nào dưới đây?

A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

B. Chế tạo thành công bom nguyên tử.

C. Thực hiện được nhiều kế hoạch dài hạn.

D. Phóng thành công tàu vũ trụ bay vòng quanh trái đất.

**Câu 56.** Sản xuất nông nghiệp của Liên Xô năm 1950 đã

A. đứng thứ hai thế giới.

B. gấp đôi mức trước chiến tranh thế giới.

C. đạt mức trước chiến tranh thế giới thứ hai.

D. tăng 73% so với trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

**Câu 57.** Thể chế chính trị của Liên bang Nga từ sau năm 1991 là

A. Cộng hòa. B. Công hòa liên bang.

C. Nền Quân chủ Lập hiến. D. Liên bang Xã hội chủ nghĩa.

**Câu 58.** Thành tựu cơ bản mà Liên Xô đạt được trong giai đoạn 1950 – 1973 là gì?

A. Chế tạo thành công bom nguyên tử.

B. Là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.

C. Trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới.

D. Là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.

**Câu 59.** Ý nghĩa cơ bản việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949) là gì?

A. Phá thế độc quyền vũ khí hạt nhân của Mĩ.

B. Làm giảm uy tín của Mĩ trên trường quốc tế.

C. Buộc Mĩ phải thực hiện chiến lược toàn cầu.

D. Buộc Mĩ phát động “Chiến tranh lạnh” chống Liên Xô.

**Câu 60.** Nhiệm vụ trọng tâm của các kế hoạch dài hạn ở Liên Xô từ 1950 đến những năm 1970 là

A. viện trợ cho các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

B. tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

C. xây dựng khối Chủ nghĩa xã hội vững mạnh, đối trọng với Mĩ và Tây Âu

D. xây dựng hợp tác hóa nông nghệp và quốc hữu hóa nền công nghiệp quốc gia.

**Câu 61.** Năm 1991 đã diễn ra sự kiện lịch nào dưới đây?

A. Trật tự hai cực Ianta sụp đổ.

B. Trật tự hai cực Ianta bị xói mòn.

C. Trật tự hai cực Ianta mâu thuẫn gay gắt.

D. Liên Xô và Mỹ đã diễn ra nhiều cuộc gặp gỡ cấp cao.

**Câu 62.** Nước nào sau đây đã mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người?

A. Mĩ B. Liên Xô. C. Nhật Bản. D. Trung Quốc.

**Câu 63.** Giai cấp công nhân ở Liên Xô thời kì (1950 – 1970) chiếm hơn 55% số người lao động trong cả nước đã chứng tỏ

A. Liên Xô trở thành cường quốc công nông nghiệp.

B. Liên Xô chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nông nghiệp.

C. Liên Xô chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp.

D. Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp thứ hai thế giới (sau Mĩ).

**Câu 64.** Vị thế quốc tế của Liên Xô được nâng cao trên trường quốc tế trong

A. giai đoạn 1945 – 1950. B. giai đoạn 1950 – 1973.

C. giai đoạn 1973 – 1991. D. giai đoạn 1991 – 2000.

**Câu 65.** Khó khăn lớn nhất của Liên bang Nga (1991-2000) là

A. xã hội tương đối ổn định.

B. xung đột giữa các tôn giáo.

C. chủ nghĩa khủng bố hoạt động mạnh.

D. tranh chấp giữa các đảng phái và xung đột sắc tộc.

**Câu 66.** Nhân tố cơ bản nào dưới đây giúp Liên Xô hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế 1946 - 1950?

A. Tinh thần tự lực tự cường. B. Những tiến bộ khoa học kĩ thuật.

C. Tài nguyên thiên nhiên phong phú. D. Sự hợp tác giữa các nước Chủ nghĩa xã hội.

**Câu 67.** Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chế độ Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là

A. chậm sửa đổi trước những biến động của tình hình thế giới.

B. xây dựng mô hình về Chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn và chưa phù hợp.

C. sự tha hoá về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng của một số lãnh đạo.

D. hoạt động chống phá của các thế lực chống Chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước.

**Câu 68.** Vai trò địa vị quốc tế của Liên bang Nga sau khi Liên Xô tan rã là gì?

A. Nga tiếp tục giữ vai trò là một đối trọng về quân sự với Mĩ.

B. Ủy viên thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

C. Nga tiếp tục giữ vững địa vị của một cường quốc Âu - Á.

D. Nga không giữ vai trò chủ yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

**Câu 69.** Thắng lợi to lớn nhất của Liên Xô trong công cuộc khôi phục kinh tế (1946-1950) là

A. chế tạo thành công bom nguyên tử.

B. tổng sản lượng công nghiệp tăng 73%.

C. sản xuất nông nghiệp đạt mức trước chiến tranh.

D. hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế.

**Câu 70.** Ngành công nghiệp nào sau đây được Liên Xô chú trọng để phát triển đất nước sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Công nghiệp nhẹ. B. Công nghiệp nặng.

C. Công nghiệp dịch vụ. D. Công nghiệp quốc phòng.

**Câu 71.** Mục tiêu lớn nhất của Tổng thống Nga V. Putin khi lên cầm quyền là gì?

A. Nâng cao vị trí của nước Nga ở châu Á.

B. Nâng cao ảnh hưởng ở các nước Đông Âu.

C. Giữ vững địa vị của một cường quốc Âu - Á.

D. Nâng cao vị trí của nước Nga trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

**Câu 72.** Công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô từ những năm 50 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX, có ý nghĩa như thế nào trong quan hệ quốc tế?

A. Làm thất bại “Chiến lược toàn cầu” của Mĩ.

B. Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản.

C. Khẳng định sự đúng đắn của chủ nghĩa Mác – Lênin.

D. Làm cho phong trào cách mạng trên thế giới phát triển.

**Câu 73.** Theo hiến pháp Liên bang Nga, thì Tổng thống do

A. dân bầu ra. B. Hạ viện bầu ra. C.Thượng viện bầu ra. D. đại biểu các bang bầu ra.

**Câu 74.** Bài học kinh nghiệm mà Việt Nam rút ra được từ sự sụp đổ Chủ nghĩa xã hội của Liên Xô và Đông Âu là gì?

A. Cải cách nông nghiệp.

B. Cải cách kinh tế triệt để.

C. Xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

D. Thực hiện chính sách nhà nước nắm toàn bộ nền kinh tế.

**Câu** **75.** Sự sụp đổ Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là

A. sự sụp đổ của mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa.

B. sự sụp đổ của mô hình nhà nước dân chủ nhân dân.

C. sự sụp đổ của hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa.

D. sự sụp đổ của mô hình Chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn, chưa phù hợp.

**Câu** **76.** Để tránh sự sụp như Liên Xô và Đông Âu, Việt Nam cần phải thực hiện vấn đề cơ bản nào dưới đây?

A. Ngăn chặn diễn biến hòa bình.

B. Bắt kịp sự phát triển của khoa học – kĩ thuật.

C. Không được chủ quan, duy ý chí trong đường lối lãnh đạo.

D. Không được phạm sai lầm trong quá trình cải cách kinh tế, chính trị.

**Câu 77.** Những thành tựu của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến 1991 có tác động gì đến sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Việt Nam?

A. Được sự ủng hộ, cách mạng phát triển mạnh mẽ.

B. Được ủng hộ và hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. Được ủng hộ và hoàn thành cuộc cách mạng tư sản dân quyền.

D. Được ủng hộ và đánh bại Mĩ - Chính quyền Sài Gòn để thống nhất đất nước.

**Câu 78.** Bài học cơ bản mà Việt Nam có thể rút ra từ sự sụp đổ chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu trong phát triển kinh tế hiện nay là gì?

A. Xây dựng nền kinh tế thị trường.

B. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

C. Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

D. Xây dựng nển kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp.

**Câu 79.** Bài học nào dưới đây mà Việt Nam có thể rút ra nhằm tăng cường sức mạnh của nhà nước hiện nay từ sự sụp đổ chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu?

A. Tăng cường tính dân chủ trong nhân dân.

B. Tăng cường mối quan hệ với các cường quốc.

C. Tăng cường tình đoàn kết trong đảng và trong nhân dân.

D. Mở rộng quan hệ đối ngoại với tất cả các nước trên thế giới.

**Câu 80.** Trước chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Bắc Á đều bị

A. Liên Xô- Trung Quốc chiếm đóng.

B. Anh- Pháp chiếm làm thuộc địa.

C. chủ nghĩa thực dân nô dịch.

D. đều lệ thuộc vào Mĩ.

**Câu 81.** Tháng 12-1978, ở Trung Quốc nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình đã khởi xướng đường lối

A. cải tổ đất nước. B. đổi mới đất nước.

C. cải cách - mở cửa. D. Mở rộng quan hệ đối ngoại.

**Câu 82.** Ngày 15-10-2003 ở Trung Quốc đã diễn ra sự kiện gì dưới đây?

A. Thử thành công bom nguyên tử.

B. Phóng thành công tàu “Thần Châu” 5.

C. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo vào quỹ đạo.

D. Phóng thành công tàu “Thần Châu” 3 với chế độ tự động.

**Câu 83.** Địa vị quốc tế của Trung Quốc ngày càng nâng cao trên trường quốc tế là thành quả của

A. Nội chiến 1946-1949.

B. những năm không ổn định 1959-1978.

C. Công cuộc cải cách và mở cửa từ 1978-2000.

D. thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới 1949-1959

**Câu 84.** Sau 1945 trong bối cảnh chiến tranh lạnh, bán đảo Triều Tiên đã bị chia cắt thành

A. hai miền theo vĩ tuyến 16. B. hai miền theo vĩ tuyến 18.

C. hai miền theo vĩ tuyến 17. D. hai miền theo vĩ tuyến 38.

**Câu 85.** Tháng 8 - 1948, ở phía Nam vĩ tuyến 38 nhà nước nào sau đây được thành lập?

A. Đại Hàn Dân quốc.

B. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Đông Âu.

C. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa.

**Câu 86.** Tháng 9- 1948, ở phía Bắc vĩ tuyến 38 nhà nước nào sau đây được thành lập?

A. Đại Hàn Dân quốc.

B. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

C. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên.

D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa.

**Câu 87.** Từ năm 1946 đến năm 1949 ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến giữa:

A. Đảng cộng sản với các lực lượng quân phiệt miền bắc.

B. Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản.

C. Đảng cộng sản và thế lực thân Mĩ.

D. Quốc dân Đảng và thế lực thân Mĩ.

**Câu 88.** Ngày 1-10-1949 nước Cộng hòa Dân Chủ nhân Dân Trung Hoa ra đời là kết quả thắng lợi của

A. quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc.

B. sự nổi dậy của nhân dân Trung Quốc .

C. quá trình đàm phán giữa Mĩ và Liên Xô.

D. cuộc nội chiến giữa Đảng cộng Sản và Quốc dân Đảng.

**Câu 89.** Sau thất bại trong cuộc nội chiến (1946-1949), chính quyền Tưởng Giới Thạch phải rút chạy ra Đài Loan và tồn tại nhờ vào sự giúp đỡ của:

A. Pháp. B. Anh. C. Mĩ. D. Liên Xô.

**Câu 90.** Từ khi cải cách-mở cửa (1978) đến đầu thập niên của thế kỷ XXI, GDP Trung Quốc đã vươn lên

A. đứng đầu thế giới. B. đứng thứ hai thế giới.

C. đứng thứ ba thế giới. D. đứng thứ tư thế giới.

**Câu 91.** Nội dung nào sau đây **không** thuộc đường lối cải cách-mở cửa của Trung Quốc từ 1978?

A. Tiến hành cải cách và mở cửa.

B. Lấy phát triển kinh làm trung tâm.

C. Thực hiện đường lối “ba ngọn cờ hồng”

D. Chuyển sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

**Câu 92.** Sự kiện nào sau đây **không** thuộc những biến đổi cơ bản của các nước Đông Bắc Á sau năm 1945?

A. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.

B. Sự ra đời của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên.

C. Sự thành lập nước Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa.

D. Một số nước đạt nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước.

**Câu 93.** Cuộc nội chiến từ 1950 đến 1953 trên bán đảo Triều Tiên là sản phẩm của sự

A. mâu thuẫn về kinh tế giữa Liên Xô và Mĩ.

B. mâu thuẫn về chính trị giữa Liên Xô và Mĩ.

C. mâu thuẫn về quyền lợi giữa Liên Xô và Mĩ

D. đối đầu trực tiếp đầu tiên giữa phe TBCN và XHCN

**Câu 94.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh ý nghĩa lịch sử của sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa?

A. Nâng cao vị thế Trung Quốc trên trường quốc tế.

B. Đưa Trung Quốc bước vào kỷ nguyên độc lập tự do.

C. Ảnh hưởng sâu sắc tới phong trào giải phóng dân tộc.

D. Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc.

**Câu 95.** Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, Đông Nam Á (trừ Thái Lan) vốn là thuộc địa của

A. các đế quốc Âu-Mĩ. B. thực dân Pháp.

C. phát xít Nhật. D. đế quốc Mĩ.

**Câu 96.** Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á trở thành thuộc địa của

A. đế quốc Anh. B. thực dân Pháp.

C. phát xít Nhật. D. đế quốc Mĩ.

**Câu 97.** Chiến lược phát triển kinh tế mà nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đều tiến hành ở giai đoạn đầu sau khi giành độc lập là gì?

A. Công nghiệp hóa thay thế xuất khẩu.

B. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.

C. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.

D. Công nghiệp hóa lấy nhập khẩu làm chủ đạo.

**Câu 98.** Đường lối đối ngoại của Campuchia từ 1954 đến đầu năm 1970 là gì?

A. Trung lập tích cực. B. Hòa bình, trung lập.

B. Nhận viện trợ từ các nước. C. Xâm lược các nước láng giềng.

**Câu 99.** Hội nghị thành lập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được tổ chức tại quốc gia nào sau đây?

A. Thái Lan. B. Xin-ga-po. C. Ma-lai-xi-a. D. Phi-líp-pin.

**Câu 100.** Các thành viên đồng sáng lập tổ chức ASEAN là

A. Thái lan, Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và Phi-líp-pin.

B. Thái lan, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và Phi-líp-pin.

C. Thái lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và Phi-líp-pin.

D. Thái lan, Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và Phi-líp-pin.

**Câu 101.** Việt Nam gia nhập ASEAN vào khoảng thời gian nào và là thành viên thứ mấy của tổ chức này?

A. Ngày 28/8/1995, thành viên thứ 6. B. Ngày 27/8/1996, thành viên thứ 9.

C. Ngày 27/8/1995, thành viên thứ 8. D. Ngày 28/7/1995, thành viên thứ 7.

**Câu 102.** Phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ diễn ra như thế nào sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Bùng nổ mạnh mẽ. B. Thu hẹp phạm vi đấu tranh.

C. Bị thực dân Anh đàn áp khốc liệt. D. Chỉ còn các cuộc bãi công của công nhân.

**Câu 103.** “Phương án Maobatton” ở Ấn Độ được thực dân Anh thực hiện trên cơ sở nào?

A. Theo vị trí địa lý. B. Theo ý đồ của thực dân Anh.

C. Nguyện vọng của nhân dân Ấn Độ. D. Tôn giáo: Ấn Độ giáo và Hồi giáo.

**Câu 104.** Theo “Phương án Maobatton”, Ấn Độ đã bị chia cắt thành những quốc gia nào sau đây?

A. Bănglađét và Pakixtan. B. Ấn Độ và Bănglađét.

C. Ấn Độ và Pakixtan. D. Pakixtan và Nepan.

**Câu 105.** Chính sách đối ngoại cơ bản của Ấn Độ được thực hiện sau khi giành được độc lập là gì?

A. Nhận viện trợ từ các nước.

B. Theo đuổi chính sách hoà bình.

C. Xâm lược các nước láng giềng.

D. Tham gia các khối quân sự trên thế giới.

**Câu 106.** Thành quả cơ bản mà nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đạt được sau khi thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại là

A. mậu dịch đối ngoại tăng trưởng rất nhanh.

B. bộ mặt kinh tế - xã hội có sự biến đổi to lớn.

C. tổng kim ngạch xuất khẩu tăng với tốc độ nhanh.

D. giải quyết tốt vấn đề tăng trưởng và công bằng xã hội.

**Câu 107.** Sự kiện nào dưới đây đánh dấu cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào kết thúc thắng lợi?

A. Hiệp định Viêng Chăn (2-1973)

B. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí (7-1954)

C. Đảng Nhân dân Lào thành lập (3-1955)

D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thành lập (12-1975)

**Câu 108.** Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào có thuận lợi cơ bản nào dưới đây?

A. Sự viện trợ của Liên Xô.

B. Cách mạng Trung Quốc thắng lợi.

C. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh.

D. Được sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam.

**Câu 109.** Các thành viên tổ chức ASEAN đã kí bản “Hiến chương ASEAN” vào tháng 11/2007 nhằm

A. xây dựng ASEAN thành cộng đồng hòa bình.

B. xây dựng ASEAN thành cộng đồng vững mạnh.

C. xây dựng ASEAN thành cộng đồng chiến lược về chính trị, quân sự.

D. xây dựng ASEAN thành cộng đồng chỉ mang tính chất chiến lược về quân sự.

**Câu 110.** Mục đích chủ yếu của thực dân Anh khi thực hiện "phương án Maobatton" ở Ấn Độ là gì?

A. Trao quyền độc lập cho Ấn Độ.

B. Chỉ trao quyền tự trị cho Ấn Độ.

C. Tiếp tục cai trị Ấn Độ theo cách thức mới.

D. Xoa dịu phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ

**Câu 111.** Mục tiêu chủ yếu của tổ chức ASEAN là gì?

A. Phát triển kinh tế và văn hoá dựa trên sự nỗ lực hợp tác giữa các nước thành viên.

B. Phát triển kinh tế và văn hoá dựa vào sức mạnh quân sự giữa các nước thành viên.

C. Phát triển kinh tế và văn hoá dựa trên sự ảnh hưởng giữa các nước thành viên.

D. Phát triển kinh tế và văn hoá dựa trên sự đóng góp giữa các nước thành viên.

**Câu 112.** Hiện nay tổ chức ASEAN có tất cả bao nhiêu nước thành viên?

A. 8 nước. B. 9 nước. C. 10 nước. D. 11 nước.

**Câu 113.** Sự kiện nào dưới đây đánh dấu sự khởi sắc của tổ chức ASEAN?

A. Hiệp ước Ba-li được kí kết năm 1976.

B. Việt Nam gia nhập vào tổ chức năm 1995.

C. Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết năm 1989.

D. 10 nước Đông Nam Á tham gia vào tổ chức năm 1999.

**Câu 114.** Tính đến thời điểm hiện nay, quốc gia nào ở Đông Nam Á **chưa** là thành viên chính thức của tổ chức ASEAN?

A. Bru-nây. B. Mi-an-ma. C. Đông Ti-mo.D. Phi-líp-pin.

**Câu 115.** Biểu hiện nào dưới đây chứng tỏ mối quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN bước đầu được cải thiện?

A. Tổ chức ASEAN tăng cường số thành viên của mình.

B. Việt Nam, Lào được mời tham gia vào hiệp ước Ba-li.

C. Cả ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia cùng tham gia vào ASEAN.

D. Sự thiết lập quan hệ ngoại giao và các cuộc viếng thăm của các nhà lãnh đạo.

**Câu 116.** Sau khi thực dân Anh thực hiện "phương án Maobatton", nhân dân Ấn Độ vẫn tiếp tục đấu tranh vì lý do nào dưới đây?

A. Bất mãn với quy chế tự trị.

B. Không muốn bị chia rẽ về tôn giáo.

C. Không chấp nhận chia đất nước làm hai.

D. Muốn thực dân Anh trao trả độc lập hoàn toàn.

**Câu 117.** Theo hiệp ước Ba-li thì yếu tố nào dưới đây **không** được xem là nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN?

A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

B. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

C. Chỉ sự dụng vũ lực khi có sự đồng ý của hơn 2/3 nước thành viên.

D. Hợp tác và phát triển có hiệu quả về kinh tế, văn hoá và xã hội.

**Câu 118.** Lí do nào dưới đây từ những năm 60, 70 của thế kỉ XX, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN chuyển sang chiến lược kinh tế hướng ngoại?

A. Cần cải thiện quan hệ với các nước Đông Dương.

B. Không muốn phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài.

C. Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

D. Chiến lược kinh tế hướng nội không còn phù hợp, bộc lộ nhiều hạn chế.

**Câu 119.** Yếu tố nào sau đây **không** phải là lí do thành lập tổ chức ASEAN?

A. Hợp tác giữa các nước để cùng nhau phát triển.

B. Thiết lập sự ảnh hưởng của mình đối với các nước khác.

C. Hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

D. Sự ra đời và hoạt động có hiệu quả của các tổ chức hợp tác khác trên thế giới.

**Câu 120.** Sự kiện nào có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Ấn Độ từ năm 1948 đến năm 1950?

A. Ấn Độ tuyên bố độc lập và trở thành nước cộng hoà.

B. Nê-ru trở thành người lãnh đạo Đảng Quốc đại.

C. Thực dân Anh trao trả độc lập cho Ấn Độ.

D. Phương án Maobatton bị phá sản.

**Câu 121.** Sự kiện nào sau đây ở Ấn Độ nửa sau thế kỉ XX có tác động lớn đến phong trào cách mạng thế giới?

A. Ấn Độ giành được độc lập.

B. Nước Cộng hoà Ấn Độ được thành lập.

C. Ấn Độ thực hiện thành công cuộc “cách mạng xanh”.

D. Ấn Độ đạt thành tựu lớn trong cuộc “cách mạng chất xám”.

**Câu 122.** Biến đổi nào là cơ bản ở khu vực Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay?

A. Lần lượt gia nhập ASEAN.

B. Trở thành các nước công nghiệp mới.

C. Từ thuộc địa trở thành nước độc lập.

D. Tham gia vào tổ chức Liên hợp quốc.

**Câu 123.** Điều kiện khách quan thuận lợi đối với cuộc đấu tranh giành độc lập ở các nước Đông Nam Á vào giữa tháng 8-1945 là gì?

A. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.

B. Quân Đồng minh đánh thắng phát xít Đức.

C. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

D. Quân Đồng minh tiến công mạnh mẽ vào các vị trí của quân đội Nhật.

**Câu 124.** Nội dung chủ yếu của chiến lược kinh tế hướng ngoại mà nhóm năm nước sáng lập ASEAN thực hiện là

A. thu hút vốn đầu tư. B. “mở cửa” nền kinh tế.

C. phát triển ngoại thương. D. sản xuất hàng hóa để xuất khẩu.

**Câu 125.** Nội dung nào sau đây **không** phải là điểm chung trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Việt Nam, Lào, Campuchia (1945-1954)?

A. Chiến đấu chống lại kẻ thù chung là thực dân Pháp.

B. Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo cuộc đấu tranh giành thắng lợi.

C. Pháp kí Hiệp định Giơnevơ công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

D. Do hoạt động ngoại giao của Đảng Cộng sản Đông Dương, Pháp kí hiệp ước trao trả độc lập.

**Câu 126.** Hiện nay trong tổ chức ASEAN, nhóm những nền kinh tế nào được xem là kém phát triển hơn so với các nền kinh tế còn lại?

A. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma.

B. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a.

C. Lào, Campuchia, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma.

D. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a.

**Câu 127.** Từ thập niên 90 của thế kỉ XX, trong nông nghiệp Ấn Độ đã đạt được thành tựu nổi bật gì?

A. Nền nông nghiệp được cơ giới hoá.

B. Hoàn thành “cuộc cách mạng xanh”.

C. Là nước xuất khẩu gạo đứng thứ ba thế giới.

D. Tự túc được lương thực, có dự trữ và xuất khẩu.

**Câu 128.** Hình thức đấu tranh chủ yếu nào dưới đây ở Ấn Độ trong phong trào giải phóng dân tộc sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Biểu tình kết hợp đấu tranh vũ trang. B. Bãi công, bất bạo động.

C. Mít tinh, đưa yêu sách. D. Khởi nghĩa vũ trang.

**Câu 129**. Nội dung nào sau đây thể hiện điểm chung trong phong trào đấu tranh của Ấn Độ và các nước Đông Nam Á ở nửa sau thế kỉ XX?

A. Các nước thực dân tiến hành khai thác thuộc địa.

B. Bị các nước đế quốc trở lại tái chiếm.

C. Tập trung phát triển kinh tế

D. Giành được độc lập.

**Câu 130.** Sau khi giành độc lập, nhóm năm nước sáng lập ASEAN cùng thực hiện chiến lược kinh tế giống nhau nhưng chỉ có Singapo trở thành “con rồng” kinh tế châu Á bởi vì ở Singapo

A. dân số ít.

B. có vị trí chiến lược quan trọng.

C. có chính sách phát triển kinh tế phù hợp.

D. chuyển sang chiến lược kinh tế hướng ngoại sớm hơn.

**Câu 131.** Điểm khác biệt trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ với các nước Đông Nam Á là gì?

A. Tổ chức lãnh đạo. B. Quy mô đấu tranh.

C. Hình thức đấu tranh. D. Khuynh hướng đấu tranh.

**Câu 132.** Sự kiện nào đánh dấu sự thiết lập mối quan hệ giữa Ấn Độ và Việt Nam?

A. Chính thức đặt quan hệ ngoại giao (1972).

B. Thiết lập mối quan hệ chính trị (1991).

C. Trở thành đối tác hợp tác toàn diện (1994).

D. Thiết lập quan hệ đối tác chiến lược (2007).

**Câu 133.** Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm nào dưới đây từ chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN?

A. Coi trọng sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, thu hút vốn, công nghệ của nhà đầu tư nước ngoài.

B. Chú trọng phát triển ngoại thương, sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu.

C. Cần thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh.

D. Phải đề ra chiến lược phát triển kinh tế phù hợp với đặc điểm riêng của đất nước và xu thế chung của thế giới.

**Câu 134.** Nhận xét nào dưới đây là đúng nhất về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sau khi giành độc lập, bước vào thời kì phát triển kinh tế trong điều kiện khó khăn.

B. Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc phát triển mạnh mẽ, các nước giành được độc lập.

C. Bước sang một thời kì mới – xây dựng đất nước, đạt được nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế.

D. Có sự thay đổi sâu sắc: giành được độc lập, bước vào thời kì xây dựng cuộc sống mới với nhiều thành tựu rực rỡ.

**Câu 135.** Trong những yếu tố dưới đây yếu tố nào là thuận lợi của Việt Nam khi tham gia vào tổ chức ASEAN?

A. Có điều kiện tăng cường sự ảnh hưởng của mình đối với các nước trong khu vực.

B. Có cơ hội tiếp cận những thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại của thế giới.

C. Có điều kiện tăng cường sức mạnh quân sự của mình trong khu vực.

D. Có điều kiện để thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước phát triển.

**Câu 136.** Khi tham gia vào tổ chức ASEAN Việt Nam sẽ phải đối đầu với nguy cơ nào dưới đây?

A. Mất quyền tự chủ về kinh tế.

B. Sự chống phá của các thế lực thù địch.

C. Mất bản sắc dân tộc, do sự hoà tan về văn hoá.

D. Khó xây dựng nền kinh tế công nghệ cao do không đủ tài nguyên.

**Câu 137.** Việt Nam gia nhập vào tổ chức ASEAN được xem là biểu hiện của xu thế nào trong quan hệ quốc tế cuối thế kỉ XX?

A. Xu thế toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ.

B. Mĩ đẩy mạnh thiết lập trật tự thế giới đơn cực sau chiến tranh lạnh.

C. Xu thế hoà bình, hợp tác, đối thoại của các quốc gia trên toàn thế giới.

D. Sự điều chỉnh chiến lược phát triển đất nước của các nước sau chiến tranh lạnh.

**Câu 138.** Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì từ sự phát triển kinh tế của Ấn Độ?

A. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

B. Chú trọng vào ngành công nghiệp nặng.

C. Áp dụng triệt để thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại.

D. Coi trọng việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 139.** Một trong những hệ quả từ chính sách cai trị của thực dân Anh còn tồn tại hiện nay ở Ấn Độ là gì?

A. Mâu thuẫn tôn giáo, sắc tộc.

B. Chia rẽ giữa các đảng phái chính trị.

C. Sự du nhập của văn hoá phương Tây.

D. Thiếu hụt các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 140.** Sự kiện nào dưới đây đánh dấu sự tan rã căn bản của chủ nghĩa thực dân cũ ở Châu Phi cùng hệ thống thuộc địa của nó?

A. Năm 1990 Cộng hòa Na-mi-bi-a tuyên bố độc lập.

B. Năm 1952 nhân dân Ai Cập lật đổ vương triều Pha-rúc.

C. Năm 1960 có 17 nước được trao trả độc lập (Năm châu Phi).

D. Năm 1975 với thắng lợi của nhân dân Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la.

**Câu 141.** Năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là "Năm châu Phi" vì

A. châu Phi là "Lục địa mới trỗi dậy".

B. có 17 nước ở Châu Phi được trao trả độc lập.

C. tất cả các nước ở Châu Phi được trao trả độc lập.

D. phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh nhất.

**Câu 142.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi nổ ra sớm nhất ở khu vực nào sau đây?

A. Bắc Phi. B. Nam Phi C. Trung Phi. D. Tây Phi

**Câu 143.** Sự kiện nào dưới đây đánh dấu việc chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi?

A. Tháng 3-1990, nước cộng hòa Na-mi-bi-a tuyên bố độc lập.

B. Tháng 11-1993, thông qua Hiến pháp mới của Cộng hòa Nam Phi.

C. Tháng 2-1990, chính quyền Nam Phi đã từ bỏ chính sách phân biệt chủng tộc.

D. Tháng 4-1994, Nen-xơn Man-đê-la trở thành Tổng thống đầu tiên của Nam Phi.

**Câu 144.** Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Mĩ La-tinh đều là

A. thuộc địa của Anh, Pháp.

B. thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

C. những nước hoàn toàn độc lập.

D. những nước thực dân kiểu mới.

**Câu 145.** Lãnh tụ đã dẫn dắt cách mạng Cu Ba lật đổ chế độ độc tài thân Mĩ và từng bước tiến lên CNXH là

A. Hô-xê-mác-ti. B. A-gien-đê

C. Chê Ghê-va-na D. Phi-đen Cax-tơ-rô

**Câu 147.** Từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La- tinh diễn ra chủ yếu dưới hình thức nào?

A. Bãi công của công nhân. B. Đấu tranh chính trị.

C. Đấu tranh nghị trường. D. Đấu tranh vũ trang.

**Câu 148.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc Mĩ La-tinh được mệnh danh là "Lục địa bùng cháy" vì

A. phong trào cách mạng phát triển rộng khắp.

B. cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ.

C. phong trào giải phóng dân tộc nổ ra dưới nhiều hình thức.

D. lần lượt lật đổ chế độ độc tài phản động giành lại chủ quyền dân tộc.

**Câu 149.** Cách mạng Cu Ba thành công đã mở đầu cho phong trào gì sau đây ở Mĩ La- tinh?

A. Đấu tranh vũ trang. B. Đấu tranh chính trị.

C. Đấu tranh nghị trường. D. Đấu tranh đòi ruộng đất của nông dân.

**Câu 150.** Sự kiện nào sau đây được đánh giá là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La tinh từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Thắng lợi của cách mạng Pê ru. B. Thắng lợi của cách mạng Cu Ba.

C. Thắng lợi của cách mạng Ê-cu-a-đo. D. Thắng lợi của cách mạng Mê-hi-cô.

**Câu 151.** Cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập ở các nước Mĩ La tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc đấu tranh

A. chống chính sách phân biệt chủng tộc của Mĩ.

B. chống chế độ tay sai Batixta.

C. chống chế độ độc tài thân Mĩ.

D. chống chủ nghĩa thực dân.

**Câu 154.** Ảnh hưởng từ Chiến thắng Điện Biên Phủ -1954 ở Việt Nam, quốc gia nào dưới đây nổi chống Pháp giành độc lập dân tộc (1954-1962)?

A. Ai Cập. B. Tuy-ni-di. C. Ăng-gô-la. D. An-giê-ri.

**Câu 155.** Tội ác lớn nhất của chủ nghĩa A-pác-thai đối với nhân dân Nam Phi là gì?

A. Bóc lột tàn bạo người da đen. B. Gây chia rẽ nội bộ người Nam Phi.

C.Tước quyền tự do của người da đen. D. Phân biệt chủng tộc đối với người da đen.

**Câu 156.** Câu nói nào sau đây thể hiện tình đoàn kết của nhân dân Cu Ba đối với nhân dân Việt Nam?

A. Các đồng chí hãy phất cao lá cờ này tại sào huyệt Sài Gòn.

B. Vì Việt Nam nhân dân Cu Ba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình.

C. Vì Việt Nam nhân dân Cu Ba sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình.

D. Vì Việt Nam nhân dân Cu Ba sẵn sàng hiến dâng cả tính mạng của mình.

**Câu158.** Nét tương đồng về hình thức đấu tranh của cách mạng Cu Ba năm 1959 với cách mạng tháng Tám 1945 của Việt Nam là gì?

A. Đấu tranh ngoại giao. B. Đấu tranh vũ trang.

C. Đấu tranh chính trị. D. Khởi nghĩa từng phần .

**Câu 159.** Ảnh hưởng của cách mạng Cu Ba năm 1959 đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ la tinh là gì?

A. Đưa cách mạng đi lên. B. Giúp xây dựng đất nước.

C. Phong trào đấu tranh mạnh mẽ.

D. phong trào ngày càng phát triển và giành nhiều thắng lợi**.**

**Câu 160.** N.Manđêla có vai trò như thế nào đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi?

A. Là người tích cực đấu tranh chống chế độ Apacthai.

B. Là người lãnh đạo đấu tranh chống chế độ Apacthai.

C. Là người lãnh đạo và tích cực đấu tranh chống chế độ Apacthai.

D. Là người chỉ đạo nhân dân và tích cực đấu tranh chống chế độ Apacthai.

**Câu 161.** Nhận xét nào dưới đây phản ánh đúng mức độ giành độc lập trong phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Đều nhau. B. Giống nhau

C. Không đồng đều.

D. Mức độ độc lập của các nước sau độc lập không đều nhau.

**Câu 162.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về giai cấp vô sản trong phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Trưởng thành. B. Chưa trưởng thành.

C. Không đủ sức lãnh đạo. D. Trưởng thành nhưng chưa đủ sức lãnh đạo.

**Câu 163.** Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng ý nghĩa bản Hiến pháp tháng11- 1993 của Nam Phi?

A. Chính thức xóa bỏ chủ nghĩa thực dân cũ.

B. Chính thức xóa bỏ chủ nghĩa thực dân mới.

C. Chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.

D. Chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

**Câu 164.** Nhận định nào sau đây đánh giá đúng nhất vai trò của Phi đen Cátxtơrô đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ la tinh?

A. Là người đi đầu trong phong trào giải phóng dân tộc.

B. Là người lãnh đạo đấu tranh chống chế độ độc tài Batixta.

C. Là người tích cực đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.

D. Là người lãnh đạo nhân dân đấu tranh lật đổ chế độ độc tài thân Mĩ.

**Câu 165.** Biến động nào của tình hình thế giới những năm 1989-1991 gây bất lợi cho phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ la tinh?

A. Sự vươn lên của Tây Âu. B. Sự sụp đổ trật tự hai cực Ianta.

C. Sự sụp đổ CHCN ở Liên Xô và Đông Âu. D. Xô - Mĩ tuyên bố kết thúc chiến tranh lạnh.

**Câu 166.** Lĩnh vực nào dưới đây được Mĩ đầu tư nhiều nhất để đưa đất nước phát triển?

A. Khoa học kĩ thuật.

B. Giáo dục và nghiên cứu khoa học.

C. Xuất cảng tư bản đến các nước thuộc địa.

D. Công nghiệp chế tạo các loại vũ khí phục vụ chiến tranh.

**Câu 167.** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế Mĩ trong giai đoạn 1973-1991 là gì?

A. Do theo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.

B. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản

C. Sự chênh lệch giàu nghèo quá cao trong các tầng lớp xã hội.

D. Kinh tế Mĩ không ổn định vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.

**Câu 168.** Quốc gia nào dưới đây khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần hai?

A. Anh. B. Mĩ. C. Liên Xô. D. Nhật Bản.

**Câu 169.** Vàng dự trữ của Mỹ so với thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai chiếm

A. 1/2 trữ lượng vàng của thế giới.

B. 1/4 trữ lượng vàng của thế giới.

C. 3/4 trữ lượng vàng của thế giới.

D. 2/4 trữ lượng vàng của thế giới.

**Câu 170.** Mục tiêu nào dưới đây **không** thuộc chiến lược "Cam kết và mở rộng" của Mỹ?

A. Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng Quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.

C. Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mĩ.

D. Sử dụng khẩu hiệu "thúc đẩy dân chủ" để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

**Câu 171.** Mục tiêu cơ bản trong chiến lược toàn cầu được Mĩ thực hiện sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. khống chế, chi phối các nưới tư bản đồng minh.

B. ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ Chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

C. đàn áp phong trào phong trào chống chiến tranh, vì hòa bình dân chủ thế giới.

D. đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.

**Câu 172.** Chính sách đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai xuất phát

A. từ tham vọng làm bá chủ thế giới.

B. từ ham mở rộng thuộc địa của mình.

C. muốn nô dịch các nước Đồng minh.

D. muốn tiêu diệt Liên Xô và các nước XHCN.

**Câu 173.** Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây đã thúc đẩy kinh tế Mỹ phát triển sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế.

B. Nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú.

C. Nhờ áp dụng những thành tựu KHKT của thế giới.

D. Nhờ trình độ tập trung sản xuất, tập trung tư bản cao.

**Câu 174.** Mục tiêu của Mĩ khi thực hiện chiến lược toàn cầu sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Mĩ khống chế các nước đồng minh.

B. Mĩ tham vọng làm bá chủ thế giới.

C. Mĩ có sức mạnh về quân sự.

D. Mĩ có thế lực về kinh tế.

**Câu 175.** Năm 1972, vì lí do nào sau đây Mĩ muốn thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Liên Xô?

A. Mĩ muốn bình thường hóa mối quan hệ với Trung Quốc và Liên Xô.

B. Mĩ muốn thay đổi chính sách đối ngoại với các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Mĩ muốn mở rộng các nước đồng minh để chống lại các nước thuộc địa.

D. Mĩ muốn hòa hoãn với Liên Xô và Trung Quốc để chống lại phong trào giải phóng dân tộc.

**Câu 176.** Nguyên nhân nào **không** tạo điều kiện cho nền kinh tế Mĩ phát triển trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Không bị chiến tranh tàn phá.

B. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

C. Đẩy mạnh chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước.

D. Được yên ổn sản xuất và buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.

**Câu 177.** Đặc điểm nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình nước Mĩ 20 năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng.

B. Kinh tế Mĩ vượt xa Tây Âu và Nhật Bản.

C. Trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới.

D. Kinh tế Mĩ chịu sự cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.

**Câu 178.** "Chiêu bài" Mĩ sử dụng để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác được đề ra trong "Chiến lược cam kết và mở rộng" là

A. tự do tín ngưỡng. B. thúc đẩy dân chủ.

C. ủng hộ độc lập dân tộc. D. chống chủ nghĩa khủng bố.

**Câu 179.** Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Mĩ so với kinh tế thế giới là gì?

A. Kinh tế tư bản phát triển nhanh và luôn giữ vững địa vị hàng đầu thế giới.

B. Kinh tế Mĩ bị các nước tư bản khác cạnh tranh gay gắt.

C. Kinh tế Mĩ phát triển nhanh nhưng không ổn định.

D. Kinh tế Mĩ phát triển đi đôi với phát triển quân sự.

**Câu 180.** Thành tựu cơ bản của cách mạng khoa học kĩ thuật trong nông nghiệp ở Mĩ là gì?

A. Sử dụng cơ khí hóa, hóa học hóa trong nông nghiệp.

B. Sử dụng máy móc thiết bị hiện đại trong nông nghiệp.

C.Thực hiện cuộc “cách mạng xanh trong nông nghiệp”.

D. Ứng dụng công nghệ sinh học trong lai tạo giống.

**Câu 181.** Từ sau 1945, dựa vào tiềm lực kinh tế - tài chính và lực lượng quân sự mạnh, giới cầm quyền Mĩ theo đuổi mưu đồ gì sau đây?

A. Thống trị toàn thế giới.

B. Xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

C. Thống trị toàn thế giới và xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

D. Thống trị và nô dịch các quốc gia-dân tộc trên thế giới.

**Câu 182**. Trong Chiến lược toàn cầu của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai, mục tiêu nào sau đây ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam?

A. Khống chế các nước đồng minh.

B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.

C. Ngăn chặn và tiến tới tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

D. Đàn áp phong trào công nhân và phong trào cộng sản quốc tế.

**Câu 183.** Điểm giống nhau cơ bản trong chính sách đối ngoại của các đời Tổng thống Mĩ (từ Truman đến Nich xơn) là

A. ủng hộ "Chiến lược toàn cầu".

B. theo đuổi "Chủ nghĩa lấp chỗ trống".

C. xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ.

D. chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".

**Câu 184.** Yếu tố nào dưới đây làm thay đổi chính sách đối nội, đối ngoại của nước Mĩ khi bước sang thế kỉ XXI?

A. Phong trào li khai. B. Chủ nghĩa khủng bố.

C. Sự suy thoái về kinh tế. D. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.

**Câu 185.** Nguyên nhân cơ bản nào làm cho mối quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô từ những năm 80 của thế kỷ XX trở đi, chuyển sang đối thoại và hợp tác?

A. Cô lập phong trào giải phóng dân tộc.

B. Mĩ chấm dứt các cuộc chạy đua vũ trang.

C. Kinh tế của Tây Âu và Nhật Bản vươn lên.

D. Địa vị kinh tế, chính trị của Mĩ và Liên Xô suy giảm.

**Câu 186.** Sau sự thất bại của Mĩ trong trận “Điện Biên Phủ trên không”, Mĩ phải chấp nhận

A. kí Hiệp định Pari và rút quân về nước.

B. tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

C. bình thường hóa với Việt Nam và thay đổi chính sách đối ngoại.

D. thừa nhận Việt Nam là nước thống nhất và cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh.

**Câu 187.** Nhận xét nào sau đây là đúng về chính sách đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 đến năm 2000?

A. Tiến hành chạy đua vũ trang, chống lại các nước trên thế giới.

B. Tiến hành chiến tranh xâm lược, chống lại chủ nghĩa khủng bố.

C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước tư bản.

D. Hình thức thực hiện khác nhau nhưng có cùng tham vọng muốn làm bá chủ thế giới.

**Câu 188.** Sự kiện nào chứng minh cuộc chiến tranh chống Mĩ của nhân dân Việt Nam được nhân dân Mĩ đồng tình ủng hộ?

A. Cuộc đấu tranh thu hút 25 triệu người tham gia, lan rộng khắp 125 thành phố.

C. Chị Raymôngđiêng nằm trên đường xe lửa chặn tàu chở vũ khí sang Việt Nam.

B. Từ năm 1969 đến 1973, những cuộc đấu tranh của người da màu diễn ra mạnh mẽ.

D. Phong trào chống chiến tranh của nhân dân Mĩ diễn ra sôi nổi làm nước Mĩ chia rẽ.

**Câu 189.** Mục tiêu của chiến lược “Cam kết và mở rộng” của Tổng thống B.Clintơn có gì giống so với chiến lược toàn cầu?

A. Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

B. Muốn vươn lên lãnh đạo thế giới, tiếp tục triển khai chiến lược toàn cầu.

C. Khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ.

D. Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào nội bộ của nước khác.

**Câu 190.** Kế hoạch Mác-san (6/1947) còn được gọi là

A. kế hoạch khôi phục châu Âu.

B. kế hoạch phục hưng châu Âu.

C. kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.

D. kế hoạch phục hưng kinh tế các nước châu Âu.

**Câu 191.** Đến năm 2007, Liên minh châu Âu (EU) có bao nhiêu nước thành viên?

A. 25 nước thành viên. B. 26 nước thành viên.

C. 27 nước thành viên. D. 28 nước thành viên.

**Câu 192.** Định ước Henxiki được kí giữa các nước châu Âu và các nước nào sau đây?

A. Mĩ và Canađa. B. Mĩ và Ôtxtrâylia.

C. Ôtxtrâylia và Pháp. D. Can na đa và Hà Lan.

**Câu 193.** Ngày 1-1-2002 diễn ra sự kiện gì sau đây làm thay đổi liên minh châu Âu (EU)?

A. Mở rộng thành viên lên 25 nước.

B. Lưu hành đồng tiền chung châu Âu.

C. Hiến pháp chung châu Âu được thông qua.

D. Anh quyết định rời khỏi Liên minh châu Âu (EU).

**Câu 194.** Nguyên nhân cơ bản nào dưới đây thúc đẩy nền kinh tế các nước Tây Âu phát triển sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Tận dụng các cơ hội bên ngoài để phát triển.

B. Áp dụng những thành tựu KHKT hiện đại vào sản xuất.

C. Nhà nước đóng vai trò lớn trong việc quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.

D. Sự khai thác, bóc lột của các nhà tư bản đối với công nhân trong và ngoài nước.

**Câu 195.** Trong giai đoạn 1950 - 1973, nhiều thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan tuyên bố độc lập, đánh dấu thời kì

A. “phi thực dân”. B. “thực dân hóa”.

C. “nhất thể hóa”. D. “phi thực dân hóa”.

**Câu 196.** Liên minh châu Âu (EU) ra đời không chỉ nhằm hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn

A. cả trong lĩnh vực chính trị, văn hóa và an ninh chung.

B. cả trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

C. cả trong lĩnh vực chính trị, văn hóa và đối ngoại.

D. cả trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh chung.

**Câu 197.** Nguyên nhân nào sau đây **không** cơ bản trong sự phát triển kinh tế Tây Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Áp dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật.

B. Vai trò điều tiết kinh tế có hiệu quả của nhà nước.

C. Các công ti, tập đoàn tư bản có sức sản xuất và cạnh tranh hiệu quả.

D. Hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ của cộng đồng các nước châu Âu (EC).

**Câu 198.** Quan hệ Việt Nam - EU (thiết lập 1990) diễn ra trên lĩnh vực nào sau đây?

A. Trên tất cả các lĩnh vực theo chiều sâu.

B. Trên lĩnh vực công nghiệp và thủy sản.

C. Trên lĩnh vực công nghệ và giáo dục.

D. Trên lĩnh vực nông nghiệp và dầu khí.

**Câu 199.** Sự kiện nào sau đây chứng tỏ tâm điểm đối đầu giữa 2 cực Xô - Mĩ ở châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sự ra đời của “Hội đồng tương trợ kinh tế” ở các nước Xã hội chủ nghĩa.

B. Sự ra đời “Tổ chức Hiệp ước Vascsava” của các nước Xã hội chủ nghĩa.

C. Sự ra đời hai nhà nước trên lãnh thổ Đức với hai chế độ chính trị khác nhau.

D. Sự ra đời “kế hoạch Mácsan”, Mĩ viện trợ cho các nước Tây Âu khôi phục kinh tế.

**Câu 200.** Việc sử dụng đồng tiền chung châu Âu (EURO) ở nhiều nước EU có tác dụng quan trọng gì?

A. Thuận lợi trao đổi mua bán giữa các nước.

B. Thống nhất sự kiểm soát tài chính của các nước.

C. Thống nhất tiền tệ, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

D. Thống nhất chế độ đo lường và dễ dàng trao đổi mua bán.

**Câu 201.** Điểm nổi bật nhất trong chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu sau chiến tranh lạnh?

A. Mở rộng hợp tác với các nước trên thế giới. B. Liên minh với các nước Đông Nam Á.

C. Liên minh chặt chẽ với Nga. D. Liên minh chặt chẽ với Mĩ.

**Câu 202.** Mục tiêu Liên minh của các nước Châu Âu khác với tổ chức Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) ở điểm nào dưới đây?

A. Liên kết về kinh tế và quân sự. B. Liên kết về tiền tệ và chính trị.

C. Liên kết về kinh tế - chính trị. D. Liên kết về kinh tế văn hóa.

**Câu 203.** Sự kiện Anh muốn rời Liên minh châu Âu (2016) đã tác động như thế nào đến tình hình chung của khối?

A. Làm đảo lộn nền kinh tế tài chính của khu vực.

B. Gây khó khăn trong việc quan hệ thương mại của khu vực.

C. Gây khó khăn trong việc trao đổi hàng hóa giữa Anh và khu vực.

D. Gây khó khăn trong quan hệ trao đổi về tài chính trong khu vực.

**Câu 204.** Tổ chức Liên minh Châu Âu ra đời cùng với xu hướng chung nào của thế giới?

A. Đối thoại hợp tác của các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

B. Đối đầu của các nước tư bản chủ nghĩa và các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Các tổ chức liên kết khu vực xuất hiện ngày càng nhiều.

D. Xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.

**Câu 205.** Vì sao nói "Liên minh Châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất hành tinh"?

A. Số lượng thành viên nhiều .

B. Chiếm khoảng hơn ¼ GDP của toàn thế giới.

C. Quan hệ với hầu hết các quốc gia trên thế giới.

D. Kết nạp tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị.

**Câu 206.** Ngày 8-9-1951, đánh dấu bước ngoạt trong quan hệ đối ngoại của Nhật bằng sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật. B. Hiệp ước chạy đua vũ trang.

C. Hiệp ước liên minh Mĩ –Nhật. D. Hiệp ước phòng thủ chung ĐNA.

**Câu 207.** Năm 1977, Nhật Bản đặt quan hệ ngoại giao với tổ chức nào dưới đây?

A. Liên minh Châu Âu (EU). B. Các nước ASEAN.

C. Tổ chức APEC. D. Tổ chức OPEC.

**Câu 208.** Ngoài liên minh chặt chẽ với Mĩ, Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu và chú trọng phát triển quan hệ với các nước

A. Nam Á. B. Mĩ Latinh. C. Đông Nam Á. D. Đông Bắc Á.

**Câu 209.** Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm của Nhật Bản giai đoạn từ 1960-1969 là

A. 10.8 % B. 11.8 % C. 8.7 % D. 8.1 %

**Câu 210.** Từ những năm 80 của thế kỉ XX, Nhật Bản trở thành siêu cường số một thế giới về

A. tài chính. B. công nghiệp.

C. khoa học – công nghệ. D. ngoại tệ và chủ nợ lớn nhất thế giới.

**Câu 211.** Khó khăn khách quan của nền kinh tế Nhật Bản từ những năm 1952-1973 là

A. bị chiến tranh tàn phá, hàng triệu người thất nghiệp, đói rét.

B. bị Mĩ với vai trò đồng minh chiếm đóng theo chế độ quân quản.

C. nghèo tài nguyên và là nước bại trận sau chiến tranh thế giới thứ 2.

D. sự cạnh tranh của các nước Mĩ, Tây Âu và các nước công nghiệp mới.

**Câu 212.** Ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới hình thành vào thập niên 70 của thế kỉ XX là

A. Mĩ - Anh - Pháp. B. Mĩ - Đức - Nhật Bản.

C. Mĩ - Tây Âu - Nhật Bản. D. Mĩ - Liên Xô - Nhật Bản.

**Câu 213.** Nhận định nào sau đây đánh giá đúng sự phát triển kinh tế Nhật Bản từ những năm 50 của thế kỷ XX trở đi?

A. Sự phát triển nhảy vọt. B. Sự phát triển vượt bật.

C. Sự phát triển thần kì. D. Sự phát to lớn.

**Câu 214.** Nguyên nhân cơ bản nhất thúc đẩy kinh tế của Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản phát triển nhanh và trở thành 3 trung tâm kinh tế-tài chính là gì?

A. Áp dụng thành tựu KHKT nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm.

B. Nguồn nhân lực lao động dồi dào, trình độ khoa học kĩ thuật cao.

C. Các công ty năng động có tầm nhìn xa, sức cạnh tranh cao.

D. Vai trò điều tiết kinh tế có hiệu quả của nhà nước.

**Câu 215.** Điểm khác biệt nào dưới đây của Nhật Bản so với Mĩ trong phát triển kinh tế?

A. Đầu tư bán quân trang, quân dụng.

B. Coi trọng và đầu tư cho các phát minh.

C. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.

D. Chú trọng xây dựng các công trình giao thông.

**Câu 216.** Mục tiêu lớn nhất của Nhật Bản muốn vươn đến từ năm 1991 đến năm 2000 là gì?

A. Vị trí cao về kinh tế và chính trị trên trường quốc tế.

B. Là một cường quốc về kinh tế và quân sự.

C. Là một cường quốc về công nghệ và kinh tế.

D. Là một cường quôc về quân sự và chính trị.

**Câu 217.** Nét đặc trưng của nền văn hóa của Nhật Bản mà đến ngày nay vẫn còn duy trì?

A. Kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

B. Kết hợp giữa hoa đạo, trà đạo với kiếm đạo.

C. Kết hợp giữa thơ, nhạc họa với kiến trúc.

D. Kết hợp giữa kiếm đạo và trà đạo.

**Câu 218.** Bài học kinh nghiệm chủ yếu từ sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản cho các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam là gì?

A. Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước.

B. Tận dụng tốt các điều kiện bên ngoài để phát triển.

C. Các công ty năng động có tầm nhìn xa, sức cạnh tranh cao.

D. Con người được đào tạo chu đáo và áp dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật.

**Câu 219.** Mục đích của Mĩ phát động "chiến tranh lạnh" nhằm

A. chống Liên Xô và các nước XHCN.

B. chống Liên Xô và các nước TBCN.

C. chống chủ nghĩa khủng bố trên thế giới.

D. chống nhà nước Hồi Giáo đang lớn mạnh.

**Câu 220.** Xu thế hòa hoãn Đông - Tây xuất hiện vào thời gian nào dưới đây?

A. Từ đầu những năm 50 của thế kỷ XX.

B. Từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX.

C. Từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX.

D. Từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX.

**Câu 221**. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu Chiến tranh lạnh kết thúc?

A. Định ước Henxinki năm 1975.

B. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) năm 1972.

C. Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10-1991).

D. Cuộc gặp không chính thức giữa Busơ và Goocbachốp tại đảo Manta (12-1989).

**Câu 222.** Mưu đồ của Mĩ sau khi “Chiến tranh lạnh” chấm dứt, là muốn thiết lập một trật tự thế giới

A. Đa cực. B. Đơn cực.

C. Đa cực nhiều trung tâm. D. Đơn cực nhiều trung tâm.

**Câu 223.** Mục tiêu chủ yếu của Mĩ và các nước phương Tây trong cuộc “Chiến tranh lạnh" là gì?

A. Mĩ lôi kéo các nước Đồng minh của mình chống Liên Xô.

B. Chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa.

C. Phá hoại phong trào cách mạng thế giới.

D. Chống lại ảnh hưởng của Liên Xô.

**Câu 224.** Mục đích bao trùm của “Chiến tranh lạnh” do Mĩ phát động là gì?

A. Bắt các nước Đồng minh lệ thuộc Mĩ.

B. Thực hiện “chiến lược toàn cầu” làm bá chủ thế giới.

C. Ngăn chặn và tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Đàn áp phong trào cách mạng và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**Câu 225.** Tháng 12-1989 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Mĩ và Liên Xô chính thức tuyên bố chấm dứt “Chiến tranh lạnh”.

B. Mĩ và Liên Xô kí kết hạn chế vũ khí tiến công chiến lược.

C. Mĩ và Liên Xô kí kết văn kiện hợp tác về kinh tế.

D. Mĩ và Liên Xô kí kết hợp tác về khoa học kĩ thuật.

**Câu 226.** Tháng 6-1947 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Mĩ thành lập khối quân sự NATO.

B. Mĩ thành lập khối quân sự CENTO.

C. Mĩ thành lập khối quân sự SEATO.

D. Mĩ triển khai “Kế hoạch Mác-san”

**Câu 227.** Sự xác lập cục diện 2 cực, hai phe được tạo nên bởi

A.học thuyết Truman của Mĩ.

B. chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mĩ.

C. sự thành lập khối quân sự NATO và Hiệp ước Vácsava.

D. “Kế hoạch Mác-san” và sự ra đời của khối quân sự NATO.

**Câu 228.** Ngày 9-11-1972, diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

B. Cuộc gặp không chính thức giữa Busơ và Goocbachốp tại đảo Manta.

C. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM).

D. Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia.

**Câu 229.** Ngày 26 - 5 - 1972 Liên Xô và Mĩ đã kí văn bản nào dưới đây?

A. Định ước Henxinki.

B*.* Hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (SALT).

C.Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

D. Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10-1991).

**Câu 230.** Trong cuộc gặp gỡ không chính thức giữa M. Góocbachốp và Tổng thống Mĩ G.Bush đã cùng tuyên bố vấn đề gì sau đây?

A. Giữ gìn hòa bình, an ninh cho nhân loại.

B. Chấm dứt việc chạy đua vũ trang.

C. Hạn chế vũ khí hạt nhân huy diệt.

D. Chấm dứt chiến tranh lạnh.

**Câu 231.** Nhân tố chủ yếu chi phối quan hệ quốc tế trong phần lớn nửa sau thế kỉ XX là gì?

A. Xu thế toàn cầu hóa.

B. Cục diện “Chiến tranh lạnh”.

C. Sự ra đời các khối quân sự đối lập.

D. Sự hình thành các liên minh kinh tế.

**Câu 232.** Thất bại nặng nề nhất của Mĩ trong “chiến lược toàn cầu” là

A. thắng lợi của cách mạng Cu-ba năm 1959.

B. thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975.

C. thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.

D. thắng lợi của cách mạng Hồi giáo I-ran năm 1979.

**Câu 233.** Hệ quả nghiêm trọng mà cuộc chiến tranh lạnh để lại là là gì?

A. Thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng, đối đầu, nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới.

B. Nhiều căn cứ quân sự được thiết lập ở Đông Đức và Tây Đức.

C. Các nước phải chịu sự áp đặt của Xô-Mĩ.

D. Các nước chạy đua vũ trang.

**Câu 234.** Cuộc tấn công bất ngờ vào nước Mĩ ngày 11-9-2001 của lực lượng khủng bố đã làm:

A. Trung tâm thương mại thế giới sụp đổ thiệt hại lớn về người và của.

B. Thủ đô Mĩ sụp đổ hoàn toàn, nhiều của cải vật chất bị phá hủy.

C. Trụ sở Liên Hợp Quốc bị phá hủy.

D. Thủ đô nước Anh bị sụp đổ.

**Câu 235.** Nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai nước Xô-Mĩ chấm dứt chiến tranh lạnh là gì?

A. Nhân dân các nước thuộc địa phản đối cuộc chiến này.

B. Liên hợp quốc yêu cầu chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh.

C. Nhân dân thế giới phản ứng quyết liệt cuộc chiến tranh lạnh.

D. Cuộc chạy đua vũ trang làm Xô- Mĩ quá tốn kém và suy giảm về nhiều mặt.

**Câu 236.** Sự kiện nào dưới đây đã khởi đầu cuộc “Chiến tranh lạnh”?

A. Chiến lược toàn cầu của Tổng thống Mĩ Rudơven.

B. Đạo luật viện trợ nước ngoài của Quốc hội Mĩ.

C. Thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman.

D. Diễn văn của ngoại trưởng Mĩ Macsan.

**Câu 237.** “Chiến tranh lạnh” là gì?

A. Là cuộc đối đầu căng thẳng giữa các nước tư bản chủ nghĩa.

B. Là cuộc đối đầu căng thẳng giữa các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Là cuộc đối đầu căng thẳng giữa 2 phe TBCN - XHCN ở châu Âu.

D. Là cuộc đối đầu căng thẳng giữa 2 phe tư bản chủ nghĩa - xã hội chủ nghĩa.

**Câu 238.** Tháng 3-1947 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Mĩ đề ra kế hoạch Mácsan.

B. Mĩ thành lập tổ chức SEATO.

C. Mĩ phát động cuộc chiến tranh lạnh.

D. Mĩ thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.

**Câu 239.** Cuộc chiến tranh lạnh kết thúc đánh dấu bằng sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Định ước Henxinki năm 1975.

B. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) năm 1972.

C. Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10-1991)

D. Cuộc gặp không chính thức giữa Busơ và Goocbachốp tại đảo Manta (12-1989) **Câu 240.** Xu thế mới trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh là gì?

A. Vai trò của Liên hợp quốc được củng cố.

B. Xuất hiện xu thế toàn cầu hóa, liên kết khu vực.

C. Hòa bình ngày càng được củng cố trong các mối quan hệ quốc tế.

D. Liên Xô và Mĩ không còn can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

**Câu 241.** Liên Xô và Mĩ trở thành hai thế lực đối đầu nhau rồi đi đến “chiến tranh lạnh” vào thời điểm nào dưới đây?

A. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

C. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

**Câu 242.** Mưu đồ của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Làm bá chủ toàn thế giới.

B. Tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ La-tinh.

D. Tiêu diệt phong trào công nhân ở cácnước tư bản chủ nghĩa.

**Câu 243.** Cùng chung sốnghòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển vừa là thời cơ vừa là

A. nhiệm vụ chung của toàn nhân loại khi bước vào thế kỉ XXI.

B. thách thức đối với các dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI.

C. trách nhiệm của các nước phát triển hiện nay.

D. trách nhiệm của các nước đang phát triển.

**Câu 244.** Khối quân NATO, đã đưa tới tình trạng chiến tranh lạnh vì lí do nào dưới đây?

A. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và Đông Âu.

B. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống các nước Đông Âu.

C. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô.

D. Tập hợp các nước Tây Âu chống phong trào cách mạng thế giới.

**Câu 245.** Quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ hai thay đổi như thế nào?

A. Hợp tác cùng nhau giải quyết nhiều vấn đề quốc tế lớn.

B. Từ Đồng minh chống phát xít chuyển sang đối đầu.

C. Mâu thuẫn nhau gay gắt về quyền lợi.

D. Chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

**Câu 246.** Mục tiêu cơ bản trong chính sách đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh lạnh kết thúc là gì?

A. Thúc đẩy dân chủ trên thế giới.

B. Can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.

C. Vươn lên chi phối, thiết lập trật tự thế giới đơn cực.

D. Đơn phương sắp đặt và chi phối trật tự thế giới mới.

**Câu 247.** Định ước Henxinki là biểu hiện xu thế hòa hoãn giữa các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa vì lí do nào dưới đây?

A. Tạo cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu.

B. Tạo cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh thế giới.

C. Giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh châu Á.

D. Giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, chính trị châu Âu.

**Câu 248.** Hai nước nào dưới đây đã tham gia kí kết Định ước Henxinki cùng các nước Châu Âu?

A. Mĩ, Trung Quốc. B. Mĩ, Nhật Bản.

C. Mĩ, Hàn Quốc. D. Mĩ, Ca-na-đa.

**Câu 249.** Chiến tranh lạnh chấm dứt đưa đến hệ quả nào sau đây?

A. Mĩ từ bỏ tham vọng làm bá chủ thế giới.

B. Vị thế của Mĩ và Liên Xô suy giảm nghiêm trọng.

C. Một cực là Liên Xô không còn, trật tự hai cực Ianta tan rã.

D. Sự giải thể của NATO, Vácsava cùng hàng loạt các căn cứ quân sự khác.

**Câu 250.** Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết tại

A. Bon. B. Béc-lin. C. Oasinhtơn. D. Niu Oóc.

**Câu 251.** Một thế giới mới hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai được gọi là

A. trật tự đa cực. B. trật tự hai cực Ianta.

C. trật tự Vécxai-Oasinhton. D. trật tự một cực do Mỹ đứng đầu.

**Câu 252.** Trong những năm 1989 - 1991 diễn ra sự kiện gì đối với Liên Xô và các nước Đông Âu?

A. Liên Xô và các nước Đồng Âu cắt đứt quan hệ với nhau.

B. Liên Xô và các nước Đồng Âu lâm vào tình trạng trì trệ.

C. Xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bước vào thời ki ổn định.

D. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô bị tan rã.

**Câu 253.** Thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman gửi tới Quốc hội (12-3-1947) được xem là sự khởi đầu cho chính sách nào dưới đây?

A. Chính sách làm bá chủ thế giới của Mĩ.

B. Chính sách thực lực của Mĩ sau chiến tranh.

C. Chính sách chống các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa.

**Câu 254.** Tháng 12 - 1991, diễn ra sự kiện gì sau đây trong quan hệ quốc tế?

A. Khủng hoảng trật tự hai cực Ianta.

B. Trật tự hai cực I-an-ta bị sụp đổ.

C.Mĩ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh.

D. Xô-Mĩ tuyên bố hợp tác trên mọi phương diện.

**Câu 255.** Khối quân NATO, đã đưa tới tình trạng chiến tranh lạnh vì lí do nào dưới đây?

A. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và Đông Âu.

B. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống các nước Đông Âu.

C. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô.

D. Tập hợp các nước Tây Âu chống phong trào cách mạng thế giới.

**Câu 256.** Quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ hai thay đổi như thế nào?

A. Từ Đồng minh chuyển sang đối đầu chiến tranh lạnh.

B. Hợp tác cùng giải quyết nhiều vấn đề quốc tế lớn.

C. Mâu thuẫn nhau gay gắt về quyền lợi.

D. Chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

**Câu 257.** Một trong những xu thế của quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng vào lĩnh vực kinh tế hiện nay là gì?

A. Hợp tác và phát triển.

B. Hợp tác với các nước châu Âu.

C. Hợp tác với các nước trong khu vực.

D. Hợp tác với các nước đang phát triển.

**Câu 258.** Một trong những xu thế trong quan hệ quốc tế sau "chiến tranh lạnh" mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng để giải quyết vấn đề Biển Đông là gì?

A. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp quân sự.

B. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp phát triển kinh tế.

D. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp liên minh chính trị với các nước.

**Câu 259.** Chính sách chủ yếu của Mĩ đối với đồng minh trong chiến lược toàn cầu sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Sử dụng chính sách "đồng Đôla".

B. Lôi kéo, khống chế các nước đồng minh.

C. Dùng vũ lực can thiệp thô bạo đến các nước.

D. Dùng khẩu hiệu thúc đẩy dân chủ và Tôn giáo.

**Câu 260.** Nội dung nào sau đây **không** nằm trong diễn biến của Chiến tranh lạnh?

A. Cuộc chiến tranh Triều Tiên.

B. Xung đột ở Trung Cận Đông.

C. Xung đột trực tiếp giữa hai siêu cường.

D. Các cuộc chiến tranh cục bộ ở Đông Dương.

**Câu 261.** Tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh đã đặt các quốc gia trong tình thế nào dưới đây?

A. Phải nắm bắt thời cơ. B. Hạn chế thách thức và vươn lên.

C. Phải nắm bắt thời cơ, đẩy lùi thách thức.

D. Phải tiến hành chiến tranh để xác lập vị thế của mình.

**Câu 262.** Sự kiện 11-9-2001, đã đặt nước Mĩ trong tình trạng phải đối đầu với nguy cơ gì dưới đây?

A. Sự bất cập trong hoạt động quốc phòng và anh ninh.

B. Sự suy giảm về kinh tế.

C. Chủ nghĩa khủng bố.

D. Khủng hoảng nội các.

**Câu 263.** Lí do chủ yếu khiến Liên Xô và Mĩ tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh là gì?

A. Phải viện trợ cho các nước Đồng minh của mình.

B. Sự vươn lên và cạnh tranh gay gắt của Nhật và Tây Âu.

C. Phải tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu và chế tạo vũ khí.

D. Chi phí cho chạy đua vũ trang, sự cạnh tranh gay gắt của Nhật và Tây Âu.

**Câu 264.** Mục đích của Mĩ khi tiến hành viện trợ khẩn cấp cho Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì vì lí do gì sau đây?

A. Lôi kéo hai nước này can thiệp và chống phong trào cách mạng thế giới.

B. Biến hai nước này thành căn cứ chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

C. Giúp nhân dân hai nước này khôi phục và phát triển kinh tế.

D. Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì cần Mĩ viện trợ để phát triển.

**Câu 265.** Với Kế hoạch Mácsan, Mĩ đã viện trợ khoảng bao nhiêu tiền cho Tây Âu và Nhật Bản khôi phục kinh tế?

A. Khoảng 70 tỉ USD. B. Khoảng 7 tỉ USD.

C. Khoảng 17 tỉ USD. D. Khoảng 71 tỉ USD.

**Câu 266.** Sự kiện gây chấn động tâm lý của người dân Mỹ trong những năm đầu của thế kỷ XXI là gì?

A. Tổng thống Mỹ bị ám sát.

B. Di chứng từ cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

C. Sự sa lầy của quân đội Mỹ trên chiến trường Irắc.

D. Vụ khủng bố ngày 11-9-2001 tại Trung tâm thương mại thế giới.

**Câu 267. Nguyên nhân sâu xa của cuộc cách mạng khoa học hiện đại ngày nay là gì?**

A. Bùng nổ dân số, tài nguyên cạn kiệt thiên nhiên.

B. Kế thừa cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỉ XVII.

C. Yêu cầu của việc chạy đua vũ trang trong thời kì "chiến tranh lạnh".

**D. Đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.**

**Câu 268.** Quốc gia nào dưới đây khởi đầu cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật lần thứ hai?

A. Mĩ. B. Liên Xô. C. Nhật Bản. D. Trung Quốc.

**Câu 269.** Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai bắt đầu từ

A. những năm 50 của thế kỉ XX. B. những năm 40 của thế kỉ XX .

C. những năm 60 của thế kỉ XX . D. những năm 70 của thế kỉ XX. .

**Câu 270.** Cuộc cách mạng khoa học công nghệ đã giải quyết được những vấn đề gì khi tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt?

A. Cải tiến phương tiện sản xuất. B. Đẩy mạnh các phát minh cơ bản.

C. Tìm ra các nguồn năng lượng mới. D. Đẩy mạnh tự động hóa trong sản xuất.

**Câu 271.** Từ 1973 đến nay cuộc cách mạng nào được nâng lên vị trí hàng đầu?

A. Cách mạng công nghệ. B. Cách mạng công nghiệp.

C. cách mạng trắng trong công nghiệp. D. cách mạng xanh trong nông nghiệp.

**Câu 272.** Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại cuối thế kỉ XX gọi là cách mạng khoa học công nghệ gì?

A. Tạo ra nguồn năng lượng mới.

B. Phát triển về công nghệ sinh học.

C. Tạo ra nhiều vật liệu mới ứng dụng trong đời sống.

D. Cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học kĩ thuật.

**Câu 273.** Lí do nào dưới đây **không** thuộc nguồn gốc cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật lần thứ 2?

A. Chuyển nền kinh tế nông nghiệp, thủ công sang công nghiệp máy móc.

B. Sự vơi cạn nghiêm trọng các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

C. Nhu cầu phục vụ cho chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Sự bùng nổ dân số thế giới.

**Câu 274.** Hạn chế cơ bản nhất của cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại là gì?

A. Gây ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

B. Nguy cơ bùng nổ chiến tranh hạt nhân.

C. Gây ra ô nhiễm môi trường, bệnh tật mới.

D. Nạn khủng bố phổ biến.

**Câu 275.** Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của:

A. sự ra đời các công ty xuyên quốc gia.

B. quá trình thống nhất thị trường thế giới.

C. cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.

D.sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế.

**Câu 276.** Bản chất của toàn cầu hóa là gì?

A. Sự tăng lên mạnh mẻ quan hệ thương mại quốc tế.

B. Sự hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

C. Sự tác động mạnh mẻ của các công ty, tập đoàn lớn trên thế giới.

D. Tăng lên mạnh mẽ sự phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia dân tộc trên thế giới.

**Câu 277.** Biểu hiện nào dưới đây phản ánh đúng xu thế toàn cầu hóa hiện nay?

A. Sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.

B. Sự tăng trưởng cao của các nền kinh tế thế giới.

C. Sự phát triển nhanh chóng của các quan hệ thương mại quốc tế.

D. Sự chuyển biến mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế giữa các nước trên thế giới.

**Câu 278.** Tổ chức nào dưới đây là tổ chức liên kết kinh tế thương mại lớn nhất thế giới?

A. WTO B. APEC C. ASEM D. NAFTA

**Câu 279.** Đặc trưng cơ bản của cách mạng kĩ thuật hiện đại là gì?

A. Cải tiến việc tổ chức sản xuất.

B. Cải tiến việc quản lí sản xuất.

C. Cải tiến việc phân công lao động.

D. Cải tiến, hoàn thiện những công cụ và phương tiện sản xuất.

**Câu 280.** Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học công nghệ là gì?

A. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

B. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.

C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

D. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ một số lĩnh vực quan trọng.

**Câu 281.** Nguồn gốc của cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX nhằm

A. do sự bùng nổ dân số trên thế giới.

B. do yêu cầu của cuộc sống con người.

C. yêu cầu của việc cải tiến vũ khí ngày càng hiện đại.

D. đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

**Câu 282.** Tại sao gọi là cách mạng khoa học công nghệ?

A. Cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra về kĩ thuật.

B. Với sự ra đời của các loại máy móc tiên tiến.

C. Công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học kĩ thuật.

D. Với sự ra đời của hệ thống các công trình kĩ thuật hiện đại.

**Câu 283.** Điểm khác biệt giữa cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại nửa sau thế kỉ XX với cách mạng khoa học công nghiệp thế kỉ XVIII là gì?

A. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

B. Khoa học gắn liền với kĩ thuật.

C. Có nhiều phát minh lớn cho nhân loại.

D. Kĩ thuật đi trước mở đường cho sản xuất.

**Câu 284.** Đứng trước tình trạng cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên con người cần dựa vào nhân tố nào sau đây?

A. Hệ thống máy tự động. B. Công cụ sản xuất mới.

C. Nguồn năng lượng mới, vật liệu mới. D. Nguồn năng lượng tái tạo từ tự nhiên.

**Câu 285.** Nguồn gốc sâu xa cơ bản dẫn tới cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỷ XVIII và cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là gì?

A. Yêu cầu của đời sống và sản xuất của con người.

B. Sự bùng nổ dân số và ô nhiểm môi trường.

C. Sự vơi cạn nguồn tài nguyên và sản xuất.

D. Yêu cầu của chiến tranh và sản xuất.

**Câu 286.** Nhận xét nào dưới đây là đúng về hạn chế chủ yếu nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại?

A. Nạn khủng bố gây nên tình trạng căng thẳng.

B. Chế tạo vũ khí hiện đại có sức công pha và hủy diệt lớn.

C. Gây nên những áp lực lớn trong công việc của người lao động.

D. Phát minh ra nhiều máy móc đe dọa đến sự mất việc làm của con người.

**Câu 287.** Cuộc "cách mạng xanh" diễn ra trong lĩnh vực nào?

A. Nông nghiệp B. Khoa học cơ bản

C. Công nghệ thông tin. D. Thông tin liên lạc và giao thông.

**Câu 288.** Một trong những tác động của của cách mạng khoa hoc-kĩ thuật hiện đại đối với thế giới là gì?

A. Sự phát triển và tác động của các công ty xuyên quốc gia.

B. Sự ra đời các tổ chức liên kết kinh tế, chính trị quốc tế.

C. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ quốc tế.

D. Sự hình thành xu thế toàn cầu hóa.

**Câu 289.** Hệquả tất yếu của cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật hiện đại là:

A. diễn ra xu thế hòa hoãn. B. diễn ra xu thế toàn cầu hóa.

C. diễn ra xu thế hợp tác phát triển. D. diễn ra sự phát triển vượt bậc về khoa học.

**Câu 290.** Toàn cầu hóa ra đời là:

A. xu thế phát triển xã hội. B. xu thế phát triển của nhân loại.

C. xu thế khách quan không thể đảo ngược. D. xu thế chủ quan không thể đảo ngược.

**Câu 291*.*** Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn nhằm mục tiêu gì?

A. Đẩy mạnh xu hướng toàn cầu hoá.

B. Tăng nhanh sự phát triển của công ti.

C. Đẩy mạng quan hệ thương mại quốc tế.

D. Tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

**Câu 292.** Nhận xét nào dưới đây là hạn chế của xu thế toàn cầu hóa?

A. Tạo nên sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế.

B. Đẩy nhanh sự phân hóa về lực lượng sản xuất trong xã hội.

C. Sự ngăn cách giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước.

D. Làm thay đổi về cơ cấu dân cư và chất lượng nguồn nhân lực.

**Câu 293.** Ý nghĩa then chốt, quan trọng của cuộc cách mạng khoa học công nghệ là gì?

A. Tạo ra khối lượng hàng hóa đồ sộ.

B. Đem lại sự tăng trưởng cao về kinh tế.

C. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

D. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.

**Câu 294.** Một trong những điểm khác nhau cơ bản giữa cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại so với cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỷ XVIII là gì?

A. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn cuộc sống.

B. Mọi phát minh kĩ thuật điều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

C. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn sản xuất.

D. Mọi phát minh kĩ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản.

**Câu 295.** Yếu tố nào dưới đây **không** phải là đòi hỏi của nhân loại hiện nay khi dân số bùng nổ, tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt?

A. Những công cụ sản xuất mới có kĩ thuật cao.

B. Những nguồn năng lượng mới và vật liệu mới.

C. Nguồn tài nguyên thiên nhiên được tái tạo lại.

D. Nguồn tài nguyên thiên không được tái tạo lại.

**Câu 296.** Cách mạng khoa học-kĩ thuật đặt ra cho các dân tộc yêu cầu gì cho sự sinh tồn của trái đất?

A. bảo vệ môi trường sinh thái. B. bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

C. bảo vệ nguồn sống con người. D. bảo vệ nguồn năng lượng sẳn có.

**Câu 297.** Do đâu chất lượng cuộc sống của con người được nâng cao từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Do áp dụng khoa học kĩ thuật.

B. Do học hỏi các nước phát triển.

C. Do tác động của tiến bộ kĩ thuật.

D. Do tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.

**Câu 298.** Để tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước các công ti, nhất là công ti khoa học-kĩ thuật cần:

A. phát triển nhanh chóng về mọi mặt.

B. sự phát triển tác động của các công ty xuyên quốc gia.

C. sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

D. sự phát triển nhanh chóng của các công ty thương maị quốc tế.

**Câu 299.** Vấn đề nào sau đây có ý sống còn đối với Đảng và nhân dân ta trong xu thế toàn cầuhóa hiện nay?

A. Nắm bắt thời cơ hội nhập quốc tế.

B. Tận dụng nguồn vốn từ bên ngoài.

C. Áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật.

D. Nắm bắt thời cơ vượt qua thách thức phát triển mạnh mẽ trong thời kì mới.

**Câu 300.** Do đâu mọi mặt hoạt động và đời sống của con người kém an toàn?

A. Do sự chủ quan của con người. B. Do trình độ khoa học kĩ thuật kém.

C. Do tác động của xu thế toàn cầu hóa. D. Do không bắt kịp nhịp phát triển của quốc tế.

**Câu 301*.*** Thương mại quốc tế tăng lên mạnh mẽ đã phản ánh vấn đề nào sau đây?

A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới ngày càng cao.

B. Thu nhập quốc dân của tất cả các nước trên thế giới tăng.

C. Nền kinh tế các nước trên thế giới quan hệ chặt chẽ, phụ thuộc lẫn nhau.

D. Các công ti xuyên quốc gia đẩy mạnh hoạt động ở các nước đang phát triển.

**Câu 302.**Việc tồn tại của toàn cầu hoá là:

A. sự bùng nổ tức thời của kinh tế thế giới.

B. xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược.

C. xu thế chủ quan của các cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới.

D. sự tồn tại tạm thời trong quá trình phát triển nhanh của thương mại quốc tế.

**Câu 303.** Thách thức lớn nhất mà Việt Nam phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay là gì?

A. Trình độ quản lí còn thấp.

B. Trình độ của người lao động còn thấp.

C. Sự cạnh tranh quyết liệt từ thị trường quốc tế.

D. Chưa tận dụng tốt nguồn vốn và kĩ thuật từ bên ngoài.

**Câu 304*.*** Trong giai đoạn hiên nay để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta cần phải làm gì?

A. Thành lập các công ty lớn.

B. Tiến hành cải cách sâu rộng.

C. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

D. Khai thác tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế.

**Câu 305.**Cơ hội lớn nhất của nước ta trước xu thế toàn cầu hoá hiện nay là gì?

A. Nhập khẩu hàng hoá với giá thấp.

B. Tranh thủ vốn đầu tư của nước ngoài.

C. Xuất khẩu được nhiều mặt hàng nông sản ra thế giới.

D. Tiếp thu thành tựu của cách mạng khoa học- công nghệ.

**Câu 306.** Trong xu thế phát triển chung của thế giới hiện nay, Việt Nam có những thời cơ gì?

A. Ứng dụng các thành tựu KH-KT vào sản xuất.

B. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.

C. Có được thị trường lớn để tăng cường xuất khẩu hàng hóa.

D. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng KH-KT.

**Câu 307.** Biểu hiện nào dưới đây **không** phải là xu thế toàn cầu hóa?

A. Sự ra đời của các ngân hàng lớn trên thế giới.

B. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

C. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

D. Sự sáp nhập và họp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

**Câu 1.** Giai cấp tư sản bị phân hóa như thế nào dưới tác động trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam?

A. Tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp.

B. Tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp.

C. Tư sản dân tộc và tư sản công thương.

D. Tư sản dân tộc và tư sản mại bản.

**Câu 2.** Sự kiện nào dưới đây gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc khi ở Liên Xô?

A. Tham dự đại hội lần IV của Quốc tế cộng sản.

B. Tham dự đại hội lần V của Quốc tế cộng sản.

C. Tham dự đại hội lần VI của Quốc tế cộng sản.

D. Tham dự đại hội lần VII của Quốc tế cộng sản.

**Câu 3.** Những ngành kinh tế nào dưới đây được Pháp đầu tư nhiều nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai?

A. Nông nghiệp và khai mỏ.

B. Ngoại thương và nông nghiệp.

C. Công nghiệp nặng và khai mỏ.

D. Giao thông vận tải và tài chính

**Câu 4.** Giai cấp Địa chủ phong kiến đã bị phân hóa như thế nào, trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp?

A. Đại địa chủ và trung, tiểu địa chủ.

B. Đại địa chủ và trung địa chủ.

C. Đại địa chủ và tiểu địa chủ

D. Địa chủ vừa và nhỏ.

**Câu 5.** Giai cấp Tiểu tư sản gồm những thành phần chủ yếu nào dưới đây?

A. Viên chức trong công sở của Pháp, quan lại của triều đình phong kiến.

B. Tiểu thương, tiểu chủ, viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên.

C. Học sinh sinh viên, viên chức, trí thức.

D. Tiểu thương, tiểu chủ, tiểu nông.

**Câu 6.** Tác phẩm nào dưới đây của Nguyễn Ái Quốc được xuất bản trong nửa đầu những năm 20 của thế kỉ XX?

A. Đường Kách Mệnh B. Bản yêu sách 8 điểm.

C. Báo Đời sống công nhân. D. Bản án chế độ thực dân Pháp.

**Câu 7.** Những Đại Hội, Hội nghị quốc tế nào dưới đây Nguyễn Ái Quốc đã tham dự (1923 – 1924) ở Liên Xô?

A. Hội nghị quốc tế công nhân, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần V.

B. Hội nghị quốc tế nông dân, Đại hội lần V Quốc tế Cộng sản.

C. Hội nghị quốc tế nông dân, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần III.

D. Hội nghị quốc tế phụ nữ, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần IV.

**Câu 8.** Tổ chức nào dưới đây do Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà yêu nước của Angiêri, Marốc, Tuynidi thành lập năm 1921 ở Pháp?

A. Hội liên hiệp thuộc địa. B. Tổ chức Những người Vô sản.

C. Tổ chức Những người Cộng sản. D. Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

**Câu 9.** Mâu thuẫn nào dưới đây là cơ bản của các dân tộc Đông Dương từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ.

B. Mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản.

C. Mâu thuẫn giữa nhân dân Đông Dương với thực dân Pháp.

D. Mâu thuẫn giữa nông dân, công nhân Đông Dương với Pháp.

**Câu 10. Sự kiện quốc tế nào dưới đây có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới nhất?**

A. Cách mạng tháng Mười Nga (1917).

B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vécxai (6-1919).

C. Nguyễn Ái Quốc đọc bản sơ thảo luận cương của Lê nin (7-1920).

D. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp (12-1920).

**Câu 11. Giai cấp nào dưới đây có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam?**

**A. Địa chủ. B. Nông dân. C. Công nhân. D. Tư sản dân tộc.**

**Câu 12.** Phong trào đấu tranh nào dưới đây của giai cấp tiểu tư sản là tiêu biểu nhất trong những năm 20 của thế kỉ XX?

A. "Bài trừ ngoại hóa". B. "Chấn hưng nội hóa".

C. Chống độc quyền cảng Sài Gòn. D. Đòi Pháp trả tự do cho cụ Phan Bội Châu.

**Câu 13. Mục đích của Pháp khi tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam là gì?**

A. Để phát triển kinh tế Pháp.

B. Để thu được nhiều lợi nhuận.

C. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

D. Để bù đắp những thiệt hại do Chiến tranh thế giới lần thứ nhất gây ra.

**Câu 14.** Thái độ chính trị của giai cấp tư sản dân tộc trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam?

A. Có tinh thần đấu tranh triệt để.

B. Có thái độ phản đối đấu tranh cách mạng.

C. Có thái độ không kiên quyết đễ thỏa hiệp khi Pháp mạnh.

D. Có thái độ kiên quyết trong việc đấu tranh chống thực dân Pháp.

**Câu 15.** Cuộc bãi công của công nhân Ba Son (8-1925) là một mốc quan trọng trên con đường phát triển của phong trào công nhân Việt Nam vì

A. đã ngăn cản được tàu chiến Pháp chở lính đàn áp cách mạng Trung Quốc.

B. đánh dấu tư tưởng Cách mạng tháng Mười được công nhân Việt Nam tiếp thu.

C. sau cuộc bãi công ở Ba Son, công nhân Chợ Lớn, Nam Định, Hà Nội…tổng bãi công.

D. đã đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân, từ đây công nhân Việt Nam bước vào đấu tranh tự giác.

**Câu 16.** Sự kiện nào dưới đây đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam?

A. Đọc bản sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê Nin (7/1920)

B. Gửi đến hội nghị Véc xai bản yêu sách 8 điểm (1919).

C. Lập ra Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pari (1921)

D. Sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6/1925).

**Câu 17.** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất giai cấp nào dưới đây đã trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam?

A. Giai cấp nông dân. B. Giai cấp công nhân.

C. Giai cấp tư sản dân tộc. D. Giai cấp đại địa chủ phong kiến.

**Câu 18.** Giai cấp nào dưới đây có tinh thần cách mạng triệt để, có ý thức tổ chức kỉ luật cao, gắn bó với nền sản xuất hiện đại?

A. Tư sản B. Công nhân.

C. Tiểu tư sản. D. Địa chủ phong kiến

**Câu 19.** Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III?

A. Quốc tế này giúp nhân dân ta đấu tranh chống Pháp.

B. Quốc tế này đề ra đường lối cho Cách mạng Việt Nam.

C. Quốc tế này bênh vực cho quyền lợi các nước thuộc địa.

D. Quốc tế này chủ trương thành lập mặt trận giải phóng dân tộc Việt Nam.

**Câu 20.** Vì sao sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh ở Việt Nam?

A. Chủ nghĩa tư bản từ Châu Âu tác động.

B. Chủ nghĩa Mác Lênin được truyền bá.

C. Ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.

D. Giai cấp tư sản trưởng thành, lập chính đảng đủ sức lãnh đạo phong trào.

**Câu 21.** Giai cấp công nhân Việt Nam chủ yếu xuất thân từ giai cấp nào dưới đây?

A. Giai cấp tư sản bị phá sản.

B. Thợ thủ công bị thất nghiệp.

C. Giai cấp tiểu tư sản bị chèn ép.

D. Giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

**Câu 22.** Lí do chủ yếu nào dưới đây khiến Pháp đầu tư nhiều vào khai thác than từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Vì than là nguồn năng lượng cần cho chính quốc và thế giới sau cuộc đại chiến.

B. Vì khai thác than thu được nhiều lợi nhuận.

C. Vì Việt Nam có trữ lượng than lớn.

D. Vì than dễ khai thác.

**Câu 23.** Trong chính sách thương nghiệp, Pháp đánh thuế nặng vào hàng ngoại nhập vì muốn

A. cản trở sự xâm nhập của hàng hóa nước ngoài.

B. độc chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương.

C. tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.

D. tạo sự cạnh tranh hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương.

**Câu 24. Lí do chủ yếu nào dưới đây khiến tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai?**

A. Vì phải đầu tư nhiều tiền.

B. Vì phải đầu tư lớn về kĩ thuật.

C. Vì Pháp chỉ muốn biến Việt Nam thành căn cứ quân sự.

D. Vì muốn kinh tế Việt Nam chậm phát triển, lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

**Câu 25. Điểm khác trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc so với các bậc tiền bối là**

A. đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.

**B. đi đến phương Đông tìm đường cứu nước mới.**

**C. đi sang châu Âu và châu Mĩ tìm đường cứu nước.**

**D. đi sang châu Phi và các nước bắc Mĩ tìm đường cứu nước.**

**Câu 26.** Hoạt động nào dưới đây chứng minh Nguyễn Ái Quốc từ một người yêu nước chân chính trở thành người cộng sản?

A. Viết “Bản án chế độ thực dân Pháp”, báo “Sự Thật”.

B. Gửi yêu sách đến hội nghị Vec – xai, thành lập hội liên hiệp thuộc địa.

C. Bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III và đồng sáng lập Đảng cộng sản Pháp.

D. Đọc sơ thảo lần thứ nhất luận cương của Lê Nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

**Câu 27.** Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai có điểm mới nào dưới đây so với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam?

A. Qui mô khai thác lớn hơn, triệt để hơn.

B. Cướp đoạt ruộng đất lập đồn điền trồng cao su.

C. Tăng cường vốn đầu tư vào tất cả các ngành kinh tế.

D. Hạn chế phát triển công nghiệp nhất là công nghiệp nặng.

**Câu 28.** Nguyên nhân chủ quan nào dưới đây khiến phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 – 1926) thất bại?

A. Hệ tư tưởng dân chủ tư sản đã trở nên lỗi thời, lạc hậu.

B. Thực dân Pháp còn mạnh nên đủ sức đàn áp phong trào.

C. Do những yếu kém của tư sản dân tộc, sự bấp bênh của tiểu tư sản.

D. Do chủ nghĩa Mác - Lê Nin chưa được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

**Câu 29.** Mục tiêu chính của giai cấp tư sản trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 – 1925) là

A. đòi một số quyền lợi về kinh tế.

B. đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu.

C. chống bọn tư bản Pháp nắm độc quyền xuất cảng lúa gạo.

D. thành lập Đảng Lập hiến tập hợp lực lượng quần chúng chống Pháp.

**Câu 30.** Nguyên nhân khách quan nào dưới đây làm cho phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 – 1926) thất bại?

A. Tầng lớp tiểu tư sản còn bấp bênh.

B. Do các phong trào chưa liên kết với nhau.

C. Thực dân Pháp còn mạnh nên đủ sức đàn áp phong trào.

D. Giai cấp tư sản dân tộc do yếu kém về kinh tế, chính trị.

**Câu 31.** So với giai cấp công nhân quốc tế, công nhân Việt Nam có đặc điểm riêng nào dưới đây?

A. Bị giai cấp tư sản bóc lột.

B. Bị ba tầng áp bức bóc lột.

C. Ra đời cùng lúc với giai cấp tư sản.

D. Làm việc tại trung tâm những thành phố lớn.

**Câu 32.** Điểm nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của nông dân Việt Nam?

A. Là lực lượng đông đảo của cách mạng.

B. Bị bần cùng hóa trên qui mô lớn.

C. Chiếm số đông trong xã hội.

D. Có trình độ cao.

**Câu 33.** **Sự kiện nào dưới đây không tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào Việt Nam?**

A. Quốc tế III được thành lập (3/1919).

B. Đảng Cộng sản Pháp ra đời (12/1920).

C. Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời (7/1921).

D. Pháp thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai (từ 1919).

***Câu 34. “Tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn và bắt đầu biến thành hành động của giai cấp công nhân Việt Nam", đoạn trích trên nói về sự kiện lịch sử nào dưới đây?***

A. Nguyễn Ái Quốc gởi yêu sách đến Hội nghị Vécxai (6/1919).

B. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (8/1925).

C. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lênin (7/1920).

D. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái ở Sa Diện (Quảng Châu) (6/1924).

**Câu 35. Sự kiện nào dưới đây là bước ngoặt gắn với cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc (1919 – 1925)?**

A. Nguyễn Ái Quốc tìm đến Cách mạng Nga.

B.Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

C.Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội liên hiệp thuộc địa.

D. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách 8 điểm đến Hội nghị Vecxai.

**Câu 36. Tờ báo nào dưới đây do Nguyễn Ái Quốc làm chủ bút?**

A. Nhân đạo. B. Người cùng khổ. C. Đời sống công nhân. D. Tạp chí Thư tín quốc tế.

**Câu 37. Mục tiêu đấu tranh chủ yếu của phong trào công nhân Việt Nam trong những năm (1919 – 1924) là**

A. đòi quyền lợi về kinh tế.

B. đòi quyền lợi về chính trị.

C. đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị.

D. chống thực dân Pháp để giải phóng dân tộc.

**Câu 38. Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam trong những năm 1911 – 1930 là gì?**

A. Hợp nhất các tổ chức cộng sản.

**B. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.**

C. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

D. Khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 39.** Tác dụng trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1919 đến 1925 là gì?

A. Chuẩn bị tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời Đảng Cộng Sản Việt Nam (1/1930).

B. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

C. Quá trình thành lập ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam.

D. Quá trình thực hiện chủ trương “ Vô sản hóa”.

**Câu 40. Thủ đoạn của Pháp trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?**

A. Đánh thuế nặng vào các mặt hàng nông sản.

B. Tước đoạt ruộng đất của nông dân.

C. Tước đoạt quyền lợi của nông dân.

D. Bắt nông dân đi phu, lao dịch.

**Câu 41.** Đặc điểm nào dưới đây là cơ bản của giai cấp công nhân Việt Nam?

A. Bị ba tầng áp bức.

B. Có quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân.

C. Kế thừa truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

D. Sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin, vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng.

**Câu 42.** Tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp”, của Nguyễn Ái Quốc xuất bản năm 1925 tại Pari đã trở nên nổi tiếng vì

A. tác phẩm lên án tội ác của Pháp và kêu gọi quần chúng đấu tranh.

B. là một tác phẩm được nhiều người quan tâm đến.

C. là một tác phẩm chính của Nguyễn Ái Quốc.

D. tác phẩm đã buộc Pháp phải thỏa hiệp.

**Câu 43.** Nhà thơ Chế Lan Viên viết: "Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười". Câu thơ trên nói lên cảm xúc của Bác trong hoàn cảnh lịch sử nào dưới đây?

A. Bác ra đi tìm đường cứu nước.

B. Bác đưa yêu sách đến Hội nghị Vecxai.

C. Bác đọc bản sơ thảo luận cương của Lênin.

D. Bác bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III.

**Câu 44.** Đặc điểm nào dưới đây của giai cấp tiểu tư sản là cơ bản nhất trong phong trào cách mạng Việt Nam?

A. Khả năng tiếp thu khuynh hướng cách mạng mới, tiến bộ.

B. Có khả năng phối hợp với các giai cấp khác.

C. Có điều kiện sống và làm việc ở nhiều nơi.

D. Có trình độ cao và lực lượng đông đảo.

**Câu 45.** Ưu điểm cơ bản trong phong trào đấu tranh của tư sản và tiểu tư sản những năm 1919 – 1925 là

A. tích cực chống Pháp và địa chủ phong kiến.

B. tích cực chống Pháp và thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân.

C. tích cực chống địa chủ phong kiến và kêu gọi nhân dân đấu tranh.

D. tích cực chống địa chủ phong kiến và thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân.

**Câu 46.** Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng được xem là

A. văn kiện của Đảng.

B. tài liệu chính trị đặc biệt của Đảng.

C. nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 47.** Nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là gì?

A. Đánh đổ đế quốc Pháp, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập.

B. Đánh đổ phong kiến, tay sai, phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

C. Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến tay sai làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập.

D. Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến, tư sản phản cách mạng làm cho Việt Nam được độc lập tự do.

**Câu 48.** Lực lượng cách mạng được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng bao gồm

**A.** công nhân, tư sản dân tộc, trí thức, phú nông.

B. công nhân, nông dân, đại địa chủ phong kiến, tư sản mại bản.

C. công - nông, tiểu tư sản, trí thức, trung tiểu địa chủ, tư sản dân tộc.

D. công nhân, nông dân, địa chủ yêu nước, trung, tiểu và tầng lớp đại địa chủ.

**Câu 49.** Những tổ chức nào dưới đây đã tham dự Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đầu năm 1930?

A. Tân Việt Cách mạng đảng, An Nam Cộng sản đảng.

B. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.

C. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

D. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

**Câu 50.** Chương trình hành động của Việt Nam Quốc dân đảng được công bố năm 1929 đã xác định tư tưởng cốt lõi của tổ chức là

A. Độc lập và tự do. B. Độc lập và dân chủ.

C. Tự do, bình đẳng, bác ái. D. Thiết lập xã hội bình đẳng, bác ái.

**Câu 51.** Tổ chức nào dưới đây là hạt nhân đưa tới sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng (6-1929)?

A. Việt Nam Nghĩa đoàn. B. Tân Việt Cách mạng đảng.

C. Việt Nam Quốc dân đảng. D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 52.** Sự kiện nào dưới đây diễn ra tại nhà số 5D phố Hàm Long - Hà Nội (3-1929)?

A. Thành lập Đông Dương Cộng sản đảng.

B. Thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

C. Thành lập chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.

D. Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên.

**Câu 53.** Sự thất bại của cuộckhởi nghĩa Yên Bái (2-1930) đã chứng tỏ điều gì?

A. Không tiếp tục hoạt động và gây ảnh hưởng ở Bắc kì.

B. Đi vào hoạt động bí mật chờ thời cơ để tiếp tục khởi nghĩa.

C. Sự thoả hiệp với Pháp chống lại phong trào cách mạng của ta.

D. Việt Nam Quốc dân Đảng chấm dứt quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

**Câu 54.** Tháng 6 năm 1925 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Tổ chức Tâm tâm xã ra đời.

B. Thành lập tổ chức Việt Nam quốc dân đảng.

C. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập.

D. Sự ra đời và phát triển của tổ chức Tân Việt cách mạng đảng.

**Câu 55.** Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

A. Báo Thanh Niên. B. Báo Búa liềm.

C. Báo Người cùng khổ. D. Báo Nhân dân.

**Câu 56.** Tác phẩm nào dưới đây tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cách mạng ở Quảng Châu?

A. Vi Hành. B. Nhật kí trong tù.

C. Đường Kách mệnh. D. Bản án chế độ thực dân Pháp.

**Câu 57.** Lực lượng nòng cốt của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên (1925-1927) là

A. trung, tiểu địa chủ có tinh thần dân tộc.

B. tiểu thương, tiểu chủ, thanh niên nghèo thành thị.

C. học sinh, sinh viên, trí thức Việt Nam yêu nước.

D. học sinh, sinh viên, viên chức, trí thức Việt Nam.

**Câu 58**. Nguyễn Ái Quốc có vai trò gì trong hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản 1-1930

A. Đào tạo thanh niên giác ngộ cách mạng.

B. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

C. Soạn thảo Luận cương chính trị để hội nghị thông qua.

D. Chủ trì hội nghị, soạn thảo và thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

**Câu 59.** Đại diện của tổ chức cộng sản nào dưới đây **không** tham dự Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930?

A. An Nam Cộng sản Đảng. B. Đông Dương Cộng sản Đảng.

C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn. D.Tân Việt Cách mạng Đảng.

**Câu 60.** Lực lượng chủ yếu của cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là

A. Công nhân và nông dân.

B. Công nhân, tư sản mại bản, địa chủ.

C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức, trung tiểu địa chủ.

D. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến.

**Câu 61.** Sự kiện lịch sử nào dưới đây đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam?

A. Thành lập An Nam Cộng sản đảng (8-1929).

B. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1-1930).

C. Thành lập Đông Dương Cộng sản đảng (6-1929).

D. Thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn (9-1929).

**Câu 62.** Cuộc Khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930) nổ ra trong hoàn cảnh nào dưới đây?

A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên chuẩn bị khởi nghĩa.

B. Bị động nhiều đảng viên của đảng bị thực dân Pháp bắt, tù đày.

C. Tổ chức chưa có sự chuẩn bị chu đáo, thực dân Pháp còn mạnh.

D. Tân Việt đang gây ảnh hưởng lớn để lôi kéo phong trào cách mạng.

**Câu 63.** Mục tiêu hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng (27-12-1927) là gì?

A. Đánh đuổi thực dân Pháp xoá bỏ ngôi vua.

B. Đánh đuổi thực dân Pháp thiếp lập dân quyền.

C. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

D. Đánh đổ ngôi vua, đánh đuổi giặc Pháp lập nên nước Việt Nam độc lập.

**Câu 64.** Năm 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân liệt thành các tổ chức cộng sản nào dưới đây?

A. Tân Việt và Đông Dương Cộng sản đảng.

B. Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng.

C. Việt Nam Quốc dân Đảng và Đông Dương Cộng sản đảng.

D. Đông Dương Cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn.

**Câu 65.** Chủ trương đấu tranh nào dưới đây của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng?

A. Chủ trương đấu tranh theo xu hướng cách mạng vô sản.

B. Tiến hành đánh đuổi thực dân Pháp thiết lập dân quyền, dân chủ.

C. Tiến hành bạo lực cách mạng, binh lính Việt giác ngộ làm chủ lực.

D. Lãnh đạo quần chúng đấu tranh đánh đổ đế quốc Pháp để cứu lấy mình.

**Câu 66.** Nội dung nào dưới đây là mục đích hoạt động chủ yếu của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?

A. Tập hợp quần chúng đấu tranh.

B. Truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê nin.

C. Xây dựng cơ sở trong quần chúng.

D. Lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống Pháp, tay sai.

**Câu 67.** Hoạt động tiêu biểu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên khi mới ra đời là

A. tập hợp lực lượng. B. xây dựng cơ sở trong nước.

C. mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng. D. xây dựng các cơ sở trong kiều bào.

**Câu 68.** Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông đã đề ra chủ trương nào dưới đây?

A. Tiến hành cách mạng bằng bạo lực, xây dựng chính thể Cộng hòa.

B. Thực hiện phong trào “vô sản hóa” đoàn kết dân tộc chống đế quốc thực dân.

C. Liên lạc các dân tộc bị áp bức thực hiện phong trào cách mạng, đánh đổ đế quốc.

D. Lãnh đạo quần chúng trong nước liên lạc các dân tộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

**Câu 69.** Sau khi dự lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ ở Quảng Châu, số học viên ưu tú Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tiếp tục thực hiện nhiệm vụ gì dưới đây?

A. Xây dựng cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm.

B. Được cử đi học ở một số trường tại Trung Quốc, Liên Xô.

C. Bí mật về Việt Nam truyền bá lí luận giải phóng dân tộc.

D. Tập hợp xây dựng lực lượng cho cuộc đấu tranh chống Pháp.

**Câu 70.** Lí luận nào dưới đây được Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên truyền bá về Việt Nam?

A. Lí luận Mác-Lênin.

B. Lí luận đấu tranh giai cấp.

C. Lí luận cách mạng vô sản.

D. Lí luận cách mạng giải phóng dân tộc

**Câu 71.** Tổ chức nào dưới đây được xem là tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam?

A. Tâm tâm xã. B. Tân việt cách mạng đảng.

C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên D . Tổ chức Việt Nam quốc dân đảng.

**Câu 72.** Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây dẫn đến cuộc Khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) thất bại?

A. Đế quốc Pháp còn mạnh.

B. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.

C. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động.

D. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu.

**Câu 73.** Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập tháng 12/1927 là chính đảng của giai cấp nào dưới đây?

A. Tư sản Việt Nam B. Vô sản Việt Nam

C. Nông dân Việt Nam D. Tiểu tư sản trí thức

**Câu 74.** Nội dung nào dưới đây phản ánh ý nghĩa lịch sử chủ yếu của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?

A.Cổ vũ lòng yêu nước, chí căm thù của nhân dân ta với bè lũ cướp nước và tay sai.

B.Đáp ứng một phần yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc.

C.Thể hiện vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc.

D.Nối tiếp truyền thống yêu nước của giai cấp tư sản.

**Câu 75.** Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam cuối năm 1929 là

A. bước ngoặt của phong trào cách mạng Việt Nam.

B. bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

C. xu thế khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc.

D. bước chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của chính đảng Cộng sản sau này.

**Câu 76.** Tư tưởng cốt lõi trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là

A. tự do và dân chủ. B. độc lập và tự do.

C. ruộng đất cho dân cày. D. đoàn kết với cách mạng thế giới.

**Câu 77.** Điểm khác nhau cơ bản giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên và Luận cương chính trị (10-1930) của Đảng là gì?

A. Xác định vị trí cách mạng Việt Nam.

B. Xác định lực lượng cách mạng Việt Nam.

C. Xác định nhiệm vụ và lực lượng cách mạng.

D. Xác định chiến lược cách mạng Việt Nam.

**Câu 78.** Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của nhân tố nào dưới đây?

A. Chủ nghĩa Mac-Lê nin với phong trào yêu nước.

B. Chủ nghĩa Mac-Lê nin với phong trào công nhân.

C. Chủ nghĩa Mac-Lê nin với phong trào đấu tranh của nhân dân.

D. Chủ nghĩa Mac-Lê nin với phong trào yêu nước và phong trào công nhân.

**Câu 79.** Chiến lược cơ bản của cách mạng Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc trình bày trong tài liệu nào dưới đây?

A. Đường cách mệnh. B. Báo Người cùng khổ.

C. Bản án chế độ thực dân. D. Tạp chí thư tín quôc tế.

**Câu 80.** Nội dung nào dưới đây thể hiện đúng vai trò của phong trào “vô sản hóa” (1928) ở Việt Nam?

A. Thúc đẩy công nhân trở thành giai cấp lãnh đạo.

B. Đưa phong trào công nhân từ tự phát chuyển sang tự giác.

C. Đánh dấu sự trưởng thành lớn mạnh của giai cấp công nhân.

D. Truyền bá lí luận cách mạng, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển về chất.

**Câu 81.** Tổ chức nào dưới đây hoạt động theo khuynh hướng cách mạng vô sản sớm nhất ở Việt Nam?

A. An Nam cộng sản đảng.

B. Đông Dương cộng sản đảng.

C. Đông dương cộng sản liên đoàn.

D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 82.** Sắp xếp các sự kiện dưới đây theo đúng trình tự thời gian.

1. Chủ trương ”Vô sản hóa” của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

2. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên sáng lập báo Thanh niên.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập.

4. Đông Dương cộng sản đảng thành lập.

A. 1,2,3,4. B. 2,1,4,3. C. 2,1,3,4. D. 3,1,2,4.

**Câu 83.** Nội dung nào dưới đâyphản ánh đúng ý nghĩa cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam năm 1930?

A. Mở ra một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam.

B. Chấm dứt sự khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

C. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.

D. Chấm dứt sự khủng hoảng về con đường giải phóng dân tộc Việt Nam.

**Câu 84.** Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng (25-12-1927) chịu ảnh hưởng sâu sắc của hệ tư tưởng nào dưới đây?

A. Cách mạng dân chủ tư sản Nga.

B. Dân chủ tư sản của Tôn Trung Sơn.

C. Tư sản của Đảng Quốc Đại Ấn Độ.

D. Tư tưởng cải lương dân chủ tư sản.

**Câu 85.** Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây dẫn đến thất bại của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản ở Việt Nam?

A. Thiếu đường lối chính trị đúng đắn và phương pháp đấu tranh phù hợp, khoa học.

B. So sánh lực lượng không có lợi cho cách mạng, thời cơ chưa xuất hiện.

C. Nổ ra trong tình thế bị động, tổ chức thiếu chu đáo, Pháp đang mạnh.

D. Ngọn cờ tư tưởng tư sản đã lỗi thời, không tập hợp được lực lượng.

**Câu 86.** Sự ra đời và hoạt động của 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 có hạn chế nào dưới đây?

A. Làm phong trào cách mạng Việt Nam chậm phát triển.

B. Ngăn cản sự đoàn kết lực lượng cách mạng Việt Nam.

C. Tranh giành phạm vi ảnh hưởng từ các tổ chức với nhau.

D. Gây mất đoàn kết, ảnh hưởng không tốt đến cách mạng Việt Nam.

**Câu 87.** Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam vì

A***.*** công nhân có ý thức quyền lợi giai cấp.

B. giai cấp công nhân là lực lượng đông đảo.

C***.*** giai cấp công nhâncó tinh thần Cách mạng triệt để.

D***.*** công nhân là lực lượng đại diện cho phương thức sản xuất mới.

**Câu 88.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của việc thành lập Đảng đầu năm 1930?

A. Là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp của nhân dân Việt Nam.

B. Hình thành nên khối liên minh công-nông, trở thành nồng cốt cách mạng.

C. Là sự sàng lọc nghiêm khắc của lịch sử trên con đường giải phóng dân tộc.

D. Là sản phẩm kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin và phong trào yêu nước.

**Câu 89.** Nội dung nào dưới đây thể hiện tính đúng đắn của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

A. Đánh giá đúng khả năng lãnh đạo của giai cấp công nhân.

B. Tạo ra mối liên hệ gắn bó giữa công nhân và nông dân.

C. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

D. Thể hiện rõ tinh thần quốc tế vô sản.

**Câu 90.** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện đúng vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên với cách mạng Việt Nam?

A. Góp phần thắng lợi cách mạng theo khuynh hướng vô sản.

B. Thúc đẩy phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mạnh mẽ.

C. Tập hợp quần chúng nhân dân tham gia phong trào đấu tranh ôn hòa chống Pháp.

D. Tích cực chuẩn bị tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 91.** Nhận xét nào dưới đây là **đúng** với tác động của chủ trương “vô sản hóa” đối với phong trào công nhân?

A. Phong trào công nhân chuyển từ tự phát sang tự giác.

B. Phong trào công nhân đã chuyển biến mạnh mẽ về chất.

C. Phong trào công nhân có bước tiến mới tăng nhanh về số lượng.

D. Phong trào công nhân có bước chuyển biến mạnh mẽ, có sự liên kết chặt chẽ hơn.

**Câu 92.** Tại sao khẳng định tác phẩm Đường Kách mệnh đã trang bị lí luận cách mạng giải phóng dân cho các tầng lớp nhân dân?

A. Tuyên truyền tư tưởng đánh đổ đế quốc, thiết lập xã hội tự do, bình đẳng, bác ái.

B. Tuyên truyền tư tưởng giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa thực dân.

C. Thể hiện quan điểm và đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam.

D. Tuyên truyền giáo dục lí luận và xây dựng tổ chức cách mạng.

**Câu 93.** Sự kiện lịch sử nào dưới đây đánh dấu khuynh hướng cách mạng vô sản thắng thế, giành quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ra đời.

B. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

C. Tân Việt Cách mạng đảng bị phân hoá.

D. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản.

**Câu 94.** Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã tác động mạnh đến ngành kinh tế chủ yếu nào dưới đây ở Việt Nam?

A. Dịch vụ. B. Công nghiệp. C. Nông nghiệp. D. Thương nghiệp.

**Câu 95.** Hậu quả lớn nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) gây ra cho xã hội Việt Nam là gì?

A. Nhiều công nhân bị sa thải.

B. Hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ.

C. Người có việc làm thì đồng lương ít ỏi.

D. Tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân.

**Câu 96.** Sự kiện lịch sử nào dưới đây diễn ra đầu tháng 2/1930 ở Việt Nam?

A. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

B. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Phong trào công nhân qui mô cả nước đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động.

D. Cuộc đấu tranh của 8000 nông dân ở Hưng nguyên, phá nhà lao đốt huyện đường.

**Câu 97.** Kẻ thù chủ yếu trước mắt được Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935) xác định là?

A. Đế quốc, thực dân. B. Chủ nghĩa phát xít.

C. Chủ nghĩa đế quốc nói chung. D. Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa phát xít.

**Câu 98.** Điểm nổi bật nhất của phong trào cách mạng 1930-1931 là gì?

A. Vai trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công - nông.

B. Đảng được tập dượt trong thực tiễn lãnh đạo đấu tranh.

C. Thành lập được đội quân chính trị đông đảo của quần chúng.

D. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

**Câu 99.** Luận cương chính trị tháng 10-1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương còn nặng về

A. đấu tranh giải phóng dân tộc.

B. đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp.

C. đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

D. đấu tranh giai cấp và bạo lực cách mạng.

**II. Thông hiểu**

**Câu 100.** Sự kiện nào dưới đây đã lôi cuốn đông đảo các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam tham gia ở cuối thập niên 20 của thế kỉ XX?

A. Phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

B. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái năm 2/1930.

C. Phong trào của tầng lớp tiểu tư sản.

D. Phong trào của giai cấp tư sản

**Câu 101.** Hậu quả chủ yếu của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) đối với giai cấp nông dân Việt Nam là gì?

A. Nông dân phải vay nặng lãi. B. Nông dân bị bần cùng hóa.

C. Nông dân bị chiếm đoạt ruộng đất. D. Nông dân phải chịu cảnh tô, thuế nặng nề.

**Câu 102.** Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam thời kì 1930-1931 là gì?

A. Giữa công nhân với tư bản Pháp.

B. Giữa tư sản người Việt với tư sản người Pháp.

C. Giữa dân tộc Việt Nam với bọn tay sai phản động.

D. Giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai.

**Câu 103.** Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây quyết định sự bùng nổ và thắng lợi của phong trào cách mạng 1930 -1931 ở Việt Nam?

A. Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.

B. Địa chủ phong kiến tay sai tăng cường bóc lột nhân dân Việt Nam.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh.

D. Ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) làm đời sống nhân dân cơ cực.

**Câu 104.** Những khẩu hiệu **chính trị** nào dưới đây được Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra trong phong trào cách mạng 1930 – 1931?

A. “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất dân cày”.

B. “Chống đế quốc” và “Chống phát xít, chống chiến tranh”.

C. “Giải phóng dân tộc” và “tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian”.

D. "Đả đảo chủ nghĩa đế quốc! Đả đảo phong kiến", "Thả tù chính trị".

**Câu 105.** Hạn chế của "Luận cương chính trị" (10-1930) so với "Cương lĩnh chính trị" (1-1930) là

A. mang tính chất hữu khuynh, giáo điều.

B. nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

C. chưa vạch ra đường lối cụ thể cho cách mạng Việt Nam.

D. chưa thấy được vai trò của giai cấp công nhân đối với cách mạng Việt Nam.

**Câu 106.** Ý nghĩa chủ yếu của phong trào cách mạng năm1930-1931 là gì?

A.Tạo điều kiện cho Mặt trận dân tộc thống nhất ra đời.

B. Khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

C. Đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

D. Như cuộc tập dượt đầu tiên cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

**Câu 107.** Điểm khác biệt cơ bản giữa "Luận cương chính trị" với "Cương lĩnh chính trị đầu tiên” là gì?

A. Xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa, nặng về đấu tranh giai cấp.

B. Xác định chưa đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa, nặng về đấu tranh dân tộc.

C. Không xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa, nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

D. Xác định nhiệm vụ đấu tranh dân tộc là hàng đầu nhưng không đề ra được sách lược liên minh giai cấp, đoàn kết dân tộc.

**Câu 108.** Tác động chủ yếu của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đến Việt Nam là gì?

A. Bùng nổ phong trào cách mạng 1930 -1931.

B. Đời sống nhân dân Việt Nam cơ cực, đói khổ.

C. Kinh tế Việt Nam suy sụp, phụ thuộc vào kinh tế Pháp.

D. Pháp trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng vào nhân dân Việt Nam.

**Câu 109.** Hình thức đấu tranh nào dưới đây được Đảng ta sử dụng từ tháng 9/1930 nhằm đưa cách mạng đến đỉnh cao?

A. Phong trào diễn ra sôi nổi, rộng khắp trong cả nước.

B. Vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô Viết.

C. Thành lập được khối liên minh công - nông vững chắc.

D. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.

**Câu 110.** Sự khác biệt giữa phong trào đấu tranh của nông dân Nghệ-Tĩnh với phong trào đấu tranh cả nước năm 1930 là gì?

A. Nông dân đấu tranh chưa có khẩu hiệu cụ thể.

B. Nông dân đấu tranh bằng lực lượng chính trị.

C. Những cuộc đấu tranh của nông dân có vũ trang tự vệ.

D. Những cuộc biểu tình của nông dân chỉ đặt ra mục tiêu cải thiện đời sống.

**Câu 111.** Điểm giống nhau cơ bản giữa "Cương lĩnh chính trị đầu tiên" (1-1930) với "Luận cương chính trị"(10-1930) là gì?

1. Xác định đúng đắn giai cấp lãnh đạo cách mạng.
2. Xác định đúng đắn mâu thuẫn trong xã hội Đông Dương.
3. Xác định đúng khả năng tham gia cách mạng của các giai cấp.
4. Xác định đúng đắn nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

**Câu 112.** Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng thế giới được đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7-1935) xác định là gì?

A. Chống chủ nghĩa đế quốc. B. Chống chủ nghĩa phát xít.

C. Chống chủ nghĩa thực dân. D. Chống chế độ phản động thuộc địa.

**Câu 113.** Phương pháp đấu tranh cách mạng thời kì 1936 – 1939 là sự kết hợp

A. công khai, bí mật và đấu tranh vũ trang.

B. hợp pháp, bất hợp pháp, đấu tranh chính trị.

C. công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

D. đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, bất hợp pháp.

**Câu 114.** Mục tiêu đấu tranh trong giai đoạn 1936 - 1939 được Đảng ta xác định là gì?

A. Đánh đổ đế quốc - phát xít.

B. Độc lập dân tộc và người cày có ruộng.

C. Tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

D. Đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc.

**Câu 115.** Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936) đã chủ trương thành lập

A. Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh.

B. Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

**Câu 116.** Phong trào đấu tranh nào dưới đây là tiêu biểu trong cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939?

A. Phong trào đấu tranh nghị trường.

B. Phong trào Đông Dương Đại hội.

C. Phong trào đón Gôđa đầu năm 1937.

D. Cuộc mít tinh ngày 1/5/1938 ở Hà Nội.

**Câu 117.** Lí do nào sau đây làm cho phong trào dân chủ 1936 – 1939 thu hút được sự hưởng ứng của đông đảo các tầng lớp nhân dân?

A. Sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh.

B. Quần chúng đã được tuyên truyền và giác ngộ cao về chính trị.

C. Đảng đã có mục tiêu, phương pháp và khẩu hiệu đấu tranh phù hợp.

D. Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp nới lỏng một số chính sách tiến bộ.

**Câu 118.** Ở điều kiện lịch sử nào dưới đây trong phong trào dân chủ 1936 – 1939, Đảng ta có sự điều chỉnh về đường lối và phương pháp đấu tranh?

A. Tương quan lực lượng giữa ta và địch có sự thay đổi.

B. Hoàn cảnh thế giới và trong nước thay đổi so với trước.

C. Sự nhạy bén với thời cuộc của Đảng Cộng sản Đông Dương.

D. Thực dân Pháp có sự nhân nhượng phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

**Câu 119.** Mục đích chủ yếu của Đảng khi tổ chức phong trào đón phái viên G. Gôđa vào đầu năm 1937 là gì?

A. Tập dợt lực lượng cách mạng. B. Thức tỉnh quần chúng đấu tranh.

C. Biểu dương sức mạnh quần chúng. D. Đưa ra những yêu sách dân sinh, dân chủ.

**Câu 120.** Hình thức đấu tranh mới nào dưới đây, được Đảng vận dụng trong phong trào dân chủ 1936 - 1939?

A. Mít tinh, hội họp.

B. Mít tinh, biểu tình đòi quyền sống

C. Đấu tranh nghị trường, đấu tranh báo chí.

D. Biểu tình có vũ trang, tổng bãi công chính trị.

**Câu 121.** So với phong trào 1930 – 1931, điểm khác cơ bản về phương pháp đấu tranh của thời kì 1936 – 1939 là kết hợp đấu tranh

A. chính trị và vũ trang. B. công khai và bí mật.

C. nghị trường và đấu tranh báo chí. D. ngoại giao với vận động quần chúng.

**Câu 122.** Mục tiêu đấu tranh của phong trào dân chủ 1936 - 1939 có gì khác so với phong trào cách mạng 1930 - 1931?

A. Tập trung vào nhiệm vụ phản đế.

B. Tập trung vào nhiệm vụ phản phong.

C. Đòi giảm tô, giảm tức, xóa nợ cho nông dân.

D. Đòi cải thiện đời sống, tự do dân chủ, hòa bình.

**Câu 123.** Phong trào Đông Dương Đại hội (8-1936) có vai trò gì trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939?

A. Chứng minh sức mạnh to lớn của quần chúng cách mạng.

B. Thức tỉnh quần chúng, Đảng rút ra nhiều kinh nghiệm lãnh đạo.

C. Tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh nghị trường giành nhiều thắng lợi.

D. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu cầu của nhân dân ta.

**Câu 124.** Đánh giá nào dưới đây là đúng về việc xác định nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt của cách mạng Đông Dương tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7 – 1936)?

A. Hội nghị đã giải quyết được mâu thuẫn trước mắt của dân tộc.

B. Đảng đã xác định được chủ trương làm cách mạng giải phóng dân tộc.

C. Phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Đông Dương và thế giới lúc bấy giờ.

D. Hội nghị đã xác định được mục tiêu trước mắt của cách mạng nước ta.

**Câu 125.** Cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp trong những năm 1936 – 1939 thực chất là cuộc

A. vận động dân tộc, dân chủ.

B. cách mạng giải phóng dân tộc.

C. tuyên truyền, giác ngộ quần chúng.

D. đấu tranh giai cấp để giải phóng dân tộc.

**Câu 126.** Bài học nào dưới đây được rút ra từ phong trào dân chủ 1936 – 1939 còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay?

A. Chủ trương phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

B. Phương pháp tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

C. Linh hoạt các phương pháp đấu tranh kinh tế, chính trị, ngoại giao.

D. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào cách mạng nước ta.

**Câu 127.** Khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật-Pháp” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” nêu ra trong văn kiện nào dưới đây?

A. Văn kiện Đại hội Quốc dân Tân Trào (16🡪 17-8-1945).

B. Văn kiện Hội nghị toàn quốc của Đảng (14🡪 15-8-1945).

C. Văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (9-3-1945).

D. Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (3-1945).

**Câu 128.** Hội nghị Trung ương Đảng 11-1939 đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng vì đã

A. giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

B. đặt vấn đề dân tộc cho toàn cõi Đông Dương.

C. giải quyết kịp thời vấn đề ruộng đất cho nông dân.

D. xác định kẻ thù chủ yếu trước mắt là phát xít Nhật.

**Câu 129.** Sự kiện lịch sử nào dưới đây ở giai đoạn (1939-1945), đã mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam?

A. Thắng lợi trong phong trào 1930-1931.

B. Thắng lợi trong phong trào dân chủ 1936-1939.

C. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

D. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam tháng 1/1930.

**Câu 130.** Đảng Cộng sản Đông Dương xác định kẻ thù của cách mạng trong giai đoạn 1939 - 1945 là

A. đế quốc, phát xít. B. thực dân, phong kiến.

C. phát xít Nhật, tay sai. D. bọn phản động thuộc địa và tay sai.

**Câu 131.** Chủ trương thành lập mặt trận nào dưới đây, được thông qua tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941)?

A. Mặt trận Liên Việt.

B. Mặt trận Đồng Minh.

C. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh).

D. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

**Câu 132.** “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy” là nội dung của văn kiện nào dưới đây?

A. Tuyên ngôn Độc lập.

B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

C. Tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh.

D. Lời kêu gọi nhân ngày thành lập Đảng.

**Câu 133.** Đoạn cuối bản Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh khẳng định “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước

A. tự do, dân chủ”. B. độc lập, tự do”.

C. tự do, độc lập”. D. độc lập, tự do”.

**Câu 134.** Việt Nam Giải phóng quân ra đời là sự hợp nhất của các tổ chức nào dưới đây?

A. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với du kích Ba Tơ.

B. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân.

C. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.

D. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với du kích Thái Nguyên.

**Câu 135.** Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Pháp đã thực hiện chính sách gì dưới đây ở Việt Nam?

A. Kinh tế mới. B. Kinh tế chỉ huy.

C. Kinh tế thời chiến. D. Thuộc địa thời chiến.

**Câu 136.** Khu giải phóng Việt Bắc ra đời trong

A. phong trào dân chủ 1936 -1939.

B. phong trào kháng Nhật cứu nước.

C. khi Nhật chuẩn bị đảo chính Pháp.

D. khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1945).

**Câu 137.** Trong lúc Nhật đảo chính Pháp, **Ban Thường vụ Trung ương Đảng** họp và ra chỉ thị nào dưới đây?

A. Đánh đuổi Pháp-Nhật.

B. Đánh đuổi phát xít Nhật.

C. Chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

D. Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.

**Câu 139**. Pháp có thái độ và hành động gì khi quân Nhật vượt biên giới Việt-Trung tiến vào miền Bắc Việt Nam?

A. Kiên quyết đấu tranh chống quân Nhật.

B. Phối hợp cùng nhân dân ta đấu tranh chống Nhật.

C. Vừa chống Nhật, vừa bắt tay với chúng để đàn áp nhân dân Đông Dương.

D. Nhanh chóng đầu hàng, cấu kết với Nhật cùng thống trị và bóc lột nhân dân.

**Câu 140.** Cách mạng tháng Tám 1945 đã góp phần vào chiến thắng chống phát xít của thế giới là vì

A. đã giành chính quyền ở Hà Nội sớm nhất.

B. đã lật đổ chế độ phong kiến và nền thống trị của Nhật.

C. đã lật đổ nền thống trị của phát xít Nhật ở Việt Nam.

D. đã lật đổ chế độ phong kiến và nền thống trị của Pháp, Nhật.

**Câu 141.** Quyết định quan trọng nào dưới đây được Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (13-8-1945) thông qua?

A. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.

B. Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

C. Thành lập Uỷ ban khởi nghĩa và hạ lệnh tổng khởi nghĩa.

D. Thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam Giải phóng quân.

**Câu 142.** Nội dung nào dưới đây **không** phải là ý nghĩa của cách mạng tháng Tám 1945?

A. Góp phần vào chiến thắng chống phát xít của phe Đồng minh.

B. Mở ra một kỉ nguyên mới: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

C. Buộc Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

D. Phá tan xiềng xích của Pháp-Nhật và phong kiến, đưa nhân dân nắm chính quyền.

**Câu 144.** Hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 11-1939 đã xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Đông Dương là gì?

A. Xác định đúng kẻ thù là phát xít Nhật.

B. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

C. Mở rộng vấn đề dân chủ trên toàn Đông Dương.

D. Kịp thời giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

**Câu 145**. Hội nghị toàn quốc của Đảng (14-15/8/1945) đã quyết định vấn đề cơ bản nào dưới đây?

A. Phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước.

B. Cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.

C. Kêu gọi nhân dân đứng lên chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

D. Giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Đông Dương.

**Câu 146.** “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập” được trích trong:

A. Tuyên ngôn Độc lập.

B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

C. 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

D. Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi.

**Câu 147.** Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân hợp nhất với tên gọi gì dưới đây?

A. Giải phóng quân.

B. Việt Nam Giải phóng quân.

C. Quân giải phóng Việt Nam.

D. Quân đội nhân dân Việt Nam.

**Câu 148.** Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thắng lợi từ nguyên nhân khách quan nào dưới đây?

A. Hồng quân Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật.

B. Nhật bị Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố.

C. Quân Nhật và tay sai ở Đông Dương hoang mang, suy sụp.

D. Quân Đồng minh đánh bại chủ nghĩa phát xít.

**Câu 149**.Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ chính của cách mạng cả nước và là hình ảnh thu nhỏ của

A. Thủ đô kháng chiến. B. nước Việt Nam mới.

C. Chính phủ lâm thời. D. nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**Câu 150.** Nội dung nào dưới đây **không** thuộc Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8?

A. Tạm gác cách mạng ruộng đất.

B. Kẻ thù của cách mạng là Pháp-Nhật.

C. Nhiệm vụ chủ yếu là đấu tranh giai cấp.

D. Nhiệm vụ chủ yếu là giải phóng dân tộc.

**Câu 151.** Nguyên nhân cơ bản nào dưới đây dẫn đến việc Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945)?

A. Mâu thuẫn Pháp-Nhật trở nên gay gắt.

B. Nhật tiến hành theo kế hoạch chung của phe phát xít.

C. Thất bại gần kề của Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Phong trào cách mạng dâng cao gây cho Nhật nhiều khó khăn.

**Câu 152.** Nguyên nhân chủ yếu quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm1945?

A. Có khối liên minh công-nông vững chắc.

B. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh.

C. Nhật bị quân Đồng minh đánh bại, kẻ thù chính của Đông Dương đã gục ngã.

D. Truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân.

**Câu 153.** Điểm giống nhau cơ bản giữa nội dung Hội nghị (11-1939) và Hội nghị (5-1941) là gì?

A. Liên kết công-nông chống phát xít.

B. Chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh.

C. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách.

D. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.

**Câu 154**. Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Hội nghị (5-1941) có điểm gì khác so với Hội nghị (11-1939)?

A. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

B. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc trong phạm vị từng nước.

C. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc là mục tiêu số một của cách mạng.

D. Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

**Câu 155.** Tổ chức nào dưới đây đã xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn trong giai đoạn 1939-1945?

1. Đội du kích Bắc Sơn. B. Đội Cứu quốc quân.

C. Đội du kích Thái Nguyên. D. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

**Câu 156.** Điều kiện khách quan nào dưới đây tạo thời cơ cho nhân dân ta đứng lên giành lại độc lập trong tháng 8 năm 1945?

A. Thắng lợi của lực lượng cách mạng.

B. Sự đầu hàng vô điều kiện của phát xít Nhật.

C. Sự đầu hàng của phát xít I-ta-li-a và phát xít Đức.

D. Sự thất bại của phe phát xít ở chiến trường châu Âu.

**Câu 157.** Nhiệm vụ cấp bách hàng đầu nào dưới đây của Cách mạng Đông Dương trong thời kỳ 1939 - 1945?

A. Chống phát xít. B. Chống phong kiến.

C. Giải phóng dân tộc. D. Chống đế quốc, phong kiến.

**Câu 158.** Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây dẫn đến nạn đói cuối 1944 đầu 1945 ở Việt Nam?

A. Vụ mùa năm 1945 thất thu do thiên tai.

B. Pháp bắt dân ta bán thóc theo diện tích cày cấy cho chúng.

C. Lương thực từ miền Nam không thể vận chuyển ra miền Bắc.

D. Phát xít Nhật bắt dân ta nhổ lúa, hoa màu để trồng đay, thầu dầu.

**Câu 159.** Trong chỉ thị "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", Trung ương Đảng xác định kẻ thù của nhân dân Đông Dương là

A. thực dân Pháp. B. phát xít Nhật.

C. các thế lực phong kiến tay sai. D. thực dân Pháp và phát xít Nhật.

**Câu 160.** Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt được xác định tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) là gì?

A. Giải phóng dân tộc.

B. Giải phóng các dân tộc Đông Dương.

C. Giảm tô, giảm thuế, chia lại ruộng đất.

D. Thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**Câu 161.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng hành động của quân Pháp khi Nhật tiến vào Đông Dương?

A. Pháp tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.

B. Pháp tuyên truyền cho sức mạnh của Nhật.

C. Pháp tiến hành xuất cảng các nguyên liệu chiến lược sang Nhật.

D. Pháp câu kết với Nhật, cùng thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương.

**Câu 162.** Hình thái từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa được xác định trong hội nghị nào dưới đây?

A. Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào (14 và 15-8-1945).

B. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7 (11-1940).

C. Hội nghị Trung ương Đảng lần 8 (5-1941).

D. Hội nghị Trung ương Đảng (11-1939).

**Câu 163.** “ Nếu không giải quyết vấn đề được dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp trâu ngựa, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi được” là nội dung của văn kiện Hội nghị nào dưới đây?

A. Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất của Đảng.

B. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6.

C. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7.

D. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

**Câu 164.** Thời cơ “ngàn năm có một” của Cách mạng tháng Tám năm 1945 tồn tại trong khoảng thời gian nào dưới đây?

A. Từ sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

B. Từ khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

C. Từ sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

D. Từ trước khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến sau khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

**Câu 165.** Vai trò Mặt trận Việt Minh trong cao trào kháng Nhật cứu nước là gì?

A. Lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh chống Nhật giành độc lập dân tộc.

B. Phát động và đưa ra chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

C. Lãnh đạo nhân dân đứng lên lật đổ chế độ phong kiến, xây dựng một xã hội mới.

D. Tập hợp các lực lượng yêu nước, phân hóa, cô lập kẻ thù tiến tới đánh bại chúng.

**Câu 166.** Chủ trương thành lập Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được nêu ra trong Hội nghị nào dưới đây?

A. Đại hội Quốc dân ở Tân Trào.

B. Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào.

C. Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8.

D. Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6.

**Câu 167.** Nội dung cơ bản của chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” là gì?

A. Kêu gọi sửa soạn khởi nghĩa.

B. Kêu gọi đứng dậy khởi nghĩa.

C. Chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

D. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.

**Câu 168.** Phương pháp đấu tranh chủ yếu nào dưới đây được Đảng ta sử dụng trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

A. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh báo chí.

B. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

C. Đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh ngoại giao.

D. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh nghị trường.

**Câu 169.** Sự kiện lịch sử nào dưới đây đã tạo ra cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương trong năm 1945?

A. Nhật đảo chính Pháp. B. Nhật thất bại nặng nề.

C. Phát xít Đức đầu hàng Đồng minh. D. Quân Pháp âm mưu phản công quân Nhật.

**Câu 170.** Hành động nào dưới đây của Nhật sau khi vào Đông Dương (9-1940)?

A. Thiết lập bộ máy thống trị của Nhật.

B. Thay đổi toàn bộ bộ máy thống trị của thực dân Pháp.

C. Thi hành chính sách thù địch đối với chính quyền Pháp.

D. Giữ nguyên bộ máy thống trị của Pháp để vơ vét và đàn áp cách mạng.

**Câu 171**. Bài học kinh nghiệm quan trọng nào của Đảng từ sự chỉ đạo góp phần thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

B. Tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước rộng rãi.

C. Nắm bắt tình hình thế giới đề ra chủ trương phù hợp.

D. Kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang, chớp thời cơ giành chính quyền.

**Câu 172.** Hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng để giữ vững thành quả cách mạng 1945 là gì?

A. Thực hiện nền giáo dục mới và giải quyết nạn đói.

B. Thành lập chính phủ chính thức và thông qua hiến pháp mới.

C. Quyết tâm kháng chiến chống Pháp xâm lược và trừng trị bọn nội phản.

D. Củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng và ra sức xây dựng chế độ mới.

**Câu 173.** Ngày 23-9-1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử gì dưới đây?

A. Pháp mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam kỳ.

B. Pháp chính thức xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

C. Pháp đánh chiếm một số vị trí quan trọng ở Nam bộ.

D. Pháp tấn công đoàn mít tinh mừng ngày Độc lập ở Sài Gòn.

**Câu 174.** Để giải quyết nạn đói trước mắt sau Cách mạng tháng Tám, Đảng Chính phủ và Chủ Tịch Hồ Chí Minh đã có biện pháp gì dưới đây?

A. Kêu gọi sự cứu trợ của thế giới.

B. Cấm dùng gạo, ngô để nấu rượu.

C. Nhường cơm sẻ áo, hủ gạo cứu đói.

D. Tịch thu gạo của người giàu chia cho người nghèo.

**Câu 175.** Tháng 1-1946 đã diễn ra sự kiện lịch sử gì dưới đây của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà?

A. Thông qua bản Hiến pháp đầu tiên.

B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I.

C. Việt Nam và Pháp kí Hiệp định Sơ bộ.

D. Quốc hội đồng ý lưu hành đồng tiền Việt Nam.

**Câu 176.** Để khắc phục tình trạng khó khăn về tài chính sau cách mạng tháng Tám Đảng, Chính phủ đã có chủ trương gì dưới đây?

A. “Quỹ độc lập” B. “Ngày đồng tâm”.

C. “Tăng gia sản xuất”. D. “Không một tấc đất bỏ hoang”.

**Câu 177.** Ngày 8/9/1945 Chủ Tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh gì dưới đây?

A. Thành lập Nha Cảnh sát B. Thành lập Nha An Ninh

C. Thành lập Nha Bình dân học vụ D. Thành lập quân đội quốc gia Việt Nam

**Câu 178.** Nội dung cơ bản của bản Tạm ước Việt – Pháp (14-9-1946) là:

A. Ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

B. Nhượng cho Pháp một số quyền lợi chính trị.

C. Ta nhượng bộ thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế - văn hoá ở Việt Nam.

D. Pháp công nhận Việt Nam có chính phủ tự trị nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

**Câu 179.** Thuận lợi cơ bản của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau tháng Tám-1945 ở nước ta làgì?

A. Nhân dân sẵn sàng bảo vệ thành quả cách mạng.

B. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển.

C. Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở các nước thuộc địa phụ thuộc.

D. Nhân dân ta giành chính quyền, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ.

**Câu 180.** Biện pháp lâu dài để giải quyết nạn đói sau năm 1945 ở Việt Nam là

A. phát động ngày đồng tâm. B. kêu gọi sự cứu trợ từ bên ngoài.

C. chia lại ruộng công cho dân nghèo. D. tăng gia sản xuất thực hành tiết kiệm.

**Câu 181.** Lực lượng nào dưới đây đã dọn đường tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?

A. Đế quốc Mĩ. B. Phát xít Nhật.

C. Thực dân Anh. D. Quân Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 182**. Nội dung nào dưới đây **không** thuộc Hiệp định sơ bộ (6-3-1946)?

A. Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ.

B. Nhượng cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hoá ở Việt Nam

C. Ta đồng ý cho Pháp ra miền Bắc thay thế cho quân Trung Hoa Dân Quốc.

D. Pháp công nhận Việt Nam là quốc gia tự do, nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

**Câu 183.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, quân đội Đồng minh nào vào Việt Nam để làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật?

A. Quân Anh và Mĩ. B. Quân Anh và Pháp.

C. Quân Anh và Trung Hoa dân quốc. D. Quân Mĩ và quân Trung Hoa dân quốc.

**Câu 184.** “Cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa, đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo” là câu nói của ai?

A. Trường Chinh. B. Tôn Đức Thắng.

C. Hồ Chí Minh. D. Phạm Văn Đồng.

**Câu 185.** Khó khăn lớn nhất mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt sau Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?

A. Ngoại xâm và nội phản.

B. Hơn 90% dân số mù chữ.

C. Ngân quỹ nhà nước trống rỗng

D. Nạn đói đe doạ nghiêm trọng cuộc sống của nhân dân ta.

**Câu 186.** Sự kiện chủ yếu nào dưới đây diễn ra trong năm 1946 đã đánh dấu củng cố nền móng cho chế độ mới?

A. Thành lập quân đội Quốc gia.

B. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

C. Thành lập Ủy ban hành chính các cấp.

D. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước.

**Câu 187.** Âm mưu chủ yếu của các thế lực phản động trong và ngoài nước đối với Việt Nam sau cách mạng thánh Tám năm 1945 là gì?

A. Đưa thực dân Pháp trở lại Việt Nam.

B. Lật đổ chính quyền cách mạng Việt Nam.

C. Mở đường cho đế quốc Mĩ xâm lược Việt Nam.

D. Bảo vệ chính quyền Trần Trọng Kim ở Việt Nam.

**Câu 188.** Việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chứng tỏ điều gì?

A. Sự nhân nhượng của lực lượng cách mạng.

B. Sự thoả hiệp của Pháp đối với Chính phủ ta.

C. Sự thắng lợi của Pháp trên mặt trận ngoại giao.

D. Chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng và Chính phủ.

**Câu 189.** Nội dung nào dưới đây **không** được ghi trong Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946?

A. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

B. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.

C. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập.

D. Việt Nam đồng ý cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân Quốc và rút dần trong 5 năm.

**Câu 190.** Khó khăn cơ bản nhất mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt sau cách mạng tháng Tám 1945?

A. Ngoại xâm và nội phản. B. Ngân quỹ nhà nước trống rỗng.

C. Nạn đói, nạn dốt đang đe doạ nghiêm trọng.

D. Các tổ chức phản cách mạng trong nước ngóc dậy chống phá cách mạng.

**Câu 191**. Sách lược của Đảng và Chính phủ đề ra cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946 là gì?

A. Hòa với Pháp để đuổi Trung Hoa Dân quốc.

B. Nhân nhượng với quân Trung Hoa Dân quốc.

C. Nhân nhượng với Trung Hoa Dân quốc để đánh Pháp.

D. Hòa với Pháp và Trung Hoa Dân quốc để chuẩn bị lực lượng.

**Câu 192.** Lí do chủ yếu nào dưới đây làm cho Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Pháp) không có kết quả?

A. Thời gian đàm phán ngắn.

B. Pháp quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.

C. Pháp âm mưu kéo dài thêm chiến tranh xâm lược nước ta.

D. Ta chưa nhận được sự đồng tình ủng hộ của bạn bè quốc tế.

**Câu 193.** Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng ý nghĩa chủ yếu của cuộc Tổng tuyển cử ngàỵ 6-1-1946?

A. Nâng cao uy tín của Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

B. Đưa đất nước thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

C. Khơi dậy tinh thần yêu nước, làm chủ đất nước của nhân dân.

D. Làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền của lực lượng phản động.

**Câu 194.** Đảng và chính phủ đã thực hiện chính sách đối ngoại mềm dẻo sau cách mạng tháng Tám vì lí do nào dưới đây?

A. Pháp được sự giúp đỡ và hậu thuẫn của quân Anh.

B. Kẻ thù còn mạnh, chống phá chính quyền cách mạng.

C. Trung Hoa Dân quốc dùng tay sai để chống phá cách mạng.

D. Chính quyền còn non trẻ, không thể đối phó với nhiều kẻ thù.

**Câu 195.** Sự kiện nào dưới đây đã buộc chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chuyển từ đánh Pháp sang hòa hoãn nhân nhượng với Pháp?

A. Vì Pháp được Anh hậu thuẫn.

B. Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.

C. Vì Pháp và Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Hoa-Pháp.

D. Vì chúng ta tránh tình trạng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.

**Câu 199.** Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí kết với Pháp vì lí do chủ yếu nào dưới đây?

A. Để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng về nước.

B. Tranh thủ thời gian hoà hoãn để phát triển lực lượng.

C. Tránh đụng độ với nhiều kẻ thù trong cùng một thời gian.

D. Có thời gian chuyển các cơ quan đầu não đến nơi an toàn .

**Câu 200.** Việc kí kết Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 đã thể hiện

A. vai trò lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. sự nhượng bộ của ta trong việc kí kết hiệp định.

C. sự thoả hiệp của Đảng ta và chính phủ ta.

D. sự hạn chế trong lãnh đạo của ta.

**Câu 201**. Mục đích của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với Pháp bản Tạm ước ngày 14 – 9- 1946 nhằm

A. loại trừ một vạn quân Anh ra khỏi miền Nam.

B. đuổi 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi miền Nam.

C. kéo dài thời gian hòa hoãn để xây dựng lực lượng.

D. tạo không khí hòa dịu để tiếp tục đàm phán tại Phôngtennơblô.

**Câu 202.** Nhiệm vụ cơ bản nhất mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cần thực hiện sau Cách mạng tháng Tám là gì?

A. Giải quyết nạn đói.

B. Giải quyết nạn dốt.

C. Giải quyết khó khăn về tài chính.

D. Xây dựng chính quyền cách mạng.

**Câu 203.** Hiệp ước Hoa-Pháp (28-2-1946) được kí kết đã đặt Việt Nam trước những thách thức nào?

A. Nguy cơ đối đầu với quân Trung Hoa Dân quốc.

B. Buộc phải cầm súng khi Pháp đưa quân ra miền Bắc.

C. Cùng một lúc phải đối phó với Pháp và Trung Hoa Dân quốc.

D. Kẻ thù cấu kết với nhau nhằm chống phá chính quyền cách mạng.

**Câu 204.** Hiệp ước Hoa-Pháp (28-2-1946) được kí kết buộc Việt Nam phải lựa chọn giải pháp là

A. Đánh Pháp.

B. Hòa với Pháp.

C. Đánh Trung Hoa Dân quốc.

D. Hòa với Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 205.** Đảng và Chính phủ đã chọn giải pháp "Hoà để tiến" nhằm mục đích gì dưới đây?

A. Xây dựng, củng cố chính quyền mới.

B. Chuẩn bị cơ sở vật chất xây dựng đất nước.

C. Đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta.

D. Tránh đối phó cùng một lúc với nhiều kẻ thù.

**Câu 206.** Mục đích của Đảng, Chính phủ khi kêu gọi đồng bào thực hiện “Tuần lễ vàng”, “Quĩ độc lập” là gì?

A. Để hỗ trợ giải quyết nạn đói.

B. Quyên góp tiền để xây dựng đất nước.

C. Quyên góp vàng để xây dựng đất nước.

D. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước.

**Câu 207.** Mục đích của Đảng và Chính phủ khi kí Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Tạm ước (14-9-1946) là gì?

A. Tập trung vào kẻ thù chính.

B. Tránh cùng lúc đối đầu với nhiều kẻ thù.

C. Có thêm thời gian để xây dựng và củng cố lực lượng.

D. Hạn chế việc Pháp và Trung Hoa Dân quốc câu kết với nhau.

**Câu 208.** Biện pháp cơ bản nào dưới đây của Chính phủ đã kịp thời giải quyết khó khăn về tài chính nước ta sau cách mạng tháng Tám 1945?

A. Phát động phong trào “Tuần lễ vàng”.

B. Kí sắc lệnh ban hành tiền Việt Nam.

C. Quyết định lưu hành tiền Việt Nam.

D. Quyết định thành lập Ngân hàng Việt Nam.

**Câu 209.** Bài học kinh nghiệm nào được rút ra từ việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) cho cách mạng Việt Nam hiện nay?

A. Đa phương hóa trong quan hệ quốc tế.

B. Mềm dẻo trong chính sách đối ngoại.

C. Kết hợp đấu tranh quân sự với ngoại giao.

D. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước.

**Câu 210.** Bài học chủ yếu nào dưới đây được rút ra từ kết quả của Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946)?

A. Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

B. Đa phương hóa trong quan hệ quốc tế.

C. Kết hợp đấu tranh quân sự với ngoại giao.

D. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước.

**Câu 211.** Chủ trương nhân nhượng một số quyền lợi cho Trung Hoa Dân quốc (từ 9-1945 đến trước 6-3-1946) của Đảng đã để lại bài học gì cho cách mạng Việt Nam?

A. Mở rộng quan hệ quốc tế.

B. Mềm dẻo trong chính sách đối ngoại.

C. Kết hợp đấu tranh kinh tế với chính trị.

D. Kết hợp đấu tranh chính trị với quân sự.

**Câu 212.** Bài học cơ bản nào được rút ra từ kết quả việc giải quyết nạn đói sau Cách mạng tháng Tám 1945 của Đảng?

A. Đầu tư phát triển nông nghiệp. B. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất.

C. Triệt để thực hành tiết kiệm. D. Xây dựng hệ thống thủy lợi.

**Câu 213.** Bài học cơ bản nào cho công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam được rút ra từ quá trình đàm phán kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946)?

A. Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. B. Đa phương hóa các mối quan hệ.

C. Kiên trì trong đấu tranh ngoại giao. D. Giải quyết tranh chấp bằng hòa bình.

**Câu 214.** Bài học kinh nghiệm từ việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) được Đảng ta vận dụng như thế nào trong chính sách đối ngoại hiện nay?

A. Lợi dụng sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế.

B. Kiên trì trong đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia.

C. Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.

D. Sự đồng thuận trong việc giải quyết tranh chấp.

**Câu 215.** Yếu tố cơ bản nào sau đây đã đưa cách mạng Việt Nam vượt qua khó khăn sau Cách mạng tháng Tám 1945?

A. Tinh thần đoàn kết toàn dân.

B. Sự ủng hộ của bạn bè quốc tế.

C. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

D. Truyền thống yêu nước của dân tộc.

**Câu 216.** Bài học chủ yếu trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) được Đảng ta vận dụng như thế nào trong kí kết Hiệp định Giơnevơ (21-7-1954)?

A. Phân hóa và cô lập kẻ thù.

B. Giành thắng lợi từng bước.

C. Không vi phạm chủ quyền đất nước.

D. Tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của quốc gia.

**Câu 217.** Thành quả quan trọng nhất của những ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp ở Hà Nội là gì?

A. Giải phóng được thủ đô Hà Nội.

B. Phá hủy nhiều kho tàng của thực dân Pháp.

C. Tiêu diệt toàn bộ quân Pháp ở thủ đô Hà Nội.

D. Giam chân địch trong thành phố để ta chuẩn bị lực lượng kháng chiến

**Câu 218.** Khi thực dân Pháp tiến công lên Việt Bắc vào thu đông 1947, Đảng ta đã có chỉ thị

A. “đánh nhanh thắng nhanh”.

B. “ phải phòng ngự trước, tiến công sau”.

C. “ phải thực hiện tiến công chiến lược lên biên giới”.

D. “ phải phá tan cuộc hành quân mùa đông của giặc Pháp”.

**Câu 219.** Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945-1954) là

A. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ quốc tế.

B. tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

C. trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ của quốc tế.

D. toàn diện, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốctế.

**Câu 220.** Ở những khu vực nào sau Tạm ước 14-9-1946, quân Pháp vẫn khiêu khích tấn công quân ta?

A. Hà Nội- Bắc Ninh. B. Hải Phòng- Lạng Sơn.

C. Hải Phòng- Quảng Ninh. D. Lạng Sơn- Thái Nguyên.

**Câu 221**. Mục đích của Pháp khi mở cuộc tiến công lên Việt Bắc thu- đông 1947 là

A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

B. giành thắng lợi về quân sự để rút quân về nước.

C. buộc ta phải đàm phán với những điều khoản có lợi cho chúng.

D. khóa chặt biên giới Việt- Trung chặn nguồn liên lạc của ta với thế giới.

**Câu 222.**  Lực lượng quân sự nào của ta được thành lập và chiến đấu ở Hà Nội trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến?

A. Cứu quốc quân. B. Dân quân du kích.

C. Trung đoàn thủ đô. D. Việt Nam giải phóng quân.

**Câu 223.** Theo kế hoạch Rơve, Pháp tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4 nhằm mục đích gì dưới đây?

A. Củng cố vùng chiếm đóng ở biên giới phía Bắc.

B. Chia cắt chiến trường hai nước Việt Nam và Lào.

C. Ngăn chặn sự liên lạc giữa Việt Bắc với đồng bằng liên khu III, IV.

D. Khóa chặt biên giới Việt-Trung, ngăn chặn sự liên lạc của ta với thế giới.

**Câu 224.** Sự kiện trực tiếp nào dưới đây đưa đến quyết định phải phát động toàn quốc kháng chiến của Đảng và Chính phủ?

A. Hội nghị Phôngtennơblô thất bại.

B. Pháp đánh chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn.

C. Pháp tấn công Nam Bộ, Nam Trung bộ và một số khu vực khác.

D. Pháp gởi tối hậu thư buộc ta giao quyền kiểm soát thủ đô và giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu.

**Câu 225.** Chiến thuật của Pháp khi tấn công lên Việt Bắc là

A. bao vây, triệt đường tiếp tế của ta.

B. nhảy dù bất ngờ tấn công vào Việt Bắc.

C. tạo thế 2 gọng kềm và khép lại ở Đài Thị.

D. tạo 2 gọng kềm từ Thất Khê và Cao Bằng lên.

**Câu 226.** Mục tiêu của ta khi mở chiến dịch biên giới thu- đông 1950?

A. Bảo vệ thủ đô Hà Nội.

B. Nhằm phá tan cuộc hành quân mùa đông của Pháp.

C. Tiêu diệt sinh lực địch, khai thông biên giới và củng cố căn cứ địa.

D. Đánh tan quân Pháp ở Việt Bắc, buộc chúng chấm dứt chiến tranh xâm lược.

**Câu 227.** Sau khi kí Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, Pháp vẫn

A. buộc ta tiếp tục kí kết tiếp những văn kiện nhân nhượng khác.

B. nghiêm chỉnh thực hiện theo tinh thần các văn kiện đã kí kết.

C. chỉ thực hiện một số điều trong các văn kiện đã kí kết.

D. vi phạm những điều đã kí kết.

**Câu 228.** Chiến dịch nào dưới đây thể hiện nghệ thuật chiến tranh du kích của ta?

A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị.

B. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

C. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.

D. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950.

**Câu 229.** Nội dung nào dưới đây **không** phải là mục tiêu chính của ta trong chiến dịch Biên Giới thu-đông 1950?

A. Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

C. Khai thông đường biên giới Việt-Trung.

C. Mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

D. Giam chân địch ở vùng rừng núi.

**Câu 230.** Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

A. chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta.

B. cuộc phản công lớn đầu tiên của quân dân ta đã giành thắng lợi.

C. buộc Pháp phải chuyển từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang đánh lâu dài với ta.

D. chứng tỏ khả năng quân và dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tấn công của Pháp.

**Câu 231.** Chiến thắng nào dưới đây của ta đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950.

C. Chiến cuộc Đông- Xuân 1953-1954.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

**Câu 232.** Ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng Biên Giới thu- đông năm 1950 là

A. chứng tỏ quân đội ta đã trưởng thành.

B. chứng minh sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.

C. ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

D. là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của ta giành thắng lợi.

**Câu 233.** Trận đánh nào dưới đây có ý nghĩa chiến lược trong chiến dịch Biên Giới thu- đông 1950?

A. Trận đánh Thất Khê. B. Trận đánh Đông Khê.

C. Trận phục kích đánh địch trên đường số 4. D. Trận phục kích địch từ Cao Bằng rút chạy.

**Câu 234.** Chiến thắng Biên Giới (1950), làm cho kế hoạch Rơ-ve

A. bị phá sản một bước. B. bị phá sản bước đầu.

C. bị phá sản hoàn toàn. D. bước đầu giành thắng lợi.

**Câu 235.** Chiến dịch nào dưới đây của bộ đội chủ lực Việt Nam mở cuộc tấn công lớn đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)?

A. Chiến dịch Thượng Lào năm 1954.

B. Chiến dịch Biên giới thu- đông 1950.

C. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

D. Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947.

**Câu 236.** Mục đích chủ yếu của ta chọn đánh Đông Khê làm điểm mở màn cho chiến dịch Biên giới 1950?

A. Để cắt đứt hệ thống phòng ngự của Pháp

B. Vì quân Pháp không có sự đề phòng ở Đông Khê.

C. Vì Đông Khê là vị trí không quan trọng đối với Pháp.

D. Vì Đông Khê là nơi tập trung quân đông nhất của Pháp.

**Câu 237.** Đảng và Chính phủ keo gọi toàn dân kháng chiến chống Pháp vào tháng 12-1946 vì lí do gì dưới đây?

A. Pháp được Mĩ tăng cường viện trợ.

B. Lợi dụng thời điểm Pháp đang trên đà thất bại, ta đanh đuổi pháp về nước.

C. Nhờ có sự ủng hộ to lớn của Liên Xô và Trung Quốc giúp ta đủ lực đánh Pháp.

D. Chúng ta không thể tiếp tục nhân nhượng khi Pháp có hành động xâm lược ngày càng trắng trợn.

**Câu 238.** Điểm mới của chiến dịch Biên Giới 1950 so với chiến dịch Việt Bắc thu-đông 1947 là

A. Pháp chủ động đánh ta. B. ta chủ động đánh Pháp.

C. Pháp bị thất bại. D. ta thất bại.

**Câu 239.** Đảng ta đã phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp xuất phát từ lí do chủ yếu nào dưới đây?

A. Pháp khiêu khích ta ở Hà Nội.

B. Chúng ta muốn hòa bình xây dựng đất nước.

C. Nền độc lập chủ quyền nước ta bị đe dọa nghiêm trọng.

D. Pháp không thực hiện Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946.

**Câu 240.** Khó khăn mới đối với cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta là gì?

A. Mĩ can thiệp sâu và “dính líu” trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương.

B. Pháp đẩy mạnh xây dựng quân đội tay sai và thành lập chính quyền bù nhìn.

C. Cuộc kháng chiến của ta tiến hành trong điều kiện hoàn toàn tự lực cánh sinh.

D. Tương quan lực lượng giữa ta và địch theo hướng có lợi cho Pháp, bất lợi cho ta.

**Câu 241.** Tính chủ động của quân ta và Pháp trong hai chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947, Biên Giới 1950 là

A. Pháp đều chủ động đánh ta.

B. ta đều chủ động đánh Pháp.

C. Pháp chủ động trong chiến dịch Việt Bắc, ta chủ động trong chiến dịch Biên giới.

D. Pháp chủ động trong chiến dịch Biên giới, ta chủ động trong chiến dịch Việt Bắc.

**Câu 242.** Vai trò của Mĩ trong cuộc chiến tranh Đông Dương được thể hiện qua kế hoạch Rơ-ve như thế nào?

A. Không can thiệp vào Đông Dương.

B. Hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương.

C. Bắt đầu trực tiếp xâm lược vào Đông Dương.

D. Can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

**Câu 243.** Nội dung nào dưới đây **không** được thể hiện trong đường lối kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta (1945-1954)?

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Chí Minh.

B. Bản chỉ thị toàn dân kháng chiến của ban thường vụ trung ương Đảng.

C. Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh.

D. Chỉ thị phải “ phá tan cuộc hành quân mùa đông của của giặc Pháp” của Đảng.

**Câu 244.** Sau khi phát động toàn quốc kháng chiến, Đảng và chính phủ ta đã

A. tiến hành chiến tranh tổng lực đánh Pháp.

B. tích cực chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

C. chuẩn bị kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh.

D. đợi thời cơ phản công Pháp.

**Câu 245.** Đảng quyết tâm bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc vì lí do chủ yếu nào dưới đây?

A. Việt Bắc là căn cứ địa của ba nước Đông Dương.

B. Việt Bắc tập trung các cơ quan đầu não của ta.

C. Việt Bắc là chiến trường chính giữa ta và Pháp.

D. Việt Bắc là trung tâm gần thủ đô Hà Nội.

**Câu 246**. Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng 1945-1954 đã phát huy nét tinh hoa đường lối

A. chiến tranh tâm lí. B. chiến tranh tổng lực.

C. chiến tranh nhân dân. D. chiến tranh toàn diện.

**Câu 247.** Hành động của Pháp sau hiệp định Sơ bộ 6-3- 1946 và Tạm ước 14-9-1946 đã chứng tỏ

A. Pháp muốn đàm phán với ta.

B. Pháp chỉ cần một số quyền lợi kinh tế.

C. Pháp quyết tâm xâm lược nước ta lần nữa.

D. Pháp muốn khẳng định thế mạnh ở Đông Dương.

**Câu 248.** Chiến dịch nào dưới đây thể hiện cách đánh đồn, diệt viện của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.

B. Chiến dịch Biên Giới thu- đông 1950.

C. Chiến dịch Hòa Bình.

D. Chiến dịch Tây Bắc.

**Câu 249**. Tính quyết tâm trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ở câu văn nào dưới đây?

A. ...Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

B. Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ...

C. Bất kì đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ không phân chia tôn giáo, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh Pháp.

D. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm... ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước...

**Câu 250**. Hãy sắp xếp các sự kiện sau đây theo đúng trình tự thời gian:

1. Ta tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông khê.

2. Quân ta chặn đánh địch làm cho hai cánh quân không gặp được nhau.

3. Quân ta nổ súng đánh vào Đông Khê.

4. Đường số 4 được giải phóng.

A. 1,2,3,4.

B. 3,1,2,4.

C. 2,3,4,1.

D. 4,3,2,1.

**Câu 251**. Nội dung nào dưới đây thể hiện tình thế của Pháp sau chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947 và Biên Giới 1950?

A. Càng có lợi thế, bao vây tăng cường hơn nữa căn cứ địa Việt Bắc.

B. Càng đánh càng thua, sa lầy vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

C. Thua cuộc, Pháp phải đàm phán kí Hiệp định Giơ-ne-vơ.

D. Pháp vẫn giữ vững quyền chủ động trên chiến trường.

**Câu 252.** Yếu tố nào dưới đây **không** phản ánh bước phát triển cao hơn của chiến dịch Biên Giới 1950 so với chiến dịch Việt Bắc 1947?

A. Ta chủ động mở chiến dịch.

B. Phương thức tác chiến đa dạng.

C. Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

D. Ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc bộ.

**Câu 253**. Nội dung nào dưới đây trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh thể hiện tinh thần tránh đối đầu chiến tranh của Việt Nam?

A. “ Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”.

B. “ Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng”.

C. “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, ...”.

D. “Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu tổ quốc”.

**Câu 254.** Tinh thần yêu chuộng hòa bình của lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến được Đảng ta phát huy như thế nào trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay?

A. Chấp nhận đổi một phần chủ quyền biển đảo cho một số lợi ích khác.

B. Đấu tranh hòa bình, trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế.

C. Nhân nhượng với Trung Quốc một số điều khoản.

D. Đàm phán, chia sẻ quyền lợi với Trung Quốc.

**Câu 255.** Chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947 và chiến dịch Biên Giới 1950 đều có liên quan đến

A. hậu phương của ta.

B. căn cứ địa Việt Bắc.

C. chiến trường Đông Dương.

D. mở đường khai thông sang Trung Quốc.

**Câu 256**. Đầu 1950, Mĩ từng bước can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương chứng tỏ

A. Mĩ sẽ thay thế Pháp tại chiến trường Đông Dương.

B. Mĩ chỉ muốn hỗ trợ Pháp trong chiến tranh Đông Dương.

C. nhân dân Đông Dương giờ đây chỉ tập trung đối phó với Mĩ.

D. cuộc chiến tranh Đông Dương có tính chất của cuộc Chiến tranh lạnh.

**Câu 257.** Ý nào **không** phản ánh đúng điểm chung trong các kế hoạch Rơve (1949), Đờ lát đơ tátxinhi (1950) Nava (1953) của Pháp?

A. Đề ra trong thế bị động, sa lầy trong cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp.

B. Nhằm mục đích nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

C. Phô trương thanh thế cho chính quyền tay sai.

D. Có sự đồng ý và viện trợ của Mĩ.

**Câu 258**. Hành động của Pháp từ sau Hiệp định sơ bộ đến trước khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ thể hiện điều gì dưới đây?

A. Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng thêm.

B. Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ.

C. Chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

D. Bất kì đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ không phân chia tôn giáo, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh Pháp.

**Câu 259**. Ngày 18-1-1950, Trung Quốc đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam thể hiện tinh thần cơ bản nào sau đây trong quan hệ quốc tế?

A. Chiến tranh lạnh.

B. Xu thế khu vực hóa.

C. Xu thế toàn cầu hóa.

D. Sự hỗ trợ của nước lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc.

**Câu 260**. Đầu năm 1950 Liên Xô và các nước XHCN đặt quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam thể hiện tinh thần chủ yếu nào dưới đây trong quan hệ quốc tế?

A. Sự tương trợ của phe Xã hội chủ nghĩa.

B. Xu thế hòa hoãn Đông- Tây.

C. Bối cảnh Chiến tranh lạnh.

D. Sự đối đầu Đông- Tây.

**Câu 261**. Đầu 1950, các nước Xã hội chủ nghĩa công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta thể hiện

A. nước ta muốn là bạn với tất cả các nước trên thế giới.

B. vị thế của nước ta được nâng cao trên trường quốc tế.

C. nước ta chỉ đặt quan hệ ngoại giao với các nước Xã hội chủ nghĩa.

D. chỉ các nước Xã hội chủ nghĩa muốn đặt quan hệ ngoại giao với ta.

**Câu 262**. Mục đích chủ yếu của việc tập trung quân Âu-Phi trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) là gì?

A. Bình định các vùng tạm chiếm của Pháp.

B. Tiến hành chiến tranh toàn diện, tổng lực.

C. Xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh.

D. Càn quét vào các căn cứ địa của quân và dân ta.

**Câu 263.** Mục tiêu trước mắt của việc phát triển nguỵ quân trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) là gì?

A. Xây dựng quân đội quốc gia mạnh.

B. Giúp cho nguỵ quyền lớn mạnh.

C. Tăng cường lực lượng cho Pháp.

D. Đánh phá vùng nông thôn của ta.

**Câu 264.** Biện pháp chủ yếu nào dưới đây được đề ra trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950)?

A. Xây dựng thêm hệ thống đồn bốt ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

B. Thiết lập vành đai trắng bao quanh Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

C. Thiết lập hệ thống giao thông hào ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

D. Tăng cường lực lượng quân viễn chinh ở Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

**Câu 265.** Văn bản nào sau đây được kí kết giữa Mĩ với chính phủ Bảo Đại (9-1951)?

A. Hiệp ước tương trợ Việt-Mĩ. B. Hiệp định không xâm phạm.

C. Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt-Mĩ. D. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.

**Câu 266.** Tháng 2-1951, tại Vinh Quang (Chiêm Hóa-Tuyên Quang) đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

B. Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần I.

C. Hội nghị đại biểu để thành lập Liên minh nhân Việt-Minh-Lào.

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng cộng sản Đông Dương.

**Câu 267.** Văn bản nào sau đây được kí kết giữa Mĩ và Pháp vào tháng 12-1950?

A. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.

B. Hiệp định không xâm phạm lẫn nhau.

C. Hiệp ước hợp tác kinh tế Mĩ-Pháp.

D. Hiệp ước tương trợ Mĩ-Pháp.

**Câu 268.** Đại hội đại biểu toàn quốc lần II (2-1951) đã quyết định đổi tên Đảng thành

A. Đảng Cộng sản Đông Dương. B. Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Đảng Lao động Việt Nam. D. Đảng Lao động Đông Dương.

**Câu 269.** Kế hoạch quân sự nào sau đây đã được Pháp thực hiện vào cuối năm 1950 ở Đông Dương?

A. Kế hoạch Nava. B. Kế hoạch Rơve.

C. Kế hoạch Bôlae. D. Kế hoạch đờ Lát đơ tátxinhi.

**Câu 270.** Đại hội nào dưới đây được xem là “Đại hội kháng chiến thắng lợi” ?

A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (3-1935).

B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951).

C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9-1960).

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976).

**Câu 271.** Đại hội nào dưới đây đã quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng Mác-Lênin riêng?

A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (3-1935)

B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951)

C. Đại hội đại biểu toàn quốc thứ III (9-1960)

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976)

**Câu 272.** Tên “Đảng lao động Việt Nam” chính thức có từ khi nào?

A.Tháng 2-193. B. Tháng 10-1930.

C. Tháng 2-1951. D. Tháng 9-1960.

**Câu 273.** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi năm 1950 được xây dựng dựa trên cơ sở nào dưới đây?

A. Viện trợ của Mĩ. B. Kinh tế Pháp phát triển.

C. Sự lớn mạnh của nguỵ quân. D. Kinh nghiệm chỉ huy của Tatxinhi.

**Câu 274.** Mục tiêu nào dưới đây là cơ bản nhất trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950)?

A. Tiêu diệt nhanh chóng quân chủ lực của ta.

B. Mong muốn kết thúc cuộc chiến ở Đông Dương.

C. Củng cố cho chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương

D. Giữ vững thế chủ động của Pháp trên chiến trường Đông Dương.

**Câu 275.** Mĩ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương (12.1950) vì lý do chủ yếu nào dưới đây?

A. Mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Mĩ ở Đông Dương.

B. Muốn từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.

C. Tăng cường sức mạnh cho mình ở Đông Dương.

D. Giúp Pháp kéo dài cuộc chiến ở Đông Dương.

**Câu 276.** Mĩ kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt-Mĩ (9.1951) vì lí do chủ yếu nào dưới đây?

A. Củng cố chính quyền Bảo Đại. B. Can thiệp vào Đông Dương về kinh tế.

C. Ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mĩ. D. Củng cố vị thế của Mĩ ở Đông Dương.

**Câu 277.** Nội dung nào dưới đây thể hiện rõ sự can thiệp của Mĩ vào cuộc chiến tranh Đông Dương (1951-1953)?

A. Các đội quân viễn chinh Mĩ bắt đầu đến Việt Nam.

B. Số lượng các công ty Mĩ đến Việt Nam đầu tư tăng.

C. Chính phủ Mĩ viện trợ quân sự cho chính quyền Bảo Đại.

D. Các phái đoàn cố vấn quân sự Mĩ đến Việt Nam ngày càng nhiều.

**Câu 278**. Sau thất bại ở Biên Giới-thu đông năm 1950, đế quốc Pháp-Mĩ đã

A. tăng cường quân đội ở Đông Dương.

B. thực hiện kế hoạch Đờ lat đơ Tatxinhi.

C. rút quân đội khỏi Đông Dương.

D. tiếp tục đánh lên Việt Bắc.

**Câu 279.** Đại hội đại biểu toàn quốc lần II (2-1951) quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Cămpuchia một Đảng riêng vì lí do chủ yếu nào dưới đây?

A. Để tạo thuận lợi cho phong trào cách mạng.

B. Để phù hợp với đặc điểm phát triển của mỗi nước.

C. Để phù hợp với xu hướng phát triển của cách mạng.

D. Để nhanh chóng đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

**Câu 280.** Trước tình thế sa lầy của Pháp ở Đông Dương (1950-1953), Mĩ đã có hành động gì?

A. Bắt đầu can thiệp vào Đông Dương.

B. Từng bước can thiệp sâu vào Đông Dương.

C. Chuẩn bị can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

D. Cấu kết với các thế lực phản động từng bước can thiệp vào Đông Dương.

**Câu 281.** Đại hội Đảng toàn quốc lần II (2-1951) được gọi là “Đại hội kháng chiến thắng lợi” vì lí do gì?

A. Đánh dấu sự thành công của đại hội toàn quốc lần II.

B. Đánh dấu bước phát triển mới trong lãnh đạo của Đảng.

C. Đánh dấu sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam.

D. Đánh dấu sự phát triển của phong trào cách mạng Đông Dương.

**Câu 282.** Mục đích Mĩ kí “Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương” với Pháp năm 1950 và “ Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ” với Bảo Đại năm 1951 là gì?

A. Từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

B. Viện trợ kinh tế, tài chính cho Pháp và Bảo Đại.

C. Tạo sự ràng buộc về kinh tế, quân sự với Pháp.

D. Trực tiếp ràng buộc chính phủ Bảo Đại.

**Câu 283.** Lí do nào dưới đây chính phủ ta quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất (1953)?

A. Nhanh chóng khôi phục lại nông nghiệp.

B. Để bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân.

C. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất trong nông nghiệp.

D. Đáp ứng nhu cầu lương thực phục vụ cho chiến trường.

**Câu 284.** Mục đích chính của Pháp trong việc tăng cường bình định vùng tạm chiếm ở kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) là gì?

A. Vơ vét sức người sức của phục vụ chiến tranh.

B. Làm lung lay tinh thần chiến đấu của nhân dân ta.

C. Tăng cường kiểm soát nhân ta trong vùng tạm chiếm.

D. Hạn chế sự chi viện của nhân dân cho lực lượng kháng chiến.

**Câu 285.** Mục đích chính của Pháp khi thiết lập vành đai trắng bao quanh Trung du và đồng bằng Bắc bộ trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950)?

A. Vơ vét sức người sức của phục vụ cho chiến tranh.

B. Tăng cường kiểm soát nhân ta.

C. Ngăn chặn quân chủ lực của ta.

D. Chuẩn bị tấn công lên Việt Bắc.

**Câu 286.** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) được thực hiện đã tác động gì đến cuộc kháng chiến chống Pháp của ta?

A. Gặp khó khăn trong việc tổ chức xây dựng lực lượng kháng chiến.

B. Làm cho cuộc kháng chiến trở nên khó khăn, phức tạp.

C. Hạn chế sự chi viện từ các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Thu hẹp vùng tự do, vùng giải phóng của ta

**Câu 287.** Mục đích chủ yếu của việc đưa người Việt Nam sang học ở Mĩ trong những năm 1950 là gì?

A. Đào tạo tay sai cho Mĩ.

B. Ràng buộc nguỵ quyền vào Mĩ.

C. Hỗ trợ đào tạo nhân tài cho Việt Nam.

D. Phát triển nguồn nhân lực của nguỵ quyền.

**Câu 288.** Sự kiện nào dưới đây có ý nghĩa góp phần quyết định đưa cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) đến thắng lợi?

A. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương.

B. Đại hội chiến sĩ thu đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần 1.

C. Thành lập Mặt trận Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào.

D. Thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

**Câu 289.** Điểm chung trong kế hoạch Rơve năm 1949 và kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi năm 1950 là gì?

A. Bảo vệ chính quyền tay sai do Pháp lập ra.

B. Muốn xoay chuyển cục diện chiến tranh.

C. Thể hiện sức mạnh quân sự của Pháp.

D. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

**Câu 290.** Nguyên nhân chủ yếu đưa đến việc thành lập “Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào” (3-1951) là gì?

A. Thuận lợi trong việc tổ chức kháng chiến của ba nước Đông Dương.

B. Tăng cường khối đoàn kết nhân dân ba nước chống Pháp.

C. Củng cố lực lượng cách mạng ba nước Đông Dương.

D. Chống lại chính sách chia rẽ của Pháp.

**Câu 291.** Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mở cuộc vận động lao động sản xuất năm 1952 nhằm mục đích chủ yếu nào dưới đây?

A. Đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống và đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

B. Phục vụ cho việc xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh.

C. Động viên nhân dân hăng hái tham gia sản xuất.

D. Tiếp tục xây dựng nền kinh tế tự chủ.

**Câu 292.** Mục tiêu cốt lõi của công cuộc cải cách giáo dục năm 1950 là gì?

A. Thực hiện khẩu hiệu “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.

B. Phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất.

C. Đẩy lùi nạn thất học, mù chữ trong nhân dân.

D. Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng.

**Câu 293.** Âm mưu của Mĩ trong việc kí với Pháp “Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương” và với Bảo đại “ Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mĩ” trong những năm 1950,1951 là gì?

A. Tạo sự ràng buộc về kinh tế, tài chính với Pháp.

B. Trực tiếp ràng buộc chính phủ Bảo đại vào Mĩ.

C. Từng bước can thiệp, thay chân Pháp ở đông Dương.

D. Hỗ trợ kinh tế, tài chính cho Pháp tiến hành chiến tranh.

**Câu 294.** Sự kiện nào sau đây thể hiện liên minh đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)?

A. Thành lập Mặt trận Liên Việt.

B. Thành lập Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào.

C. Thành lập Liên minh chiến đấu Việt-Miên-Lào.

D. Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.

**Câu 295.** Điểm khác nhau về bối cảnh Pháp thực hiện kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi năm 1950 so với kế hoạch Rơve năm 1949 là gì?

A. Thực hiện trong thế bị động.

B. Mĩ can thiệp sâu vào Đông Dương.

C. Pháp đang giành thế chủ động trên chiến trường.

D. Nhân dân Pháp phản đối cuộc chiến tranh Đông Dương.

**Câu 296.** Một quyết định khác biệt của Đại hội đại biểu lần thứ II (2.1951) của Đảng Cộng sản Đông Dương so với Đại hội đại biểu lần thứ I (3.1935) là

A. đưa Đảng ra hoạt động công khai.

B. thông qua các báo cáo chính trị quan trọng.

C. thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ của Đảng.

D. bầu Ban Chấp hành Trung Ương Đảng và Bộ Chính trị.

**Câu 297.** Điểm mới trong xác định kẻ thù của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1951- 1953 so với giai đoạn 1946- 1950 là gì?

A. Chống thực dân Pháp và tay sai.

B. Chống thực dân Pháp và phong kiến.

C. Chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.

D. Chống thực dân Pháp và các đảng phái phản động.

**Câu 298.** Nội dung nào dưới đây là ý nghĩa cơ bản của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương (2.1951)?

A. Thể hiện sự đoàn kết của các tầng lớp nhân dân.

B. Đánh dấu quá trình đổi mới hoạt động của Đảng.

C. Thể hiện năng lực lãnh đạo của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

D. Đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo của Đảng.

**Câu 299.** Nội dung nào dưới đây phản ánh bản chất chủ yếu của kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi năm 1950?

A. Sự lệ thuộc của Pháp vào Mĩ.

B. Bước lùi về chiến lược của Pháp.

C. Sức mạnh của quân đội viễn chinh Pháp.

D. Chiến lược quân sự quy mô để bình định Đông Dương.

**Câu 300.** Nội dung nào dưới đây là ý nghĩa chủ yếu của Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất (5-1952)?

A. Tuyên dương thành tích của các anh hùng có công với nước.

B. Đoàn kết, khích lệ tinh thần yêu nước của nhân dân.

C. Lôi cuốn nhiều ngành, nhiều giới tham gia.

D. Đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân.

**Câu 301.** Nội dung nào dưới đây thể hiện điểm hạn chế của kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950)?

A. Vừa tập trung lực lượng vừa phát triển đội quân nòng cốt.

B. Phân tán lực lượng và chiếm các vị trí quan trọng.

C. Vừa tập trung vừa phân tán lực lượng.

D. Vừa củng cố vừa mở rộng lực lượng.

**Câu 302.** Điểm mới của kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) so với kế hoạch Rơve (1949) là gì?

A. Tập trung kiểm soát Trung du và đồng bằng Bắc bộ.

B. Tập trung bao vây căn cứ địa Việt Bắc.

C. Tấn công Việt bắc với quy mô lớn.

D. Kiểm soát biên giới Việt-Trung.

**Câu 303.** Từ việc thành lập Mặt trận Liên Việt (3-1951) Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì về xây dựng mặt trận hiện nay?

A. Xây dựng khối liên minh công-nông. B. Xây dựng khối đoàn kết dân tộc.

C. Đoàn kết các tôn giáo. D. Đoàn kết các dân tộc.

**Câu 304.** Việc Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương (1951-1953) đã thể hiện âm mưu chủ yếu gì đối với khu vực Đông Nam Á?

A. Thúc đẩy tự do dân chủ ở Đông Nam Á.

B. Ngăn chặn và đẩy lùi chủ nghĩa cộng sản.

C. Mở rộng phạm vi ảnh hưởng tại Đông Nam Á.

D. Mở rộng phạm vi ảnh hưởng tại ba nước Đông Dương.

**Câu 305.** Từ thành công của Đại hội Đảng toàn quốc lần II (2-1951), bài học cơ bản nào Việt Nam có thể rút ra để giải quyết vấn đề biển đảo hiện nay?

A. Tăng cường sự đoàn kết quốc tế. B. Tăng cường khối đoàn kết dân tộc.

C. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. D. Tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng.

**Câu 306.** Bước vào Đông Xuân 1953 – 1954, âm mưu của Pháp – Mĩ ở Đông Dương là

A. giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

B. giành một thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

C. giành thắng lợi quân sự để nâng cao vị thế của nước Pháp trên thế giới.

D. giành lấy thắng lợi quân sự để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

**Câu 307.** Khu vực nào dưới đây được Nava tập trung quân mạnh nhất từ thu – đông 1953?

A. Tây Bắc. B. Thượng Lào. C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng Bắc Bộ.

**Câu 308.** Sau 8 năm xâm lược Việt Nam, Pháp gặp khó khăn cơ bản nào dưới đây?

A. Hành lang Đông – Tây bị chọc thủng.

B. Vùng chiếm đóng ngày càng thu hẹp.

C. Bước đầu gặp những khó khăn về tài chính.

D. Thiệt hại ngày càng lớn, lâm vào thế bị động chiến lược.

**Câu 309.** Nội dung chủ yếu trong bước thứ nhất của kế hoạch Nava là

A. phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.

B. phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Nam.

C. phòng ngự chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

D. tấn công chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

**Câu 310.** Nội dung nào dưới đây thuộc về chủ trương của ta trong đông **-** xuân 1953 **-** 1954?

A. Tránh giao chiến ở miền Bắc với ta để chuẩn bị đàm phán, kết thúc chiến tranh.

B. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng, kết thúc chiến tranh trong danh dự.

C. Tập trung lực lượng tấn công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.

D. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong đông - xuân 1953-1954, buộc Pháp phải đàm phán kết thúc chiến tranh.

**Câu 311.** Thắng lợi nào dưới đây trong chiến cuộc Đông – Xuân 1953 – 1954 của ta đã buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó?

A. Điện Biên Phủ, Sênô, Plâycu, sầm Nưa.

B. Điện Biên Phủ, Sênô, Luông phabang, Plâycu.

C. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Sênô, Luông phabang.

D. Điện Biên Phủ, Thà Khẹt, Plâycu, Luông phabang.

**Câu 312.** Chính phủ Pháp cử tướng Nava sang Đông Dương đảm nhiệm chức vụ gì sau đây?

A. Toàn quyền Pháp ở Đông Dương.

B. Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương.

C. Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

D. Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Mĩ- Pháp ở Đông Dương.

**Câu 313.** Từ ngày 13 đến ngày 17-3-1954, quân ta tiến công, tiêu diệt địch ở

A. cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

B. các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm.

C. đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm.

D. đồng loạt tiến công phân khu Nam.

**Câu 314.** Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm

A. tiêu diệt sinh lực địch, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

B. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Hạ Lào.

C. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

D. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Thượng Lào.

**Câu 315.** Nava xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, gồm

A. 2 phân khu, 48 cứ điểm. B. 3 phân khu, 49 cứ điểm.

C. 4 phân khu, 50 cứ điểm. D. 5 phân khu, 47 cứ điểm.

**Câu 316.** Ngày 8 - 5 - 1954, phái đoàn Chính phủ ta do Phó thủ tướng, kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị Giơnevơ với tư cách

A. đại diện cho một dân tộc chiến thắng.

B. đại diện cho các lực lượng yêu chuộng hòa bình.

C. đại diện cho ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia.

D. đại diện cho các nước thuộc địa của thực dân Pháp.

**Câu 318.** Nội dung nào dưới đây **không** phải là ý nghĩa của chiến dịch Điện Biên Phủ?

A. Đập tan kế hoạch Nava và mọi ý đồ của Pháp – Mỹ.

B. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.

C. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương.

D. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước.

**Câu 319.** Mĩ có hành động gì trước tình thế sa lầy của Pháp trong cuộc chiến tranh Đông Dương (1953-1954)?

A. Chuẩn bị can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

B. Bắt đầu can thiệp vào chiến tranh Đông Dương.

C. Can thiệp sâu hơn vào chiến tranh Đông Dương.

D. Không can thiệp vào chiến tranh Đông Dương.

**Câu 320.** Sự kiện nào dưới đây kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt Nam (1945 - 1954)?

A. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

B. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

C. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954.

D. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết (7 - 1954).

**Câu 321**. Thắng lợi nào dưới đây đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava của Pháp ở Việt Nam?

A. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954.

B. Chiến thắng Bắc Tây Nguyên tháng 2 - 1954.

C. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết.

D. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954.

**Câu 322.** Thắng lợi quân sự nào dưới đây đã làm cho kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản?

A. Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).

B. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông (1947).

C. Chiến dịch Biên Giới thu – đông (1950).

D. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân (1953-1954).

**Câu 323.** Tháng 1-1954, Hội nghị ngoại trưởng 4 nước họp ở Béclin thỏa thuận việc triệu tập hội nghị quốc tế ở Giơnevơ để giải quyết vấn đề Triều Tiên và Đông Dương gồm những quốc gia nào dưới đây?

A. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp. B. Liên Xô, Mĩ, Anh, Trung Quốc.

C. Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc. D. Liên Xô, Mĩ, Anh, Ấn Độ.

**Câu 324.** Theo nội dung của Hiệp định Giơnevơ, quốc gia nào dưới đây ở Đông Dương không có vùng tập kết?

A. Lào. B. Việt Nam. C. Campuchia. D. Việt Nam và Campuchia.

**Câu 325.** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) đã tác động như thế nào đến tình hình miền Bắc nước ta?

A. Miền Bắc trở thành hậu phương của cách mạng cả nước.

B. Miền Bắc hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, trở thành hậu phương của miền Nam.

D. Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 326.** Nội dung cơ bản nhất của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

A. các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

B. các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

C. các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.

D. hiệp định cấm đưa quân đội và vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.

**Câu 327.** Vì sao tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở thành tâm điểm của kế hoạch Nava?

A. Điện Biên Phủ được Pháp chiếm từ lâu nhất.

B. Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quan trọng.

C. Điện Biên Phủ gần nơi đóng quân chủ lực của Pháp.

D. Điện Biên Phủ ngay từ đầu là trọng tâm của kế hoạch Nava.

**Câu 328.** Mặt trận nào dưới đây quyết định thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1954-1975)?

A. Chính trị. B. Kinh tế. C. Quân sự. D. Ngoại giao.

**Câu 329.** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) của nhân dân ta là sự kết hợp giữa mặt trận

A. quân sự với kinh tế. B. quân sự với chính trị.

C. kinh tế với ngoại giao. D. kinh tế với chính trị.

**Câu 330.** Hiệp định Ginevơ là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận những quyền gì cho các nước Đông Dương?

A. Các quyền dân tộc cơ bản.

B. Quyền được hưởng độc lập, tự do.

C. Quyền tổ chức Tổng tuyển cử tự do.

D. Quyền chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời.

**Câu 331.** Lí do gì dưới đây, Thực dân Pháp phải chấp nhận đàm phán với ta ở Hội nghị Giơnevơ?

A. Do sức ép của Liên Xô.

B. Pháp lo ngại Trung Quốc tham chiến.

C. Pháp bị thất bại nặng nề ở Điện Biên Phủ.

D. Dư luận nhân dân thế giới phản đối cuộc tranh.

**Câu 332.** Nguyên nhân cơ bản quyết định thắng lợi cuộc kháng chiến Pháp (1945 – 1954) là

A. truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

B. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

C. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

D. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**Câu 334.** Lí do chủ yếu trong việc Pháp cử Nava sang Đông Dương là gì?

A. Vì Nava được Mĩ chấp nhận.

B. Vì chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953) đã kết thúc.

C. Vì Pháp bị thiệt hại nặng, vùng chiếm đóng bị thu hẹp.

D. Vì nhân dân Pháp ngày càng phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam.

**Câu 335.** Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Đông Dương (1945 – 1954) kết thúc bằng giải pháp nào dưới đây?

A. Chính trị B. Quân sự. C. Kinh tế. D. Văn hóa.

**Câu 336.** Hạn chế của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương đối với Việt Nam là

A. mới giải phóng được miền Bắc. B. chỉ giải phóng được miền Nam.

C. chỉ giải phóng được vùng Tây Bắc. D. mới giải phóng từ vĩ tuyến 17 trở ra Bắc.

**Câu 337.** Hội nghị Giơnevơ được triệu tập trong bối cảnh quốc tế như thế nào?

A. Xu thế của thế giới là giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng.

B. Xu thế của thế giới là giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng quân sự.

C. Quan hệ Xô – Mỹ đã chuyển sang đối thoại.

D. Xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

**Câu 338.** Điểm khác nhau về nguyên nhân thắng lợi giữa Cách mạng tháng Tám (1945) với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

C. truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

D. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.

**Câu 339.** Cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán ở Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương diễn ra gay gắt và phức vì

A. lập trường ngoan cố của Mĩ.

B. lập trường ngoan cố của Pháp.

C. lập trường ngoan cố của Pháp – Mĩ.

D. tình hình thế giới diễn ra căng thẳng.

**Câu 340.** Tác động của Hiệp định Giơnevơ đối với cách mạng Việt Nam là

A. Mĩ không còn can thiệp vào Việt Nam.

B. chế độ phong kiến Việt Nam sụp đổ hoàn toàn.

C. cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hoàn thành trong cả nước.

D. Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân về nước.

**Câu 341.** Tác động của cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân (1953 – 1954) và chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) tạo điều kiện thuận lợi cho

A. cuộc đấu tranh quân sự của ta giành thắng lợi.

B. cuộc đấu tranh chính trị của ta giành thắng lợi.

C. cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

D. cuộc đấu tranh quân sự và ngoại giao của ta giành thắng lợi.

**Câu 342.** Chiến thắng nào dưới đây có ý nghĩa làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương (1945 – 1954)

A. Chiến thắng Việt Bắc (1947). B. Chiến thắng Biên Giới (1950).

C. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954). D. Chiến thắng Hòa Bình (1951 – 1952).

**IV. Vận dụng cao**

**Câu 343.** Điểm giống nhau giữa chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 với chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972 là

A. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải rút quân về nước.

B. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải ký kết các hiệp định với ta.

C. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải kết thúc cuộc chiến tranh.

D. những thắng lợi quân sự quyết định buộc Pháp – Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

**Câu 344.** Điểm giống nhau cơ bản trong bối cảnh quốc tế giữa Hiệp định Giơnevơ năm 1954 và Hiệp định Pari năm 1973 như thế nào?

A. Xu thế toàn cầu hóa.

B. Xô – Mĩ đối đầu căng thẳng.

C. Cục diện chiến tranh lạnh đang tồn tại.

D. Chủ nghĩa thực dân mới sụp đổ hoàn toàn.

**Câu 345.**Điểm chung trong kế hoạch Rơve năm 1949, kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 và kế hoạch Nava năm 1953 là

A. kết thúc chiến tranh trong danh dự.

B. muốn xoay chuyển cục diện chiến tranh.

C. phô trương thanh thế, tiềm lực, sức mạnh.

D. bảo vệ chính quyền Bảo Đại do Pháp lập ra.

**Câu 346**.Nguyên tắc cơ bản của Việt Nam trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (21-7-1954) là

A. phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

B. không vi phạm chủ quyền dân tộc.

C. đảm bảo giành thắng lợi từng bước.

D. giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

**Câu 347.** Đặc điểm tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ (1954) giống với những nước nào dưới đây

A. Đức và Triều Tiên.

B. Đức và Nhật Bản.

C. Triều Tiên và Nhật Bản.

D. Trung Quốc và Triều Tiên.

**Câu 350.** Ảnh hưởng thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của Việt Nam đến các nước Á, Phi, Mĩlatinh như thế nào?

A. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào dân chủ.

B. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào hòa bình.

C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào không liên kết.

D. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc.

**Câu 351.** Điểm chung cơ bản giữaHiệp định Giơnevơ 1954 và Hiệp định Pari 1973.

A. Đều công nhận các quyền dân tộc cơ bản.

B. Đều qui định ngừng bắn, lập lại hòa bình.

C. Đều qui định quân đội nước ngoài phải rút khỏi nước ta.

D. Đều qui định Ủy ban quốc tế giám sát việc thi hành hiệp định.

**Câu 352.** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960), diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào dưới đây?

A. Cách mạng ở hai miền gặp nhiều khó khăn thử thách.

B. Cách mạng hai miền Nam - Bắc có những bước tiến quan trọng.

C. Cách mạng miền Nam Việt Nam đang đứng trước những khó khăn.

D. Cách mạng ở Miền Bắc đang chống lại cuộc chiến tranh tàn phá của Mĩ.

**Câu 353.** Nội dung “bình định miền Nam có trọng điểm trong vòng 2 năm”, là kế hoạch quân sự nào sau đây của Mĩ?

A. Kế hoạch Rơve.

B. Kế hoạch Xtalây Taylo.

C. Kế hoạch Giônxơn Mac-namara.

D. Kế hoạch Đờ-Lát Đờ-tát-Xi-nhi.

**Câu 354.** Ngày 17-1-1960 tại Bến Tre bùng nổ phong trào đấu tranh nào dưới đây?

A. Đồng khởi. B. Phong trào Hòa bình.

C. Chống bình định. D. Phá ấp chiến lược.

**Câu 355.** Nhiệm vụ cơ bản của Cách mạng miền Nam sau 1954 là

A. hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.

B. chống lại cuộc chiến tranh tàn phá của Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

C. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ, giải phóng MN thống nhất nước nhà.

D. tiến hành đấu tranh vũ trang để đánh bại chiến tranh xâm lược của Mỹ, Diệm.

**Câu 356.** Quyết định quan trọng của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 15 (1-1959) là gì?

A. Đấu tranh ngoại giao để đánh đổ ách thống trị Mĩ - Diệm.

B. Giành chính quyền bằng con đường đấu tranh hòa bình là chủ yếu.

C. Nhờ sự giúp đỡ của nước ngoài để đánh đổ Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

D. Nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm.

**Câu 357.** Chiến thắng Bình Giã (2-12-1964) là thắng lợi của quân và dân miền Nam chống chiến lược chiến tranh nào dưới đây của Mĩ?

A. Chiến lược “chiến tranh cục bộ”.

B. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.

C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. Chiến lược “Đông Dương hóa chiến tranh”.

**Câu 358.** Âm mưu cơ bản trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam là gì?

A. Dùng người Việt đánh người Việt.

B. Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

C.Tiêu diệt lực lượng của ta.

D. Kết thúc chiến tranh.

**Câu 360.** Sau thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” ở miền Nam, buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược chiến tranh nào dưới đây?

A. “Chiến tranh đặc biệt”. B. “Chiến tranh Cục bộ”.

C. “Việt Nam hóa chiến tranh”. D. “Đông Dương hóa chiến tranh”.

**Câu 361.** Ngày 16-05-1955 lực lượng quân sự nào dưới đây rút khỏi miền Bắc Việt Nam?

A. Quân Anh. B. Quân Pháp. C. Quân Nhật Bản. D. Quân Trung hoa dân quốc.

**Câu 362.** Thắng lợi nào dưới đây **không** làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam?

A. Ba Gia. B. An Lão. C. Vạn Tường. D. Đồng Xoài.

**Câu 363.** Một trong những thắng lợi quân sự nào dưới đây góp phần làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam?

A. Ấp Bắc. B. An Lão. C. Vạn Tường. D. Núi Thành.

**Câu 364.** Thắng lợi quân sự nào dưới đây chứng tỏ quân dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Chiến thắng Ấp Bắc. B. Chiến thắng Bình Giã.

C. Chiến thắng Vạn Tường. D. Chiến thắng Đồng Xoài.

**Câu 365.** Nội dung nào dưới đây **không** phải ý nghĩa của phong trào “Đồng Khởi” (1959-1960)?

A. Buộc Mĩ phải rút quân về nước.

B. Làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

C. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

D. Cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

**Câu 366.** Quyết định quan trọng của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (1-1959), cho cách mạng miền Nam là gì dưới đây?

A. Để nhân dân miền Nam đấu tranh bằng chính trị.

B. Để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực giành chính quyền.

C. Để nhân dân miền Nam đấu tranh bằng con đường vũ trang.

D. Để nhân miền Nam đấu tranh bằng con đường ngoại giao là chủ yếu.

**Câu 367.** Chiến thắng nào dưới đây của quân và dân miền Nam đánh dấu sự phá sản về cơ bản của “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mĩ?

A. Ba Gia. B. An Lão. C. Ấp Bắc. D. Bình Giã.

**Câu 368.** Âm mưu cơ bản của Mĩ đối với miền Nam Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ 1954 là

A. đưa quân Mĩ vào miền Nam.

B. phá hoại các cơ sở kinh tế của ta.

C. biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.

D. biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Mĩ.

**Câu 369.** Khi Pháp rút khỏi nước ta Mĩ đã

A. biến nước ta thành căn cứ quân sự ngăn chặn CNXH từ Trung Quốc.

B. biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Mĩ.

C. đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền.

D. trực tiếp đưa quân đội vào thay quân Pháp.

**Câu 370**. Điều khoản nào sau đây trong Hiệp định Giơrievơ (1954) về Đông Dương Pháp chưa thực hiện khi rút khỏi nước ta?

A. Ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam.

B. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc.

C. Việt Nam lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời.

D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước Đông Dương.

**Câu 371.** Kết quả lớn nhất của phong trào “Đồng khởi” năm 1960 ở miền Nam là gì?

A. Phá vỡ từng mãng lớn bộ máy cai trị của địch.

B. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển.

C. Tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.

D. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20 – 12 – 1960).

**Câu 372.** Hình thức đấu tranh của quân và dân ta chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) ở miền Nam Việt Nam là

A. Đấu tranh ngoại giao. B. Đấu tranh  vũ trang.

C. Đấu tranh chính trị. D. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

**Câu 373.** Cuộc hành quân lớn nhất của Mĩ trong cuộc phản công chiến lược mùa khô 1966 - 1967 vào Đông Nam Bộ là gì?

A. Atơnbôrơ. B. Xêđanphôn.

C. Gian Xơnxity. D. Cuộc hành quân “ánh sáng sao”.

**Câu 374.** Hạn chế của Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương khi được kí kết là gì?

A. Hà Nội được giải phóng.

B. Pháp rút quân khỏi miền Bắc.

C. Đất nước bị chia cắt làm hai miền.

D. Tiến hành Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

**Câu 375.** Ngày02- 01- 1963 diễn ra sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Chiến thắng Ấp Bắc. B. Chiến thắng Ba Gia.

C. Chiến thắng Đồng Xoài. D. Chiến thắng Vạn Tường.

**Câu 376.** Trong những năm 1957 -1959, chính sách nào dưới đây của Mĩ và chính quyền Sài Gòn gây khó khăn cho cách mạng miền Nam?

A. Gạt hết quân Pháp để độc chiếm miền Nam.

B. Đặt Cộng sản ngoài vòng pháp luật, ra “luật 10 – 59”.

C. Thực hiện chính sách “đả thực”, “bài phong”, “diệt cộng”.

D. Phế truất Bảo Đại đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng Thống.

**Câu 377**. Quyết định của Hội Nghị ban chấp hành trung ương Đảng lần thứ 15 (1-1959) tác động như thế nào đến cách mạng miền Nam?

A. Phong trào nổ ra ở nhiều nơi.

B. Phong trào chỉ nổ ra ở Bến Tre.

C. Phong trào nổ ra lẻ tẻ ở từng địa phương.

D. Phong trào cách mạng miền Nam lan rộng trở thành cao trào.

**Câu 378.** Trong thời kì 1954 -1975, sự kiện nào dưới đây đánh dấu cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

A. Chiến thắng Ấp Bắc. B. Chiến thắng Bình Giã.

C. Phong trào Đồng Khởi. D. Chiến thắng Vạn Tường.

**Câu 379.** Trong giai đoạn 1954 -1975, cách mạng miền Nam

A. có vai trò cơ bản nhất trong đánh Mĩ và tay sai.

B. có vai trò quyết định nhất trong đánh Mĩ và tay sai.

C. có vai trò quan trọng nhất trong đánh Mĩ và tay sai.

D. có vai trò quyết định trực tiếp trong sự nghiệp đánh Mĩ và tay sai.

**Câu 380.** Điểm khác nhau cơ bản giữa Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) với đại hội lần thứ II (2-1951) là gì?

A. Thông qua báo cáo chính trị.

B. Bầu Ban chấp hành Trung ương mới.

C. Xây dựng cơ sở vật chất cho Chủ nghĩa xã hội.

D. Thông qua nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

**Câu 381.** Mục tiêu cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng tháng 9 năm 1960 là gì?

A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

B. Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân miền Nam.

C. Cả nước hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ thống nhất đất nước.

D. Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên Chủ nghĩa Xã hội.

**Câu 382.** Nội dung nào dưới đây là điểm khác biệt cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) và chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968)?

A. Mĩ chỉ huy bằng lực lượng cố vấn.

B. Tiến hành cuộc phá hoại ở miền Bắc.

C. Dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam.

D. Biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới.

**Câu 383.** Nội dung nào dưới đây là điểm giống nhau cơ bản nhất giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) và chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968)?

A. Tiến hành bằng lực lượng quân Mĩ.

B. Tấn công quân giải phóng ở Vạn Tường.

C. Biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới.

D. Mở các cuộc hành quân “tìm diệt” “bình định” ở miền Nam.

**Câu 385.** Âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam chủ yếu nhằm

A. tăng sức chiến đấu của quân đội Sài Gòn.

B. giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường.

C. lợi dụng xương máu người Việt trên chiến trường.

D. quân Mĩ và quân Đồng minh rút dần khỏi chiến tranh.

**Câu 386.** “Ấp chiến lược” được coi là “xương sống” của chiến lược

A. chiến tranh Cục bộ (1965 - 1968).

B. chiến tranh Đặc biệt (1961 - 1965).

C. Việt Nam hóa chiến tranh (1969 - 1973).

D. Đông Dương hóa chiến tranh (1969 - 1973).

**Câu 387.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của phong trào “Đồng Khởi” (1959-1960) ở miền Nam Việt Nam?

A. Làm phá sản chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mĩ.

B. Giáng một đòn mạnh vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

C. Sự ra đời của mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960).

D. Đưa cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

**Câu 388.** Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mĩ ở miền Nam Việt Nam thuộc học thuyết nào sau đây trong chiến lược toàn cầu?

A. Dăn đe thực tế. B. Phản ứng linh hoạt.

C. Chính sách thực lực. D. Bên miệng hố chiến tranh.

**Câu 389.** Bài học kinh nghiệm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III (9-1960) để lại cho Đảng ta trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội hiện nay là gì?

A. Tiến nhanh tiến mạnh lên Chủ nghĩa xã hội.

B. Xây dựng nền kinh tế xã hội Chủ nghĩa hiện đại.

C. Tiến hành công nghiệp hóa Xã hội chủ nghĩa ưu tiên công nghiệp nặng.

D. Tiến hành công nghiệp hóa Xã hội chủ nghĩa phù hợp thực tế điều kiện đất nước.

**Câu 390.** Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành trung đảng (1-1959) đã để lại bài học kinh nghiệm nào sau đây cho Đảng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước?

A. Kiên trì con đường đấu tranh vũ trang giành chính quyền.

B. Sử dụng con đường đấu tranh ngoại giao giành chính quyền.

C. Sử dụng bạo lực cách mạng giành chính quyền về tay nhân dân.

D. Sử dụng con đường đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

**Câu 391.** Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960) có vai trò nào dưới đây trong cuộc kháng chiến chống Mĩ?

A. Lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh.

B. Xây dựng lực lượng cách mạng miền Nam.

C. Giữ gìn lực lượng cách mạng chuẩn bị phản công.

D. Đoàn kết toàn dân chống đế quốc Mĩ và chính quyền tay sai.

**Câu 392.** Điểm khác biệt cơ bản về mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đại hội toàn quốc lần III (9-1960) với Đại hội đại biểu lần thứ VI (12-1986) là gì?

A. Tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

B. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

C. Tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

D. Tiến hành xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa theo hướng hiện đại.

**Câu 393.** Ý nghĩa giống nhau cơ bản giữa chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho) ngày 2-1-1963 và chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) ngày 18-8-1965 đã

A. chống lại một loại hình chiến tranh xâm lược của Mĩ.

B. chứng minh khả năng quân dân miền Nam có thể đánh bại chiến lược chiến tranh mới của Mĩ.

C. chứng tỏ tinh thần kiên cường bất khuất của nhân dân miền Nam Việt Nam chống Mĩ cứu nước.

D. thể hiện sức mạnh về vũ khí của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ cho cách mạng miền Nam.

**Câu 394.** Nội dung nào dưới đây là ưu điểm cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng (9-1960)?

A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

B. Đề ra nhiệm vụ chiến lược cho cách mạng cả nước và từng miền.

C. Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

D. Xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

**Câu 395.** Bài học cơ bản cho cách mạng Việt Nam được rút ra từ việc tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần III (9-1960) là gì?

A. Chỉ đạo cách mạng cho cả hai miền.

B. Tập trung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

C. Chỉ đạo sâu sát, quyết liệt cho cách mạng miền Nam.

D. Mềm dẻo linh hoạt trong thực hiện lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng.

**Câu 397.** Ngày 7-2-1965 gắn với sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Mĩ dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc bộ“, phát động chiến tranh phá hoại miền Bắc.

B. Mĩ chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

C. Quân giải phóng miền Nam tấn công doanh trại Mĩ ở Playcu.

D. Mĩ triển khai chiến lược Chiến tranh cục bộ ở miền Nam.

**Câu 399.** “Chiến tranh cục bộ” từ giữa năm 1965 là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng

A. quân Mĩ, đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

B. quân Mĩ, quân một số nước đồng minh của Mĩ.

C. quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

D. quân đội Mĩ và quân đội Sài Gòn.

**Câu 400.** Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở miền Nam ra đời trong hoàn cảnh lịch sử nào dưới đây?

A. Ngô Đình Diệm bị đảo chính.

B. Chiến thắng của ta ở Ấp Bắc (Mỹ Tho).

C. Thất bại của Mĩ trong việc lập ấp chiến lược.

D. Thất bại của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

**Câu 401.** Chiến thắng nào dưới đây của quân và dân miền Nam đã mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam?

A. Ấp Bắc. B. Vạn Tường. C. Bình giã. D. Đồng Xoài.

**Câu 402.** Phạm vi thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ của Mĩ là:

A. Miền Nam B. Cả nước. C. Miền Bắc D. Đông Dương.

**Câu 403.** Đồng minh của Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam là những quốc gia nào dưới đây?

A. Hàn Quốc, Anh, Pháp, Úc, Niu Dilân.

B. Anh, Ý, Thái Lan, Philipin, Niu Dilân.

C. Hàn Quốc, Thái Lan, Philipin, Úc, Niu Dilân.

D. Hàn Quốc, Thái Lan, Philipin, Pháp, Niu Dilân.

**Câu 405.** Thắng lợi quân sự nào dưới đây được coi là “Ấp Bắc” đối với quân Mĩ?

A. Bình Giã. B. Núi Thành. C. Vạn Tường. D. Đồng Xoài.

**Câu 406.** Thắng lợi nào dưới đây của quân giải phóng ở miền Nam buộc Mĩ phải chấp nhận đàm phán với ta ở Pari?

A. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

B. Vạn Tường (Quảng Ngãi).

C. Hai mùa khô (1965 – 1966) và (1966 – 1967).

D. Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

**Câu 407.** Chiến thắng Vạn Tường được coi là sự kiện mở đầu cao trào:

A. “Tìm Mĩ mà đánh - lùng ngụy mà diệt”.

B. “Tìm Mĩ mà diệt–lùng ngụy mà đánh”.

C. “Lùng Mĩ mà đánh – tìm ngụy mà diệt”.

D. “Noi gương Vạn Tường, giết giặc lập công”.

**Câu 408**. Trong các cuộc hành quân “tìm diệt, bình định”, cuộc hành quân nào dưới đây là lớn nhất?

A. Mắcnamara. B. Xtalây Tâylo.

C. Gianxơn Xiti. D. Giônxơn Mắcnamara.

**Câu 409.** Trong cuộc phản công chiến lược 1972, ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến nào sau đây của địch?

A. Quảng Trị, Tây Nguyên, Phước Long.

B. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam bộ.

C. Quảng Trị, Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung bộ.

D. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đồng Bằng Sông Cửu Long.

**Câu 410**. Sự kiện nào dưới đây buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam?

A. Cuộc tiến công chiến lược 1972.

B. Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968.

C. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

D. Chiến thắng trong cuộc phản công chiến lược 1966 – 1967.

**Câu 411.** Sự kiện nào đã “đánh cho Mĩ cút”?

A. Thắng lợi của “chiến dịch Điện Biên Phủ trên không” 1972.

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975**.**

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh 4/1975.

D. Hiệp định Pari 1/1973.

**Câu 412.** Ngày 6/6/1969 gắn với sự kiện lịch sử nào dưới đây của cách mạng miền Nam?

A. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đến Hội nghị Pa-ri.

B. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời.

C. Mĩ mở rộng tấn công phá hoại miền Bắc lần 2.

D. Hội nghị cao cấp ba nước Đông Dương.

**Câu 413.** Rút dần quân Mĩ và quân đồng minh về nước, nhằm lợi dụng xương máu của người Việt, đó là âm mưu của

A. chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

B. chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

C. chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. chiến lược “Đông Dương hóa chiến tranh”.

**Câu 414**. Ngày 18 – 3 – 1970, gắn liền với sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Mĩ chấp nhận kí Hiệp định Pari.

B. Chính phủ Xihanúc ở Campuchia bị lật đổ.

C. Ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị.

D. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

**Câu 415.** Mục đích chủ yếu nào dưới đây của Mĩ khi cho máy bay tập kích 12 ngày đêm ở Hà Nội, Hải Phòng?

A. Cứu nguy cho chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

B. Đánh phá miền Bắc, ngăn chặn sự tiếp tế cho miền Nam.

C. Giành thắng lợi quyết định, buộc ta kí hiệp định có lợi cho Mĩ.

D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chiến đấu của nhân dân ta.

**Câu 416.** Vị Tổng thống nào dưới đây của Mĩ đã phát động chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2?

A. Tổng thống Truman. B. Tổng thống Níchxơn.

C. Tổng thống Kennedy. D. Tổng thống Aixenhao.

**Câu 418.** Ngày 27 – 1 -1973, đã đi vào lịch sử bằng sự kiện nào dưới đây?

A. Hội nghị Pari bắt đầu.

B. Mĩ kí kết hiệp định Pari.

C. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

D. Mĩ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2.

**Câu 419.** Ngày 13 – 5 – 1968, diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Cuộc đàm phán chính thức giữa 4 bên diễn ra tại Pari.

B. Cuộc đàm phán chính thức giữa 5 bên diễn ra tại Pari.

C. Cuộc đàm phán chính thức giữa 2 bên diễn ra tại Pari.

D. Cuộc đàm phán chính thức giữa 3 bên diễn ra tại Pari.

**Câu 420.** Cuộc tập kích bằng không quân của Mĩ trong 12 ngày đêm ở miền Bắc diễn ra vào thời gian nào?

A. Từ 12/8/1972 đến 27/12/1972.

B. Từ 18/12/1972 đến 29/12/1972.

C. Từ 18/12/1972 đến 20/12/1972.

D. Từ 20/12/1972 đến 29/12/1972.

**Câu 421.** Nội dung nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của cuộc tổng tiến công Xuân Mậu Thân 1968?

A. Làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.

B. Mĩ tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh.

C. Chấm dứt phá hoại Miền Bắc.

D. Ký hiệp định Pari.

**Câu 422.** Trong chiến lược Chiến tranh cục bộ, Mĩ tổ chức các cuộc hành quân “Tìm diệt” nhằm mục đích cơ bản gì dưới đây?

A. Tạo thuận lợi trên bàn ngoại giao.

B. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

C. Giành lại thế chủ động trên chiến trường.

D. Ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc vào Nam.

**Câu 423.** Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) ngày 18-8-1965, đã chứng tỏ

A. cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ.

B. lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đánh bại quân viễn chinh Mĩ.

C. lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã trường thành nhanh chóng.

D. quân viễn chinh Mĩ đã mất khả năng chiến đấu.

**Câu 424.** Sự chi viện của miền Bắc (1965 – 1968) góp phần quyết định vào thắng lợi chống chiến lược chiến tranh nào của Mĩ ở miền Nam?

A. Chiến tranh cục bộ.

B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Việt Nam hoá chiến tranh.

D. Đông Dương hoá chiến tranh.

**Câu 425**. Lí do gì dưới đây đã buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẵn ném bom, bắn phá miền Bắc lần thứ nhất?

A. Nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới lên án.

B. Thất bại trong “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam.

C. Thiệt hại nặng trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

D. Thiệt hại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc năm 1968.

**Câu 426.** Ý nào dưới đây **không** phải là âm mưu của Mĩ trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất?

A. Cứu nguy cho chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam.

B. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân ta.

C. Phá tiềm lực kinh tế và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

D. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ Bắc vào Nam.

**Câu 428.** Điểm giống nhau cơ bản giữa Chiến tranh cục bộ và Việt Nam hóa chiến tranh là hình thức

A. chiến tranh xâm lược thực dân mới, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

B. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, nằm trong chiến lược toàn cầu của Mĩ.

C. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.

D. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Mỹ là chủ yếu.

**Câu 429.** Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ (1954-1975), thắng lợi nào của ta buộc Mĩ phải tuyên bố “Phi Mĩ hóa“ chiến tranh?

A. Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho).

B. Cuộc tiến công chiến lược 1972.

C. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi).

D. Cuộc tổng tiến công và nổi dây xuân Mậu Thân (1968).

**Câu 431**. Lực lượng nào dưới đây giữ vai trò quan trọng trong chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ (1965-1968)?

A. Quân đội Sài Gò B. Đồng minh Mĩ. C. Cố vấn Mĩ. D. Quân Mĩ.

**Câu 432.** Thắng lợi nào dưới đây đánh dấu sự phá sản chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965-1968) của Mĩ ở Việt Nam?

A. Tết Mậu Thân 1968. B. Vạn Tường 18-8-1965.

C. Núi Thành (Quảng Nam). D. Thắng lợi trong hai mùa khô.

**Câu 433.** Thắng lợi nào dưới đây buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari tháng 1/1973?

A. Cuộc tiến công chiến lược 1972.

B. Trận “ Điện Biên Phủ trên không” tháng 12-1972.

C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968.

D. Đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

**Câu 434.** Lí do gì dưới đây buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh”?

A. Chiến tranh cục bộ bị phá sản.

B. Chiến tranh đặc biệt bị phá sản.

C. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị sụp đổ.

D. Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai bị đánh bại.

**Câu 435.** Vì lí do gì dưới đây buộc Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pa-ri?

A. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại lần 1.

B. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc lần 2.

C. Bị đánh bất ngờ trong cuộc tập kích của ta vào Tết Mậu Thân 1968.

D. Bị thua đau trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm đánh phá miền Bắc.

**Câu 436.** Kết quả nào dưới đây **không** thuộc trận “Điện Biên Phủ trên không” tháng 12-1972?

A. Buộc Mĩ chấp nhận kí hiệp định Pari.

B. Mĩ chấm dứt Chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Đánh bại cuộc tập kích bằng máy bay B52 của Mĩ.

D. Mĩ tăng cường lực lượng cho chiến trường miền Nam.

**Câu 438.** Thắng lợi quan trọng của ba nước Đông Dương trên mặt trận ngoại giao chống “Việt Nam hóa chiến tranh”, “Đông Dương hóa chiến tranh”?

A. Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương quyết tâm đánh Mĩ.

C. Mĩ phải rút hết quân về nước.

D. Hiệp định Pari được kí kết.

**Câu 439.** Thủ đoạn ngoại giao nào dưới đây của Mĩ nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta?

A. Thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô.

B. Liên kết chặt chẽ với các nước Tây Âu.

C. Kêu gọi Liên hợp quốc ủng hộ Mĩ.

D. Thành lập khối SEATO.

**Câu 440.** Ngày 18 – 12- 1972, diễn ra sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Mĩ kí Hiệp định Pari.

B. Mĩ mở cuộc tập kích vào Hà Nội, Hải Phòng.

C. Ta mở cuộc tiến công chiến lược Năm 1972.

D. Mĩ chấm dứt chiến tranh phá hoại Miền Bắc.

**Câu 441.** Thắng lợi cơ bản của Việt Nam – Lào trên mặt trận quân sự trong chiến đấu chống ‘Việt Nam hóa chiến tranh”, “Đông Dương hóa chiến tranh”?

A. Đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

B. Đập tan âm mưu chia cắt Đông Dương của Mĩ.

C. Làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”.

D. Mĩ kí Hiệp định Pari.

**Câu 442.** Chiến lược chiến tranh nào của Mỹ được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương?

A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”

B. Chiến lược “chiến tranh tranh cục bộ”.

C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh, Đông Dương hóa chiến tranh”.

**Câu 443.** Được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao khi mới ra đời. Đó là

A. chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

B. chính phủ nước Cộng Hòa xã Hội chủ Nghĩa Việt Nam.

C. chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

D. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

**Câu 444.** Lực lượng nào sau đây là chủ yếu trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ?

A. Quân đội Mĩ.

B. Quân đội Sài Gòn.

C. Quân các nước đồng minh Mĩ.

D. Quân đội các nước Đông Dương.

**Câu 445.** Quân Mĩ rút dần khỏi chiến trường miền Nam trong chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh vì lí do nào dưới đây?

A. Quân đội Việt Nam Cộng hòa đủ sức chống cách mạng.

B. Giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường Việt Nam.

C. Mĩ thấy quá tốn kém về người và của.

D. Mĩ muốn kết thúc chiến tranh.

**Câu 446.** Trong những năm 1969 – 1973, phong trào nào dưới đây đã thu hút đông đảo giới trẻ tham gia?

A. Phong trào tư sản, học sinh. B. Phong trào học sinh, sinh viên.

C. Phong trào sinh viên, công nhân. D. Phong trào công nhân, tiểu tư sản.

**Câu 447.** Đến đầu năm 1971 cách mạng đã giành quyền làm chủ được bao nhiêu Ấp, bao nhiêu dân?

A. Thêm 3600 ấp với 3 triệu dân.

B. Thêm 2200 ấp với 3 triệu dân.

C. Thêm 3600 ấp với 2,5 triệu dân.

D. Thêm 2200 ấp với 2,5 triệu dân.

**Câu 448.** Điểm khác biệt lớn nhất giữa chiến lược “chiến tranh cục bộ” và “chiến tranh đặc biệt” là gì?

A. Được tiến hành bằng quân Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

B. Được tiến hành bằng quân đội Sài gòn, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân Mĩ.

C. Được tiến hành bằng quân Mĩ, trang bị kĩ thuật và phương tiện chiến tranh hiện đại.

D. Được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn với vũ khí, kĩ thuật và phương tiện chiến tranh của Mĩ.

**Câu 450.** Ý nào dưới đây là điểm khác biệt giữa chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và chiến lược “Chiến tranh cục bộ”?

A. Mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương.

B. Đều là hình thức chiến tranh thực dân mới.

C. Đều sử dụng quân đội Sài Gòn.

D. Các chiến lược đều thất bại.

**Câu 451.** Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968 của ta, Mĩ tuyên bố “ phi Mĩ hóa” chiến tranh tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược

A. Việt Nam hóa chiến tranh.

B. Chiến tranh một phía.

C. Chiến tranh đặc biệt.

D. Chiến tranh cục bộ.

**Câu 452.** Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) là gì?

A. Nâng cao uy tín của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

B. Khẳng định khả năng có thể đánh thắng Mĩ đã trở thành hiện thực.

C. Chiến thắng Vạn Tường được coi là “ Ấp Bắc” đối với quân Mĩ.

D. Cổ vũ quân và dân cả nước quyết tâm đánh thắng Mĩ.

**Câu 453.** Điểm khác biệt về âm mưu, thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” so với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là gì?

A. Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

B. Sử dụng các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.

C. Huy động lực lượng lớn quân Đồng minh của Mỹ tham gia.

D. Sử dụng quân đội Mỹ, quân Đồng minh và đánh phá miền Bắc.

**Câu 454**. Ý nghĩa lớn nhất của cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 là

A. mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến.

B. buộc Mĩ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. buộc Mĩ tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh xâm lược.

D. buộc Mĩ ngồi vào bàn đàm phán với ta tại hội nghị Pari.

**Câu 455.** Điểm khác nhau cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Chiến tranh đặc biệt” là

A. lực lượng quân đội Sài Gòn giữ vai trò quan trọng.

B. lực lượng quân Đồng minh giữ vai trò quan trọng.

C. lực lượng quân đội Mĩ giữ vai trò quan trọng.

D. sử dụng trang thiết bị, vũ khí của Mĩ.

**Câu 456.** Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng âm mưu, thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “ Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam?

A. Cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng của ta trở về phòng ngự, hoặc rút về biên giới.

B. Nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực, hỏa lực có thể áp đảo chủ lực của ta.

C. Mở những cuộc hành quân “tìm diệt” vào căn cứ của Quân giải phóng.

D. Dồn dân lập “ ấp chiến lược” coi đây là “xương sống” của chiến lược.

**Câu 458.** Ý nào dưới đây thể hiện sự khác nhau trong âm mưu của Mĩ giữa cuộc Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất và lần thứ hai?

A. Ngăn chặn sự chi viện từ ngoài vào miền Bắc, miền Bắc vào miền Nam.

B. Giành thắng lợi quyết định, buộc ta ký hiệp định có lợi cho Mĩ.

C. Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của nhân dân miền Bắc.

D. Uy hiếp tinh thần của nhân dân ta ở hai miền Nam – Bắc.

**Câu 459.** Điểm giống nhau cơ bản giữa ba loại hình chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam Việt Nam là gì?

A. Có cố vấn Mĩ chỉ huy, tranh thủ ngoại giao với Liên Xô, Trung Quốc để cô lập ta.

B. Sử dụng quân Sài Gòn do Mĩ chỉ huy, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.

C. Sử dụng quân Mĩ và Đồng minh, với sự viện trợ quân sự cho quân đội Sài Gòn.

D. Quân đội Mĩ và quân đội Sài Gòn mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

**Câu 460.** Nội dung nào dưới đây không thuộc Hiệp định Pari năm 1973?

A. Miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.

B. Hoa Kì cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

C. Các bên tham chiến thực hiện tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.

D. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

**Câu 461.** Nội dung nào dưới đây **không** phải là ý nghĩa của Hiệp định Pari?

A. Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao.

B. Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược.

C. Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

D. Là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất.

**Câu 462.** “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mĩ nhất định phải cút khỏi nước ta”.

Nội dung trên được trích dẫn từ tư liệu nào dưới đây?

A. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Thư Chúc tết năm 1968 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

C. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng.

D. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

**Câu 463.** Chiến thắng “Lam Sơn – 719” trong chiến lược “Việt Nam hóa”, “Đông Dương hóa” chiến tranh là thắng lợi chung của những nước nào dưới đây?

A. Việt Nam – Lào. B. Campu chia – Lào.

C. Việt Nam – Campuchia. D. Việt Nam – Lào – Campuchia.

**Câu 464.** Mĩ đã dùng thủ đoạn nào dưới đây nhằm phá vỡ khối liên minh đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Đông Dương?

A. Đảo chính lật đổ Chính phủ N. Xihanúc.

B. Sử dụng quân Campuchia tấn công Lào.

C. Viện trợ cho Chính phủ N. Xihanúc.

D. Hợp tác với quân dân Lào.

**Câu 465.** Mục đích của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn trong cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” là gì?

A. Cắt đôi chiến trường Đông Dương.

B. Chia cắt chiến trường miền Nam.

C. Cắt đôi chiến trường Việt Nam.

D. Cắt đôi chiến trường Lào.

**Câu 466.** Điểm mới về thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” so với “Chiến tranh cục bộ” là gì?

A. Dùng người Việt đánh người Việt.

B. Trực tiếp đưa quân viễn chinh Mĩ vào Đông Dương.

C. Sử dụng cố vấn quân sự, phương tiện chiến tranh của Mĩ.

D. Quân đội Sài Gòn được sử dụng như lực lượng xung kích ở Đông Dương.

**Câu 467.** Ngày 24 và 25 – 4 – 1970 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Chiến thắng “Lam Sơn – 719”.

B. Chính phủ N. Xihanúc bị lật đổ.

C. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

D. Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam ra đời.

**Câu 468.** Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vừa ra đời được bao nhiêu nước công nhận?

A. 21 nước công nhận. B. 22 nước công nhận.

C. 23 nước công nhận. D. 24 nước công nhận.

**Câu 469**. Điểm mới của “chiến tranh cục bộ” so với “chiến tranh đặc biệt” là gì?

A. Có sự tham gia của quân đội Mĩ và quân Đồng minh.

B. Phạm vi chiến tranh lan rộng khắp Đông Dương.

C. Sự tham gia quân đội Sài Gòn với viện trợ Mĩ.

D. Mức độ chiến tranh tương đối ác liệt.

**Câu 470.** Cầu Mĩ Thuận ở Đồng bằng sông Cửu Long do một Đồng minh của Mĩ từng tham chiến tại miền Nam (1965-1968) xây dựng là quốc gia nào dưới đây?

A. Hàn Quốc. B. Thái Lan. C. Philippin. D. Ôxtrâylia.

**Câu 471**. Bài học gì được Mỹ rút ra từ thất bại trong “chiến tranh đặc biệt”, cho “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam?

A. Mở rộng chiến tranh toàn Đông Dương.

B. Cần tiếp tục tăng cường chiến tranh xâm lược.

C. Quân Mĩ và đồng minh của Mĩ trực tiếp tham chiến.

D. Vận động Quốc hội Mĩ ủng hộ cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

**Câu 472.** Mĩ đã rút ra bài học gì sau cuộc nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 của quân giải phóng miền Nam Việt Nam?

A. Tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược và tranh thủ ngoại giao.

B. Bình định miền Nam bằng ấp chiến lược và phá hoại miền Bắc.

C. Tiếp tục phá hoại miền Bắc và mở rộng chiến tranh sang Campuchia.

D. Đề ra chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh và Đông Dương hóa chiến tranh.

**Câu 477.** Loại hình “Việt Nam hóa chiến tranh” nằm trong chiến lược nào dưới đây của Mĩ?

A. Chiến lược toàn cầu. B. Chiến lược dăn đe thực tế.

C. Chiến lược phản ứng linh hoạt. D. Chiến lược cam kết và mở rộng.

**Câu 478.** Điểm khác biệt trong đấu tranh ngoại giao của ta ở giai đoạn 1969 – 1973 so với giai đoạn 1965 – 1968 là gì?

A. Từng bước đàm phán và rút hết quân về nước.

B. Từng bước đàm phán và phá bỏ các căn cứ quân sự.

C. Từng bước đàm phán và buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari.

D. Từng bước đàm phán và buộc Mĩ ngừng ném bom phá hoại miền Bắc.

**Câu 479.** Điểm giống nhau cơ bản giữa các chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, “Chiến tranh cục bộ”, “Chiến tranh đặc biệt” là gì?

A. Quân Mĩ giữ vai trò quan trọng. B. Đều dùng quân đồng minh của Mĩ.

C. Quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ yếu. D. Đều là chiến tranh xâm lược thực dân mới.

**Câu 480.** Điều khoản nào dưới đây trong Hiệp định Pari có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam?

A. Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền.

B. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ.

C. Hoa kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống phá miền Bắc Việt Nam.

D. Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự.

**Câu 481.** Việc hàn gắn vết thương chiến tranh được ghi trong nội dung của Hiệp định Pari so với Hiệp định Giơnevơ là gì?

A. Hoa Kì cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh ở Đông Dương.

B. Hoa Kì cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Nam Việt Nam.

C. Hoa Kì cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Nam Đông Dương.

D. Hoa Kì cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

**Câu 482.** Việc quyết định tương lai chính trị ở miền Nam Việt Nam được ghi trong nội dung của Hiệp định Pari so với Hiệp định Giơnevơ là gì?

A. Dưới sự giám sát của Ủy ban quốc tế.

B. Không có sự can thiệp của nước ngoài.

C. Dưới sự giám sát của Tổng thư kí Liên hợp quốc.

D. Dưới sự giám sát của Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp.

**Câu 483.** Từ kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao ở Hiệp định Pari, Đảng ta đã rút ra bài học kinh nghiệm gì cho vấn đề ngoại giao hiện nay?

A. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao.

B. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, kinh tế và ngoại giao.

C. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh văn hóa, chính trị và ngoại giao.

D. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, binh vận và ngoại giao.

**Câu 484.** Âm mưu của Mĩ và chính quyền Sài Gòn sau Hiệp định Pari năm 1973 là

A. phá hoại miền bắc.

B. biến miền Nam thành quốc gia tự trị.

C. phá hoại Hiệp định Pari, tiếp tục chiến tranh.

D. chuẩn bị lực lượng đánh chiếm vùng giải phóng.

**Câu 485.** Hành động của Mĩ ở miền Nam sau Hiệp định Pari 1973 là muốn

A. Mĩ hóa trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

B. rút hết quân đội và cố vấn quân sự khỏi miền Nam.

C. thỏa hiệp với Liên Xô, Trung Quốc gây khó khăn cho ta.

D. giữ lại 2 vạn cố vấn, lập bộ chỉ huy quân sự, viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

**Câu 486.** Hành động phá hoại Hiệp định Pari (1973) của chính quyền Sài Gòn là gì?

A. Đàn áp, khủng bố những hoạt động yêu nước của nhân dân miền Nam.

B. Mở các cuộc hành quân “ bình định – lấn chiếm” vùng giải phóng.

C. Tổ chức những cuộc hành quân tìm diệt, đánh vào căn cứ của ta.

D. không tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

**Câu 487.** Để phá hoại Hiệp định Pari 1973, chính quyền Sài Gòn đã tiến hành chiến dịch

A. “ trả đũa ồ ạt”. B. “ tìm diệt và bình định”.

C. “ tràn ngập lãnh thổ”. D. “ bình định lấn chiếm”.

**Câu 488.** Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7 – 1973) đã nhận định kẻ thù của cách mạng miền Nam là?

A. Chính quyền Sài Gòn.

B. Mĩ và đồng minh của Mĩ.

C. Đồng minh của Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

D. Đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

**Câu 489.** Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 (7 – 1973) đã nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là gì?

A. Xây dựng và củng cố vùng giải phóng.

B. Thực hiện triệt để “ người cày có ruộng”.

C. Tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. Đòi Mĩ và chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Pari.

**Câu 490.** Cuối 1974 đầu 1975 ta mở hoạt động quân sự ở Nam Bộ với trọng tâm là khu vực nào dưới đây?

A. Phan Rang và Ninh Thuận.

B. Xuân Lộc và Long Khánh.

C. Tây Ninh và Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

**Câu 491.** Từ sau Hiệp định Pari,Nhân dân miền Nam đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị với mục tiêu

A. đòi Mĩ rút quân về nước, thi hành các quyền tự do dân chủ.

B. đòi Mĩ – Thiệu thi hành Hiệp định Pari, thực hiện các quyền tự do dân chủ.

C. đòi Mĩ – Thiệu thi hành Hiệp định Pari, thực hiện các quyền tự do dân chủ, lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

D. đòi các quyền tự do dân chủ, đòi Mĩ rút về nước, chống đàn áp, lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

**Câu 492.** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 trải qua 3 chiến dịch lớn là những chiến dịch nào dưới đây?

A. Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng.

B. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

C. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

D. Tây Nguyên, Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng.

**Câu 493.** Hướng nào sau đây được chọn là hướng tiến công trọng yếu của ta trong mùa Xuân năm 1975?

A. Huế. B. Quảng Trị. C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 494.** Sự kiện lịch sử diễn ra lúc 11h30 phút ngày 30 – 04 – 1975 là gì?

A. Quân ta nổ súng bắt đầu mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

B. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức.

C. Xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập.

D. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

**Câu 495.** Tỉnh nào dưới đây là địa phương cuối cùng của miền Nam được giải phóng?

A. Cà Mau. B. Rạch Giá. C. Châu Đốc. D. Bạc Liêu.

**Câu 496.** Hoàn cảnh lịch sử nào sau đây tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng miền Nam kể từ đầu năm 1973?

A. Mĩ tuyên bố ngừng ném bom đánh phá hoàn toàn miền bắc.

B. Mĩ kí Hiệp định Pari và rút quân đội ra khỏi nước ta.

C. Mĩ kí Hiệp định Viêng Chăn lập lại hòa bình ở Lào

D. Vùng giải phóng của ta được mở rộng và lớn mạnh.

**Câu 497.** Hành động phá hoại Hiệp định Pari của chính quyền Sài Gòn là gì?

A. Củng cố niềm tin cho binh lính Sài Gòn.

B. Thực hiện chiến lược phòng ngự “ quét và giữ”.

C. Hỗ trợ cho “chiến tranh đặc biệt tăng cường” ở Lào.

D. Tiếp tục chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh” của Nich xơn.

**Câu 498.** Thắng lợi quân sự nào dưới đây có ý nghĩa chiến lược trong hoạt động quân sự ở Nam Bộ cuối 1974 đầu 1975 của quân và dân miền Nam?

A. Giải phóng toàn tỉnh Bến Tre.

B. Giải phóng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

C. Giải phóng đường số 14 và toàn tỉnh Phước Long.

D. Giải phóng Xuân Lộc và toàn bộ tỉnh Phước Long.

**Câu 499.** Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong điều kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Quân Mỹ và quân đội Sài Gòn bắt đầu suy yếu.

B. Chính quyền và quân đội Sài Gòn bắt đầu khủng hoảng và suy yếu.

C. Tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam phần nào có lợi cho cách mạng nước ta.

D. Tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, ta mạnh hơn địch cả về thế và lực.

**Câu 500.** Thắng lợi đó “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại ở thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

Nhận định trên nói về thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam?

A. Thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

B. Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

C. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954).

D. Thắng lợi trong Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 501.** Nội dung nào sau đây **không** thuộc ý nghĩa của chiến thắng Phước Long (06 – 01 – 1975)?

A. Chứng tỏ sụ suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn.

B. Chứng minh sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân ta.

C. Làm thất bại hoàn toàn chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. Củng cố quyết tâm của Đảng ta trong việc đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

**Câu 502.** Nội dung nào sau đây **không** phải lí do để Hội nghị ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (7 – 1973) khẳng định phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng?

A. Chính quyền và quân đội Sài Gòn mở chiến dịch “ tràn ngập lãnh thổ”.

B. Phía ta rất coi trọng đến vấn đề hòa bình và hòa hợp dân tộc.

C. Mĩ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pari.

D. Mĩ tuyên bố “ Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.

**Câu 503.** Tính đúng đắn, linh hoạt trong lãnh đạo của Đảng qua chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam được thể hiện ở nội dung cơ bản nào dưới đây?

A. Trong năm 1975 tiến công địch trên quy mô rộng lớn.

B. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để giải phóng miền Nam trong năm 1975.

C. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

D. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

**Câu 504.** Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước có ý nghĩa quốc tế to lớn đã

A. tác động đến nước Mĩ, cổ vũ phong trào cách mạng thế giới.

B. tác động đến tình hình thế giới.

C. tác động đến nước Mĩ và thế giới.

D. làm thay đổi cục diện chính trị thế giới.

**Câu 506**. Phương châm tác chiến của quân và dân ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh (4/1975) là gì?

A. “tiến ăn chắc, đánh ăn chắc”.

B. “đánh nhanh, giải quyết nhanh”.

C. “cơ động, linh hoạt, chắc thắng”.

D. “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

**Câu 507.** “Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam” là nhận định của Đảng ta sau thắng lợi của chiến dịch nào dưới đây?

A. Chiến dịch Tây Nguyên.

B. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

C. Chiến dịch Đường 14 – Phước Long.

D. Chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

**Câu 508.** Vì sao Đảng chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975?

A. Tây Nguyên là địa bàn quan trọng, lực lượng địch quá mỏng, lực lượng ta mạnh.

B. Tây Nguyên là địa bàn xa chiến trường chính, lực lượng địch ở đây mỏng và bố phòng sơ hở.

C. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, nhưng do nhận định sai hướng tiến công của ta địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng, bố phòng sơ hở.

D. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mạnh, nhưng bố phòng sơ hở.

**Câu 509.** Vì sao trong chiến dịch Tây Nguyên (3-1975) ta chọn Buôn Ma Thuật đánh trận mở màn?

A. Địch bố phòng có nhiều sơ hở.

B. Lực lượng địch ở đây quá mỏng.

C. Lực lượng của ta ở đây rất mạnh.

D. Có vị trí chiến lược, then chốt ở Tây Nguyên.

**Câu 510.** Ý nghĩa lớn nhất của thắng lợi ở chiến dịch Tây Nguyên là gì?

A. Từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên, ta mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

B. Giải phóng được Tây Nguyên rộng lớn, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

C. Từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

D. Đẩy quân đội Sài Gòn vào thế tuyệt vọng, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

**Câu 511.** Chiến dịch nào dưới đây có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

A. Chiến dịch Tây Nguyên. B. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng. D. Chiến dịch Đường 14 – Phước Long.

**Câu 512.** Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến dịch Huế - Đà Nẵng là gì?

A. Đẩy quân đội Sài Gòn vào thế tuyệt vọng.

B. Phá tan âm mưu co cụm chiến lược của quân đội Sài Gòn.

C. Tạo thời cơ chiến lược cho ta mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa.

D. Làm sụp đổ hệ thống phòng ngự chiến lược của chính quyền Sài Gòn ở miền Trung.

**Câu 513**. Điểm giống nhau giữa chiến dịch Điên Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

A. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang.

B. đập ta hoàn toàn đầu não và sào huyệt cuối cùng của địch.

C. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng.

D. những thắng lợi có ý nghĩa quyết định kết thúc cuộc kháng chiến.

**Câu 514.** Ý nghĩa lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975) của dân tộc ta là là gì?

A. Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc.

B. Kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc.

C. Mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập thống nhất, đi lên Chủ nghĩa xã hội.

D. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong phạm vi cả nước.

**Câu 515**. Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) là thắng lợi có tính thời đại vì lí do cơ bản gì dưới đây?

A. Làm đảo lộn hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.

B. Đánh bại các kế hoạch chiến tranh xâm lược của Mỹ.

C. Tạo thời cơ lớn cho cách mạng Lào và Campuchia giành thắng lợi.

D. Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới có quy mô lớn nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

**Câu 516.** Điểm giống nhau về âm mưu trong các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam từ năm 1961 đến năm 1973 là

A. thực hiện chính sách bình định, nhằm chiếm đất, giành dân.

B. nhằm thí điểm chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của Mỹ.

C. biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ.

D. chia cắt lâu dài nước Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa của Mỹ.

**Câu 517**.Điểm giống nhau về vai trò của quân Mỹ trong các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam từ năm 1961 đến năm 1973 là gì?

A. Trực tiếp chiến đấu.

B. Giữ vai trò cố vấn chỉ huy.

C. Vừa cố vấn chỉ huy vừa trực tiếp tham chiến.

D. Vừa cố vấn chỉ huy vừa phối hợp trong chiến đấu.

**Câu 518.** Đường lối nhất quán, xuyên suốt của Đảng ta trong thời kỳ 1954 – 1975 là đồng thời

A. tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc.

B. tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng.

D. tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng DTDCND ở miền Nam.

**Câu 519.** Điểm giống nhau cơ bản giữa Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của BCHTW (1-1959) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của BCHTW Đảng Lao động Việt Nam (7-1973) là

A. khởi nghĩa giành chính quyền bằng đấu tranh chính trị là chủ yếu.

B. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. khẳng định con đường cách mạng bằng bạo lực.

D. tiếp tục đấu tranh chính trị, hòa bình là chủ yếu.

**Câu 520.** Nguyên nhân cơ bản dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là gì?

A. Có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.

B. Truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân nhân ta.

C. Tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân hai miền Nam – Bắc.

D. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**Câu 521.** Nét độc đáo về nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là gì?

A. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

B. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

C. Kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng, tiến công và nổi dậy.

D. Kết hợp cuộc đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao.

**Câu 522.** Chiến dịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 vì lí do gì dưới đây?

A. Đập tan đầu não và sào huyệt cuối cùng của chính quyền và quân đội Sài Gòn.

B. Đánh bại hoàn toàn chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” của quân đội Sài Gòn.

C. Mở ra quá trình sụp đổ hoàn toàn của chính quyền và quân đội Sài Gòn.

D. Làm cho chính quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn.

**Câu 523.** Nét tương đồng về nghệ thuật quân sự của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là gì?

A. Đánh từng bước, tiêu diệt từng cứ điểm của địch.

B. Chia cắt địch, từng bước đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

C. Bao vây, chia cắt, tổng công kích đánh chiến các cơ quan đầu não của địch.

D. Thọc sâu vào trung tâm thành phố đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

**Câu 524.** So với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) có gì khác về hình thức tiến công?

A. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang.

B. Là cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng.

C. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang, có sự hỗ trợ của lực lượng biệt động.

D. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang, có sự hỗ trợ của lực lượng chính trị.

**Câu 525**. Điểm giống nhau về quy mô giữa chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là gì?

A. Tấn công vào tập đoàn cứ điểm mạnh.

B. Huy động đến mức cao nhất về lực lượng.

C. Sử dụng hầu hết các binh chủng, quân chủng.

D. Tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ cơ quan đầu não của địch.

**Câu 526.** Bài học cơ bản xuyên suốt, trở thành nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay là gì?

A. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.

B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

C. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

**Câu 527.** Đường lối chiến lược cách mạng xuyên suốt của Đảng ta từ 1930 đến nay là gì?

A. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

B. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. Cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng.

D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

**Câu 528**. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò lớn nhất đối cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được thể hiện là

A. đánh bại hai cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ, phối hợp và chi viên cho miền Nam.

B. bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

C. hoàn thành nghĩa vụ hậu phương đối với tiền tuyến miền Nam và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia.

D. phối hợp với cuộc chiến đấu ở miền Nam, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mĩ.

**Câu 529.** Thành tựu chủ yếu của miền Bắc trong hơn 20 năm tiến hành xây dựng Chủ nghĩa xã hội (1954-1975) là gì?

A. Xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa cộng sản.

D. Xây dựng xong cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

C. Bước đầu xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

D. Chuẩn bị xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

**Câu 530.** Những cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mĩ để lại hậu quả gì đối với miền Bắc?

A. Nền kinh tế phát triển mất cân đối.

B. Làm chậm quá trình tiến lên sản xuất lớn.

C. Tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.

D. Cản trở công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

**Câu 532**.Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc ngay sauđại thắng mùa Xuân 1975 là gì?

A. Hàn gắn vết thương chiến tranh.

B. Tiếp tục làm nhiệm vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước.

C. Tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.

D. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 533.** Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975) đã đề ra nhiệm vụ gì dưới đây?

A. Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

C. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Bắc – Nam.

D. Hoàn thành công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh.

**Câu 535.** Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn đã

A. quyết định đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

B. thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

C. bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất, Ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam.

D. nhất trí hoàn toàn các chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

**Câu 536.** Tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại sự kiện chính trị nào dưới đây?

A. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (4-1976).

B. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).

C. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975).

D. Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (7-1976).

**Câu 537.** Ngày 20-9-1977, gắn liền với sự kiện Việt Nam tham gia tổ chức quốc tế nào dưới đây?

A. Liên hợp quốc.

B. Tổ chức Thương mại quốc tế.

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

**Câu 538.** Thành tựu ngoại giao quan trọng của nước ta trong năm 1977 là gì?

A. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mĩ.

B. Trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

C. Gia nhập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

D. Được 94 nước chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

**Câu 539.** Vì sao nước ta phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau đại thắng mùa Xuân 1975?

A. Chống lại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

B. Do mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

C. Đảng cần có cơ quan quyền lực chung cho nhân dân cả nước.

D. Nhân dân hai miền mong muốn có một chính phủ thống nhất.

**Câu 540.** Tên nước, Quốc kỳ, Quốc huy, Thủ đô được chính thức thông qua tại sự kiện chính trị nào dưới đây?

A. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (4-1976).

B. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương (9-1975).

C. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).

D. Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (7-1976).

**Câu 541.** Ngày 20-9-1977 diễn ra sự kiện nào sau đây?

A. Việt Nam bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mĩ.

B. Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

C. Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

D. Việt Nam hoàn thành công cuộc cải tạo Xã hội chủ nghĩa.

**Câu 542.** Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975) đã đề ra nhiệm vụ gì dưới đây?

A. Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

C. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Bắc – Nam.

D. Hoàn thành công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 543.** Ý nghĩa cơ bản của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước là gì?

A. Đưa miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.

B. Tạo điều kiện thống nhất các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

C. Là cơ sở để Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

D. Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

**Câu 544.** Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã tạo điều kiện cho

A. cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

B. cả nước phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

C. Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

D. việc nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

**Câu 545.** Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của nước ta là gì?

A. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.

C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. Khắc phục hậu quả chiến tranh và khôi phục phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 547.** Kết quả lớn nhất của kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI nước Việt Nam là gì?

A. Bầu ra Ban dự thảo Hiến pháp.

B. Bầu ra Hội đồng nhân dân các cấp.

C. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

**Câu 548.** Nguyện vọng chính đáng nhất của nhân dân hai miền Bắc – Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975 là gì?

A. Mong muốn đất nước thống nhất về mặt lãnh thổ.

B. Muốn nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh.

C. Muốn mở rộng quan hệ với nhiều nước trên thế giới.

D. Mong muốn có một cơ quan quyền lực chung cho nhân dân cả nước.

**Câu 549.** Sau đại thắng mùa Xuân 1975, tổ chức bộ máy nhà nước ở Việt Nam có đặc điểm gì?

A. Tồn tại sự chia rẽ, phân biệt giữa hai miền.

B. Đất nước đã được thống nhất về mặt nhà nước.

C. Tổ Quốc Việt Nam được thống nhất về mặt lãnh thổ.

D. Mỗi miền vẫn tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

**Câu 550.** Nội dung nào **không** thuộc Nghị quyết của kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI?

A. Quyết định đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

B. Bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của nước Việt Nam thống nhất.

C. Thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

D. Nhất trí hoàn toàn các chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

**Câu 552.** Sự kiện nào đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước?

A. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

C. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

D. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong toàn quốc.

**Câu 553.** Đặc điểm cơ bản của nông nghiệp miền Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975 là

A. tập thể hóa nông nghiệp.

B. sản xuất nhỏ và phân tán.

C. Nông nghiệp, sản xuất lớn và tập trung.

D. phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

**Câu 559.** Nội dung nào sau đây **không** phải khó khăn lớn của miền Nam sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ?

A. Đội ngũ thất nghiệp đông.

B. Hậu quả của chiến tranh phá hoại.

C. Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá.

D. Những tàn dư của chế độ cũ vẫn tồn tại.

**Câu 560.** Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau năm 1975?

A. Mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

B. Mở ra những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.

C. Là cơ sở để hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

D. Tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

**Câu 561.** Sự kiện nào là cơ bản trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975?

A. Đại hội thống nhất Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.

C. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu hai miền Bắc – Nam.

D. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thông nhất kì họp đầu tiên.

**Câu 564.** Nội dung nào **không** là tình hình chính trị, xã hội miền Nam sau 1975?

A. Những di sản của xã hội cũ vẫn tồn tại.

B. Cơ sở chính quyền thực dân mới vẫn tồn tại.

C. chính quyền TW của chế độ cũ vẫn còn tồn tại.

D. Chế độ thực dân mới của Mĩ cùng bộ máy chính quyền trung ương bị sụp đổ.

**Câu 565.** Việc làm quan trọng để ổn định hệ thống chính trị sau đại thắng mùa Xuân 1975 là gì?

A. Xóa bỏ chính quyền cũ.

B. Giải tán các đảng phái thân Mĩ.

C. Thành lập chính quyền địa phương.

D. Thành lập chính quyền cách mạng và đoàn thể các cấp.

**Câu 566.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh ý nghĩa của hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976?

A. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

B. Đập tan những âm mưu chống phá của kẻ thù.

C. Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho nhà nước cách mạng tồn tại.

D. Phát huy tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.

**Câu 567.** Điểm giống nhau về hoàn cảnh lịch sử diễn ra hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976?

A. Đối mặt với những nguy cơ đe dọa của thù trong, giặc ngoài.

B. Tình hình đất nước có những điều kiện thuận lợi về kinh tế - xã hội.

C. Được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân loại trên thế giới.

D. Được tiến hành ngay sau những thắng lợi to lớn của kháng chiến chống ngoại xâm.

**Câu 568.** Bước tiến lớn của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1976 so với cuộc cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 là gì?

A. Cử tri tham gia bầu cử tăng.

B. Đại biểu được bầu nhiều hơn.

C. Chế độ dân chủ nhân dân được củng cố vững chắc.

D. Nguyện vọng của nhân dân được đáp ứng đầy đủ.

**Câu 569.** Sau Đại thắng mùa xuân năm 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của nước ta là

A. thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

C. ổn định tình hình chính trị ở miền Nam.

D. khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.

**Câu 570.** Tinh thần nào dưới đây được phát huy qua hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976?

A. Đại đoàn kết dân tộc. B. Đoàn kết quốc tế vô sản.

C. Yêu nước chống ngoại xâm. D. Kiên cường vượt qua khó khăn gian khổ.

**Câu 571.** So với thời điểm sau năm 1954, tình hình miền Nam sau năm 1975 có gì nổi bật?

A. Hoàn toàn giải phóng.

B. Là thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

C. Mĩ dựng lên chế độ Ngô Đình Diệm.

D. Bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh phá hoại của Mĩ.

**Câu 572.** Điều kiện tiên quyết để đất nước tiến lên chủ nghĩa hội là

A. Tự do. B. Độc lập.

C. Dân chủ. D. Độc lập và thống nhất.

**Câu 573.** Ý nào sau đây **không** phải là điểm giống nhau giữa kì bầu cử Quốc hội 1976 với kì bầu cử Quốc hội 1946?

A. Phát huy tinh thần yêu nước và ý thức công dân.

B. Được tiến hành ngay sau những thắng lợi to lớn của cách mạng.

C. Được tiến hành trên cả nước bằng phương pháp phổ thông đầu phiếu.

D. Nhằm củng cố chế độ dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

**Câu 574**. Ai là người được bầu làm chủ tịch nước đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

A. Trần Phú. B. Trường Chinh.

C. Tôn Đức Thắng. D. Nguyễn Văn Cừ.

**Câu 1.** Chiến tranh biên giới Tây Nam bùng nổ khi nào ?

A. Ngày 3 - 5 – 1975.

B. Ngày 10-5- 1975.

C. Ngày 22- 12- 1978.

D. Ngày 1- 1-1979.

**Câu 2.**Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc đã diễn ra trên quy mô bao nhiêu tỉnh?

A. 4              B. 5              C. 6             D. 7

**Câu 3.** Quân đội nhân dân Việt Nam đã giúp các lực lượng cách mạng Cam-pu-chia giải phóng thủ đô Phnôm Pênh vào thời gian nào?

A. Ngày 22 - 12 - 1978.

B. Ngày 7 - 1 - 1979.

C. Ngày 17 - 2 - 1979.

D. Ngày 18 - 3 - 1979.

**Câu 4.** Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân ta có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng Cam-pu-chia giành thắng lợi.

B. Tiêu diệt hoàn toàn chế độ Pôn-pốt - Iêng-xê-ri.

C. Tăng cường tình đoàn kết của ba nước Đông Dương.

D. Tạo nên sức mạnh tổng hợp của nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia.

**Câu 575.** Trong bối nào dưới đây, Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới (1986)?

A. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất – kĩ thuật lạc hậu, năng suất lao động thấp.

B. Năng suất lao động và hiệu quả kinh tế chưa cao, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

C. Nền kinh tế còn mất cân đối, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm.

D. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế-xã hội.

**Câu 576.** Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh quốc tế như thế nào?

A. Tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước có nhiều thay đổi, Liên Xô và các nước XHCN lâm vào khủng hoảng toàn diện, trầm trọng.

B. Hệ thống XHCN thế giới sụp đổ, Liên Xô tan rã, phong trào cách mạng thế giới thoái trào.

C. Hòa bình thế giới được củng cố, nhưng xung đột, khủng bố vẫn diễn ra ở một số khu vực.

D. Chiến tranh lạnh kết thúc, quan hệ quốc tế chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

**Câu 577.** Đại hội nào dưới đây của Đảng ta đã mở đầu cho công cuộc đổi mới đất nước?

A. Đại hội V (1982). B. Đại hội VI (1986).

C. Đại hội VII (1991). D. Đại hội VIII (1996).

**Câu 578**. Đường lối đổi mới của Đảng được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại các kì đại hội nào dưới đây của Đảng?

A. Đại hội IV, Đại hội V, Đại hội VI.

B. Đại hội V, Đại hội VI, Đại hội VII.

C. Đại hội VII, Đại hội VIII, Đại hội IX.

D. Đại hội V, Đại hội VI, Đại hội VIII.

**Câu 579.** Ba chương trình kinh tế nào được đưa ra trong kế hoạch nhà nước 5 năm 1986-1990?

B. Vườn- Ao -Chuồng.

A. Nông-Lâm -Ngư nghiệp

C. Lương thực-thực phẩm -Hàng xuất khẩu.

D. Lương thực-Thực phẩm-Hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

**Câu 580.** Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới kinh tế là

A. phát triển kinh tế nhiều thành phần, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

B. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thương nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh.

D. xây dựng một bước về cơ sở vật chất-kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, hình thành cơ cấu kinh tế mới.

**Câu 581.** Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới chính trị là

A. đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, từ kinh tế-chính trị đến tổ chức.

B. phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng con người mới.

C. xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

D. đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới về chính trị, pháy huy quyền làm chủ của nhân dân.

**Câu 582.** Đường lối đổi mới của Đảng ta là đổi mới toàn diện, nhưng trọng tâm là đổi mới trong lĩnh vực nào dưới đây?

A. Chính trị B. Kinh tế.

C. Văn hóa. D. Xã hội.

**Câu 583.** Công cuộc đổi mới đất nước giai đoạn (1986-1990) bước đầu đạt được thành tựu, trước tiên trong việc thực hiện các mục tiêu của

A. Ba chương trình kinh tế. B. kinh tế đối ngoại.

C. tài chính-tiền tệ. D. kinh tế-xã hội.

**Câu 584.** Thành tựu cơ bản bước đầu đạt được của công cuộc đổi mới giai đoạn (1986-1990) trong việc thực hiện các mục tiêu của

A. Ba chương trình kinh tế lớn. B. kinh tế đối ngoại.

C. tài chính-tiền tệ. D. kinh tế-xã hội.

**Câu 585.** Hạn chế cơ bản của công cuộc đổi mới giai đoạn (1986-1990) trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển là gì?

A. Trình độ khoa học và công nghệ chuyển biến chậm.

B. Hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động thấp.

C. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất-kĩ thuật lạc hậu.

D. Nền kinh tế còn mất cân đối, lạm phát vẩn ở mức cao, hiệu quả kinh tế thấp.

**Câu 586.** Đại hội nào của Đảng ta đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

A. Đại hội V (1982). B. Đại hội VI (1986).

C. Đại hội VII (1991). D. Đại hội VIII (1996).

**Câu 587.** Thành công lớn của ngoại giao Việt Nam trong năm 1995 là gì?

A. Việt Nam gia nhập WTO

B. Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc.

C. Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN

D. Việt Nam gia nhập diễn đàn kinh tế Châu Á Thái Binh Dương

**Câu 588.** Thành tựu kinh tế đối ngoại cơ bản của Việt Nam trong giai đoạn 1986-1990 là

A. hàng xuất khẩu tăng gấp 1,5 lần

B. hàng xuất khẩu tăng gấp 2 lần

C. hàng xuất khẩu tăng gấp2,5 lần

D. hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần

**Câu 589.** Điền thêm từ còn thiếu vào câu sau: Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng về nhiệm vụ kế hoạch của nhà nước 5 năm 1996-2000 là: Đẩy mạnh công cuộc đổi mới ……………tiếp tục phát triển kinh tế hàng hóa.

A. đất nước.

B. sâu rộng.

C. một cách toàn diện và đồng bộ.

D. trên mọi lĩnh vực kinh tế chính trị.

**Câu 590.** Đại hội nào dưới đây của Đảng đã nhận định nước ta đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội?

A. Đại hội V (1982). B. Đại hội VI (1986).

C. Đại hội VII (1991). D. Đại hội VIII (1996).

**Câu 591.** Thực hiện kế hoạch 5 năm (1996-2000), cơ cấu các ngành kinh tế nước ta có sự chuyển biến như thế nào?

A. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng công-nông kết hợp.

B. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

C. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

D. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, nông nghiệp hóa.

**Câu 592**. Thành tựu quan trọng của Việt Nam trong kế hoạch 5 năm (1991-1995) trong lĩnh vực đối ngoại là gì?

A. Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, tham gia tích cực vào các hoạt động của quốc tế.

B. Đấu tranh ngoại giao, góp phần chấm dứt cuộc nội chiến ở Campuchia.

C. Củng cố và tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á.

D. Củng cố và tăng cường quan hệ với các nước Đông Âu.

**Câu 593.** Đại hội nào của Đảng có chủ trương “tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”?

A. Đại hội V (1982). B. Đại hội IX (2001).

C. Đại hội VI (1986). D. Đại hội VIII (1996).

**Câu 594.** Ý nghĩa cơ bản to lớn của thành tựu về kinh tế-xã hội nước ta trong 15 năm (1986-2000) thực hiện đường lối đổi mới là

A. tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, nhưng khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.

B. hàng hóa trên thị trường đồi dào, lưu thông thuận lợi, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước.

C. hệ thống chính trị đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử.

D. tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân.

**Câu 595.** Khó khăn, yếu kém chủ yếu về kinh tế - xã hội của nước ta sau 15 năm (1986-2000) thực hiện đường lối đổi mới là gì?

A. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất còn lạc hậu.

B. Hiệu quả nền kinh tế quốc dân thấp, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

C. Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm.

D. Kinh tế Nhà nước chưa được củng cố tương ứng với vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể chưa mạnh.

**Câu 596.** Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước bước đầu hình thành sau khi thực hiện

A. kế hoạch 5 năm (1980-1985).

B. kế hoạch 5 năm (1986-1990).

C. kế hoạch 5 năm (1991-1995).

D. kế hoạch 5 năm (1996-2000).

**Câu 597.** Những hạn chế nào sau đây về kinh tế- xã hội của công cuộc đổi mới (1986) là gì?

A. Kinh tế còn mất cân đối, lạm phát cao.

B. Kinh tế còn mất cân đối, lao động thiếu việc làm tăng.

C. Kinh tế còn mất cân đối, một số lĩnh vực văn hóa xuống cấp.

D. Kinh tế còn mất cân đối, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

**Câu 598.** Tại Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đã bầu ai làm Tổng bí thư?

A. Trường Chinh. B. Nguyễn Văn Linh.

C. Võ Văn Kiệt. D. Đỗ Mười.

**Câu 599.** Những thành tựu đạt được bước đầu của công cuộc đổi mới giai đoạn (1986-1990) chứng tỏ điều gì?

A. Quan hệ đối ngoại của ta được mở rộng, phá thế bị bao vây.

B. Đường lối đổi mới phát huy được sức mạnh của quần chúng nhân dân.

C. Đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.

D. Nội dung và phương thức hoạt động trong hệ thống chính trị có một số đổi mới.

**Câu 600.** Đại hội nào dưới đây của Đảng ta đã khẳng định nước ta đã chuyển sang thời kì phát triển mới, thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa?

A. Đại hội V (1982). B. Đại hội VI (1986).

C. Đại hội VIII (1996). D. Đại hội IX (2001).

**Câu 601.** Chủ trương đổi mới về kinh tế được Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đề ra là gì?

A. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

B. Phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp.

C. Phát triển công-nông nghiệp, thủ công nghiệp theo hướng hang hóa.

D. Phát triển kinh tế hang hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.

**Câu 602.** Thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995, nhân dân ta đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực tài chính?

A. Đồng tiền bị phá giá, ngân sách thiếu hụt.

B. Lạm phát ở mức cao, thiếu hụt ngân sách cao.

C. Lạm phát được đẩy lùi, thiếu hụt ngân sách được kiềm chế.

D. Nạn lạm phát từng bước được đẩy lùi, tỉ lệ thiếu hụt ngân sách được kiềm chế.

**Câu 603.** Lí do nào dưới đây buộc Đảng ta phải tiến hành công cuộc đổi mới đất nước?

A.Tình hình trong nước có nhiều thuận lợi, Đảng đổi mới để nắm bắt thời cơ.

B. Đất nước lâm vào khủng hoảng toàn diện, tình hình thế giới có nhiều thuận lợi.

C. Đất nước đang trên đà phát triển và được sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Để khắc phục sai lầm, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng và đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 604.** Vì sao trong giai đoạn đầu của thời kì đổi mới (1986-1990), Đảng ta chủ trương thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn?

A. Để giải quyết nhu cầu về lương thực-thực phẩm-hàng tiêu dùng cho nhân dân.

B. Để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu lương thực- thực phẩm-hàng tiêu dùng.

C. Để giải quyết nhu cầu về thu nhập và việc làm cho người lao động.

D. Để tận dụng lợi thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và khu vực.

**Câu 605.** Xây dựng nền dân chủ XHCN, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân được thể hiện trong lĩnh vực nào của đường lối đổi mới?

A. Kinh tế. B. Chính trị.

C. Văn hóa. D. Xã hội.

**Câu 606.** Thành tựu nào là cơ bản trong bước đầu của công cuộc đổi mới (1986-1990)?

A. Kiềm chế được lạm phát.

B. Phát triển kinh tế đối ngoại.

C. Thực hiện được ba chương trình kinh tế.

D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội.

**Câu 607.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu dẫn đến khủng hoảng trầm trọng về kinh tế- xã hội trong thời kỳ 1980-1985?

A. Do hậu quả chiến tranh.

B. Do chính sách cấm vận của Mĩ.

C. Do sai lầm, khuyết điểm trong việc lãnh đạo, quản lí.

D. Do quan hệ giữa Việt Nam – Trung Quốc căng thẳng.

**Câu 608.** Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế nước ta trước và sau thời điểm đổi mới là gì?

A. Chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường.

B. Chuyển từ nền kinh tế thị trường sang nền kinh tế tập trung bao cấp.

C. Xóa bỏ nền kinh tế tập trung bao cấp hình thành nền kinh tế mới.

D. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.

**Câu 609.** Nguyên nhân cơ bản làm nên thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta là

A. tinh thần đoàn kết, lao động cần cù của nhân dân Việt Nam.

B. sự lãnh đạo sang suốt của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo.

C. hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, sự giúp đỡ to lớn của bạn bè thế giới.

D. tình đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân ba nước Đông Dương.

**Câu 610.** Tác động lớn nhất của tình hình thế giới đến công cuộc đổi mới của Đảng ta là

A. cuộc Chiến tranh lạnh chấm dứt.

B. hệ thống CNTB thế giới lớn mạnh.

C. chính sách diễn biến hòa bình từ các nước tư bản.

D. cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của hệ thống XHCN.

**Câu 611.** Điểm khác về chính sách đối ngoại sau thời kì đổi mới so với trước đó là

A. Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới.

B. Việt Nam chủ yếu quan hệ với các nước XHCN.

C. Việt Nam chỉ quan hệ với các nước Châu Âu.

D. Việt Nam chỉ quan hệ với các nước ASEAN.

**Câu 612.** Mục đích cơ bản nào sau đây trong công cuộc đổi mới nhằm hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động?

A. Để tiện lợi cho việc sản xuất.

B. Để loại bỏ các hiện tượng tiêu cực.

C. Để giải phóng sức lao động ở nông thôn.

D. Để khuyến khích sản xuất ở nông thôn.

**Câu 613.** Vì sao trong đường lối đổi mới (1986), Đảng chọn đổi mới kinh tế là trọng tâm?

A. Do đất nước đang khủng hoảng kinh tế trầm trọng.

B. Do đất nước đang thiếu lương thực trầm trọng.

C. Do yêu cầu giải quyết việc làm cho nhân dân.

D. Do hàng hóa trên thị trường khan hiếm.

**Câu 614.** Thành tựu cơ bản nhất của nước ta sau 20 năm đổi mới (1986-2000) là gì?

A. Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo lớn của thế giới.

B. Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, mở rộng về quy mô và hình thức.

C. Hàng hóa trên thị trường dồi dào, đa dạng, lưu thông thuận lợi.

D. Đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội.

**Câu 615.** Điểm mới cơ bản của Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) so với Đại hội Đảng lần thứ V (1982) là gì?

A. Đảng nhận thức được thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kì lâu dài nhưng gặp nhiều thuận lợi.

B. Đảng nhận thức được thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kì lâu dài, khó khăn và trải qua nhiều giai đoạn.

C. Đảng nhận thức được thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu cấp thiết và quyết tâm thực hiện.

D. Đảng nhận thức được phải đổi mới để nhanh chóng đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

**Câu 616.** Yếu tố cơ bản nhất dẫn đến sự thành công trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới (1986-1990) là

A. đổi mới kinh tế-chính trị.

B. đổi mới về văn hóa -xã hội.

C. đổi mới về chính sách đối ngoại.

D. đổi mới về tư duy, nhất là tư duy về kinh tế.

**Câu 617.** Bài học kinh nghiệm cơ bản được Đảng ta rút ra trong thời kì đầu đổi mới là gì?

A. Đẩy mạnh quan hệ đối ngoại hòa bình.

B. Tranh thủ sự giúp đở của các nước trong khu vực.

C. Duy trì môi trường hòa bình để xây dựng đất nước.

D. Huy động cả hệ thống chính trị vào công cuộc đổi mới.